

15 THÁNG 6 NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ờ I . Đ A I

năm mười ba

EOÀN NHẬT TẤN *ý thức huyết thống trong tinh thần*
dân tộc Việt • PHẠM VIỆT CHÂU *trăm Việt trên*
vùng định mệnh : Phi-luật-tân giữa vùng lầy phong
kiến và tư bản • CHÀNG LƯU *sa mù, người là*
ai • TRẦN THÁI ĐÌNH *biện chứng pháp ở đồng*
phương • HỒ DÃ TƯƠNG *phương vị các chính*
dang • HOÀNG NGỌC TUẤN *mưa mùa đông trên*
tuổi thơ • NGUYỄN NGU Í *sính lễ* • VŨ HOÀNG
CHƯƠNG *mối tình đầu* • ĐỊNH NGUYỄN *ngổ cao* •
ĐÔNG TRÌNH *đời không bằng mộng* • TƯỜNG
LINH *mẹ quê xa* **SINH HOẠT** *hồng y Suenens lên*
tiếng về cách làm việc hình thức, háo danh và lỗi
thời của đình thần La-mã • *chuyến bay Apollo 10*
• *dục tính trong nghệ*
thuật mới • *thời sự chính*
trị • *thời sự văn nghệ* •

299



Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 76

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



BÁCH

'KHOA THỜI-ĐẠI

Số 299 ngày 15-6-1969

ĐOÀN NHẬT TẤN ý-thức huyết-thống trong tinh thần dân-tộc Việt	5
PHẠM VIỆT CHÂU trăm Việt trên vùng định-mệnh : Phi-luật-tân, giữa vũng lầy do phong kiến và tư bản Tây-phương để lại	11
CHÀNG LƯU sa mù, người là ai ?	17
TRẦN THÁI ĐÌNH biện-chứng-pháp ở Đông-phương	21
HỒ DÃ TƯƠNG phương vị các chính đảng	29
HOÀNG-NGỌC TUẤN mưa mùa đông trên tuổi thơ (truyện)	39
NGUYỄN NGU Í sinh lễ (thơ)	49
VŨ HOÀNG CHƯƠNG mối tình đầu (thơ)	50
ĐÌNH NGUYỄN ngõ cao ((truyện)	52
ĐÔNG TRINH đời không bằng mộng (thơ)	59
TƯỜNG LINH mẹ quê xa (thơ)	60
SINH HOẠT	
TRẦN THÁI ĐÌNH : Hồng-Y Suenens lên tiếng về cách làm việc hình thức, háo danh và lỗi thời của đình thần La-mã	63
TRẦN LƯƠNG NGỌC chuyển bay Apollo 10	68
NG. TRANG dự tính trong nghệ thuật mới	71
TRÀNG THIÊN thời sự văn nghệ	73
THẾ NHÂN thời-sự chính trị	76

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở : GIÁ gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Ngàn cánh hạc** truyện của Yasunari Kawabata, Nobel 1968, bản Việt văn của cô Trùng-Dương do Trình-Bầy xuất bản và tác giả cùng nhà xuất bản gửi tặng. Nguyên tác "Sembazuru" đã được Giải thưởng Hàn lâm-viện nghệ-thuật Nhật-bản 1954, bản Việt-văn dịch theo bản Anh-văn "Thousand Cranes", dày 196 trang. Bản đặc biệt. Giá bản thường 120 đ.

— **Không một vì sao** truyện dài của Hoàng-Anh, do Hoa-Đặng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 276 trang, Tựa của Duyên Anh. Giá 145đ.

— **Vỏ đạn cho con trai đầu lòng** truyện dài của Nguyễn đình Thiều do Hoa-Đặng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 312 trang. Giá 160đ.

— **Đời thủy thủ** truyện dài của Vũ Thất, do Thiên Tứ xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 184 trang.

— **Những chủ-đề hiện đại của Triết-học**, nguyên tác "Les thèmes actuels de la Philosophie" của Emile Brehier, bản dịch của Mai vi Phúc do Kỷ-nguyên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 122 trang, gồm 14 chương. Bản đặc biệt. Giá bản thường 80đ.

— **Chung cuộc** tập truyện của Thảo-Trường và Du-Tử-Lê, do Trình Bầy xuất bản và Du-Tử-Lê gửi tặng. Sách dày 210 trang, gồm 4 truyện của Thảo Trường và 5 truyện của Du Tử Lê. Giá 130đ.

— **Việt-Nam thi nhân tiền chiến** (quyển hạ) do Nguyễn Tấn Long biên soạn, Sống Mới xuất bản và soạn giả gửi tặng.

Sách dày 810 trang, gồm một số nhà thơ như : Á-nam Trần Tuấn Khải, Bích Khê, Đình Hùng, Đông-Hồ, Mộng Tuyết, Hàn Mặc Tử, Tú Mỡ, Yên Lan v.v. Giá 400đ.

— **Khuynh-hướng thi-ca tiền-chiến** (Biển-cổ văn học thế-hệ 1932-1945) do Nguyễn Tấn Long, Phan Canh sưu tầm và biên soạn, Sống Mới xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 280 trang gồm 4 chương có đề cập đến cuộc khẩu chiến và bút chiến về thơ cũ thơ mới, cuộc bút chiến giữa 2 phái : nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh. Giá 300đ.

— **Những tiếng đồng âm**, do Việt Phong Phan Công Giàu biên soạn, Tân-Việt xuất bản và soạn-giả gửi tặng. Sách dày 394 trang «có mục đích giúp các học sinh viết tiếng V.N. đúng dạng-tự và các bạn yêu thơ tìm vần dễ dàng khi cảm tác». Giá 180đ.

— **Phân-tâm-học** áp dụng vào việc nghiên cứu các ngành học-văn của Vũ-đình-Lưu, do Tổ-hợp xuất bản Giá ấn-hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 166 trang gồm 8 phần : Phân tâm học và ngôn ngữ học, xã hội học, triết học, nghệ thuật tôn giáo v.v... và cuộc đời của S. Freud. Bản đặc biệt. Giá bản thường 110đ.

Đất hứa tập truyện của Nguyễn thị Hoàng, do Hoàng Đông Phương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 255 trang gồm 10 truyện, bìa Đình Cường. Bản đặc biệt. Giá bản thường 170đ.

Thêm một lần hoa nở, trường ca của Phạm-thế-Mỹ do Tu-Thư Đại-học Vạn-hạnh xuất bản nhân lễ Phật Đản 2513 và tác giả gửi tặng. Sách dày 20 trang, khổ 21 x 27, do T.T. Thích Minh Châu giới thiệu, phụ bản "Tâm niệm hòa bình" của Lữ-Hồ. Bản đặc biệt.

Ý - thức huyết - thống

trong tinh - thần dân - tộc Việt

Trong tinh-thần dân-tộc không phải chỉ có huyết-thống, nhưng phải nhận rằng huyết-thống là một yếu-tố quan-trọng ở những dân-tộc tồn-tại lâu đời như dân-tộc ta. Tồn-tại không có nghĩa đơn-giản là dân-tộc đã sống còn mà hàm cả một quá-trình phấn-đấu cam-go lâu dài trước áp-lực của thù-địch, của rừng thiêng nước độc, đất khách quê người, trên con đường di-dân hàng vạn dặm. Những nỗi gian-truân triền-miên ấy đã khiến chúng ta luôn luôn tự-vệ và bám chặt vào một dây liên-kết hữu hình, cụ-thể hơn là những tư-tưởng tình-cảm cao-xa nhưng trừu-tượng vô-thường.

Nếu vì thế mà ý-thức huyết-thống đã nảy sinh trong dân-tộc thì ngược lại nó cũng tác-động vào dân-tộc để ràng buộc chúng ta như trong một gia-đình bao-la rộng lớn. Tình-cảm gắn chặt chúng ta với đồng-bào đồng-chúng như với anh em cốt nhục trong một nhà : Không ai có thể đoán biết được truyền-thuyết « Tiên Rồng sinh một trăm con » đã được đặt ra bao giờ, để cố-gắng giải-thích một mối tình đã vốn có hay để cổ-động cho người Việt ta thương yêu nhau như ruột thịt trong gia-đình, nhưng chắc-chắn đó là hai sự-kiện có liên-quan mật-thiết với nhau : cái này

tựa lên cái kia mà xuất-hiện. Dù truyền-thuyết có do ai đặt ra, một khi nó được chấp-nhận để mà tin-tưởng và truyền miêng cho nhau nghe từ đời này sang đời khác là nó đã hợp được với cái tâm-lý chung của mọi người, cái ý-thức coi dân-tộc như cùng chung một dòng máu mủ, dân-tộc là một hình-thức khuếch-đại của gia-đình. Rồi từ đó, phong-tục, lễ-thói, luật-pháp, chính-trị, giáo-dục, tín-ngưỡng cũng dựa trên căn-bản ấy mà phát sinh thành cái «thượng-tầng kiến-trúc» để mà củng-cố ngược lại huyết-thống là «hạ-tầng cơ-sở».

Từ xa xưa, tổ-tiên ta không chấp-nhận hôn-nhân dị-chủng như một thói thường. Công-chúa Huyền-Trân, nếu không bị gả cho một vua Chăm thì chắc về sau không còn ai nhắc-nhở đến nàng nữa. Cho đến ngày nay việc người nước ta lấy chồng lấy vợ ngoại-chủng vẫn còn đang gặp rất nhiều trở ngại. không phải ở sinh-lý mà chính là ở phong-tục, ở tâm-lý nghĩa là ngay trong ý-thức của con người (xem «Hôn-nhân dị-chủng» của Mộng-Trung Bách-khoa Thời - đại từ số 215 năm 1966). Ngay trong những thời giống dòng bị ngoại-thuộc, bọn « đại-trượng-phu » ngoại-quốc sang đây cũng đã phải tự nhận chỉ được biết người đàn bà Việt qua

hạng "nhất thốn thồ bất tri kỷ nhận canh", một lớp cận-bã mà xã-hội nào cũng có (1).

Trong một nhân-loại mà từ lâu không còn có chủng-tộc thuần-túy nữa thì tinh-thần kỳ-thị chủng-tộc trong hôn-nhân phải là một biệt-lệ. Nếu biệt-lệ ấy mà thật cứng rắn thì giống dòng phải thuần-nhất và trong đó người ta có coi nhau như bà con ruột thịt cũng không chỉ là chuyện ý-thức hay tình-cảm suông mà quả thực đã có một cộng-đồng khí-huyết ngày càng chặt-chẽ: Xem như trường-hợp hai vợ chồng ông A ở đời trước sinh ra một người con hiện sống đồng thời với chúng ta thì trong khí-huyết người con thế nào cũng có phần huyết-thống do cả cha lẫn mẹ truyền lại. Hai vợ chồng ông A lại nhận được hình-hài khí-huyết mình do cha mẹ ở đời trước nữa truyền cho. Rồi lên trên nữa, 4 người này mỗi người lại do hai người ở đời trước nữa sinh ra. Cứ như thế lên dần thì số người mà đứa con ông A tiếp nhận huyết-thống sẽ là: $2, 2^2, 2^3, \dots, 2^n$, nếu có 1, 2, 3, hay n đời kể từ tổ-tiên bậc n đến vợ chồng ông A. Trong điều-kiện người cùng họ hàng không lấy nhau như trong phong-tục ta thì có thể tính được một người đời này đã nhận được huyết-thống do sự di-truyền của một số là 2^{20} người ở 20 đời về trước, số này tính ra là hơn 2 triệu người. Có thể là dân-số nước Việt ta thời ấy. Cho nên càng xa nguồn gốc dân-tộc, chúng ta lại càng nhận đủ các dòng máu của tổ-tiên để cùng có một cái vốn di-truyền giống nhau trong cơ thể.

Sự thực có lẽ không đơn-giản như vậy và trong thực tế dòng giống ta không còn thuần nhất với những dòng

máu ngoại lai. Từ ngày đụng chạm với người Tàu, người Chăm... đã có nhiều pha trộn rồi; có thuần nhất chẳng là trong cái ý-thức huyết-thống vẫn được nuôi dưỡng mạnh-mẽ bởi phong-tục, giáo-dục, tín-điều, thành-kiến và do hậu ý của các nhà đạo-đức chính-trị mỗi thời. Dòng dõi liên-tục và trường-cửu ngày nay đang còn là mối bận tâm của nhiều người Việt: người ta có thể cam chịu mồ-côi cả cha lẫn mẹ, nhưng không gì nào ruột bắng có chồng vợ mà không được một mụn con. Mặc cho có kẻ mỉa mai thói đời "chúc nhau sinh năm để bảy được vuông tròn", nhưng những người đã từng khai sơn phá thạch lấp biển khàn hoang từ miền Bắc cần-cối vào tận đời Đồng-nai Bến-nghé, không làm gì có chuyện "bồng-bể nhau lên nó ở non" mà lời nguyện rủa "tuyệt-tự" mới là lời cay độc nhất. Ước vọng bình-sinh của bà con ta vẫn là nuôi con lớn và dựng vợ gả chồng, ai làm xong trách-nhiệm ấy mới tự thấy mình có quyền an nghỉ tuổi già.

Giống dòng như gánh chịu tất cả. Người ta chửi bới ai thì chỉ cần nhắc đến "ông cha mầy", "tổ tiên mầy" là đủ gây xói-xa cho người đó, không cần phải nói ông cha ông tổ đó đã tốt xấu như thế nào. Tiếng "bà con" vốn có nghĩa là cùng họ cùng hàng (như trong câu: hai người này có bà con với nhau) lại được dùng để gọi người quen kẻ lạ trong dân-tộc. Lễ giáo xã-hội ta dạy

(1) Sách chép rằng thời ấy phái-đoàn sứ-giã Tàu sang tấn-phong vua ta, bà Đoàn-thị-Điễm được cử ra tiếp-tân đã phải đối đáp với họ: "An-nam nhất thốn thồ bất tri kỷ nhận canh" (lời của sứ Tàu) "Bắc-quốc đại-trượng-phu giai do thử đồ xuất" (Bà Đoàn đối lại) (Chưa có nghi-vấn nào được đặt ra về giai-thoại này).

chúng ta gọi người khách lạ bằng chú, bác, cô, dì... miễn là họ xứng tuổi tác ấy đối với chúng ta. Người ta còn đánh giá chúng ta theo dòng đời: «Lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống». Tở-tông nòi giống như là cái đặc-thù của mỗi chúng ta, không còn có tốt hay xấu riêng mình nữa mà chỉ có cái tốt hay xấu của huyết-thống.

Ý-thức huyết-thống đã đi sâu vào tâm-lý, vào nếp sống nếp nghĩ của dân tộc đến độ trở thành một ý-thức-hệ độc-đáo chi-phối người Việt ta như một tôn-giáo: Nếu cha mẹ, ông bà hung ác thì cái bản tính hung ác ấy bắt lợi cho sự tiến-hóa của nhân-quần, có thể di-truyền lại cho con để rồi đưa con sống với tất cả hậu-quả tai-hại của một bản-tính khả-ố; khi mình muốn làm hại kẻ khác mà họ phải tự-vệ hay trả thù vào gia-đình, con cháu mình thì không có gì phải nhắc đến một lẽ quả-báo siêu-hình nào, khi buồn bán mà thực thà thì cửa hàng được tín-nhiệm, phát-đạt đến đời con cháu thì cũng không có gì cao xa hơn cái luận-lý thông-thường. Nhưng những sự-kiện như thế đã được khái-quát ra cho cả dòng đời từ đời nọ đến kiếp kia và được kể làm bằng chứng thuyết-minh cho một tín-điều mẫu-nhiệm: «cha mẹ làm lành» con «gặp phúc», cha mẹ làm ác con gặp họa:

*«Người trồng cây hạnh người chơi
Ta vun lấy đức để đời cho con.»*

Lục-ông nhờ «tu nhân tích đức» mà
«sớm sanh con hiền»

«Đặt tên là Lục-Vân-Tiên».

Những người gặp nhiều may-mắn thường tin ở «phước nhà». Nhiều người cho rằng mình làm ăn khá là do «phước

đức ông bà để lại». Khi có một gia-đình mà người cha keo kiệt, trọc-phú, chỉ biết có tiền mà không lưu tâm đến việc dạy-dỗ con thì hậu-quả tự-nhiên là con ý lại vào tiền sản có để chơi-bời hoang phí: nhưng bà con ta lại đưa ra cái luật «cha thu con phát» hay «cha vay con trả» mà minh-nghiệm như một giáo-lý siêu-hình. Phải chăng ở đó đã có một nhà đạo-đức vô-danh nào muốn lợi dụng cái ý-thức huyết-thống mạnh mẽ của con người để đưa ra một tín-điều khiến họ làm lành lánh dữ? Hay giáo-lý luân-hồi, quả-báo của nhà Phật đã bị chan-hòa nhồi-nặn với ý-thức huyết-thống trong dân-tộc nên đã tạo thành một tín-ngưỡng mới? Nếu thế thì ngay cả tôn-giáo đã bị ý-thức huyết-thống xuyên-tạc, khuynh-đảo rồi. Không-tử rất dè-dặt khi nói đến người chết vì «nếu nói chết là mất thì bất nhân, nếu nói chết là còn thì bất trí», dù có quỷ thần đi nữa, cũng chỉ nên «kính nhi viễn chi». Nhưng Không-tử đã vô-tình thốt ra đâu đó rằng «sự tử như sự sinh», thế là, dù bậc Thầy có muốn hiểu câu ấy theo nghĩa nào, người ta cũng không chịu kính-cần dè-dặt theo Thầy dạy nữa, người ta thì nhau đem nào cơm, canh, cá thịt, bánh trái dâng lên bàn thờ cho ông bà hưởng-dụng như lúc các ngài còn sống, tiền bạc quần áo muốn gửi qua bên kia thế-giới phải cắt bằng giấy và đốt đi để các ngài có mà ăn tiêu như lúc sanh-tiền, cho thỏa lòng người con chí-hiểu luôn luôn thấy tâm-hồn và thể xác mình gắn chặt với dòng máu đã kết đọng nên mình.

Cho nên nếu chúng ta cũng nghĩ như Đào-Duy-Anh rằng tế-tự tổ-tiên của người nước ta là lấy sự duy-

trì chủng-tộc làm mục-đích » (Việt-nam Văn-hóa Sử-cương Quan - Hải Tùng-thư trang 145), thì hãy khoan nhìn những người « thờ cúng ông bà » là những giáo-hữu của đạo này đạo nọ.

Xưa kia bọn thầy Tàu sang nước ta « làm nghề phong - thủy đã mê - hoặc dễ dàng dân-ta nhờ khai-thác óc huyết-thống trong quần-chúng để cho họ « tâm-long diễm-huyết » đời mồ cật mà cha ông cho con cháu « phát vương phát trạng » về sau : Theo cụ Phan-Kế-Bính kể trong Nam-Hải Di-nhân, rất nhiều bậc anh-tài nước ta như Đinh-Bộ-Linh, Lý - Công - Uân, Mạc-Đĩnh-Chi, Lê-Quý - Đôn... được coi như đã nhờ hài cốt cha ông may gặp « thiên-táng » mà làm nên danh-phận !

Và huyết-thống cũng đã xen vào chính-trị ở cái nước mà « một giọt máu đào hơn ao nước lã » này. Các nhà chính-trị ta thích kêu gọi công-dân trong nước bằng « đồng-bào » nghĩa là như anh em cùng một cha mẹ với họ. Ai mà chẳng động lòng ? Nhưng ai cũng biết nhiều khi chỉ là chuyện lợi-dụng có hậu ý cái óc huyết-thống của dân ta bởi vì chuyện từ bên này vĩ tuyến đem khí-giói qua giết « đồng bào ruột thịt » bên kia vĩ-tuyến đang là chuyện điều điều-định mãi không xong. Các lãnh-tụ chính-trị cũng thích tự ví mình như « cha già » dân-tộc. Đảng ở miền Bắc dạy trẻ con gọi lãnh-tụ bằng Bác như trong gia-đình tuy giềng-mối gia đình là cái gai trước mắt cho những người đầu đầu cũng chỉ thấy có giai-cấp. Đảng, giai-cấp làm gì có Bác (1) ? Trẻ thơ làm gì yêu nổi lãnh-tụ và Đảng ? Nhưng nhà chính-trị đã dụng tâm đánh tráo cái quan-hệ giữa đảng-viên với tình-cảm trong họ-hàng ở tâm-hồn non-nớt của trẻ con để làm cho trẻ con tin-tưởng rằng

nó cũng một họ hàng với lãnh tụ mà thương yêu quý mến như chính ông bác là anh của cha nó vậy. Điều đó không phát-giác được một tình-cảm nào vốn đã có trong giai-cấp, nhưng nó lại chứng tỏ rằng chỉ có huyết-thống, dòng giống họ hàng mới đem lại tình-thương khăng-khít bền vững trong lòng người Việt chúng ta. Chính huyết-thống đã chi-phối chính - trị mặc dù trong thâm tâm chính-trị cố tình lợi-dụng huyết-thống : nếu có ai làm vàng giả thì đó chính là những người đã thật tình tin-tưởng hơn ai hết vào cái giá-trị vô-địch của vàng.

Gẫm lại thì từ ngày tập-đoàn người Việt ta còn là bộ-lạc sống quây-quần như trong một gia-đình, dân gọi vua bằng « bố cái » cho đến bây giờ quốc-gia có tổ chức với trên bốn nghìn năm văn-hiến, cái ý-thức huyết-thống ràng buộc chúng ta không bị phai nhạt chút nào. Đó là dăm chân mộ chỗ hay đã có tiền bộ hơn xưa ?

Phải nhận rằng ngoại trừ những trường hợp lạm-dụng với thủ-đoạn phi-nghĩa, tinh-thần dân-tộc, dựa trên một ý-thức huyết-thống mạnh-mẽ đã bảo-đảm rất nhiều cho sự sống còn của người Việt. Bốn nghìn năm tồn-tại là bốn nghìn năm chiến-đấu cho một chỗ đứng dưới ánh sáng mặt trời. Nhưng nó là của cả chủng-tộc chứ không phải riêng biệt cho mỗi cá-nhân, vì nó quá mạnh, quá thường-trực nơi chúng ta, không những ở người Việt mà ở nhiều dân-tộc, không những

(1) Bác Hồ, Bác Mao, còn Stalin là lãnh-tụ cấp trên trong Đệ-tam Quốc-tế nên được gọi bằng « Ông » : « Thương cha thương mẹ thương chồng — Thương mình thương một, thương Ông thương mười » (Thơ Tố-Hữu khóc Stalin chết năm 1953). Trong lịch-sử Cộng-sản quốc-tế, hiện-tượng này chỉ xuất-hiện ở người cộng-sản Việt.

ở con người mà ở mọi sinh vật, nên ta phải còn thấy ở đó một cái gì cố-định hơn là ý-thức : đó là bản-năng, bản-năng sinh-tồn, duy-trì chủng- tộc, một bản-năng rộng lớn vượt ra ngoài tầm ý-thức của chúng ta, đến nỗi nhiều khi chúng ta không nhìn nó được toàn diện: Xin nêu ra đây một trường-hợp để suy gẫm về cái tầm rộng lớn của bản-năng này trong vạn-vật và đang chi - phối mạnh-mẽ chúng ta ngay trong khi chúng ta tưởng rằng mình hành-động có ý-thức : Đó là sức tác-động của nó vào mức-độ sinh-sản của giống dòng :

Sự sinh-sản, phát-triển đông-đúc ở một chủng-loại là một phản-ứng tự-nhiên chống lại mọi nguy-cơ bị tiêu-diệt : Nhà nông ở thôn quê rất quen thuộc với hiện tượng những cây lúa bắp cần-cỗi thì sớm trổ hoa kết trái hơn là những cây sinh-trưởng bình-thường; trong một đám cải, cây nào yếu còi hơn bao giờ cũng trổ hoa trước. Ruộng mía đang tốt tươi, nếu xảy ra bão lụt làm cho thân cây bị nguy hại, tức thì mía trổ cờ (trổ hoa) ngay, tuy mía không sinh sản bằng hột nhưng đó là một phản-ứng bảo-vệ giống dòng. Việc ra trái này con đề nối dõi cho nòi giống khỏi tiêu-diệt là một bản-năng thường-trực của cỏ cây. Ở thú-vật, những giống bị sát hại nhiều nhất thường là những giống sinh con đông đảo và mau lẹ nhất : gà, vịt, heo mỗi ngày bị hạ sát hàng triệu con, nhưng đó lại là những loài sinh sôi nảy nở đầy dẫy khắp trong thiên hạ. Người ta có ý thức nuôi dưỡng nó mà ăn thịt chẳng ? Quả vậy, nhưng vì đã có người làm việc đó thì chủng-loại nó không còn phải ứng phó với nguy-cơ bị tiêu-diệt bằng cách nào khác hơn là đẻ cho thật nhiều trứng nhiều con. Trong hàng triệu cái trứng cá đẻ ra trong nước trong hàng triệu con cá lẫn-tẩn

trong sông, biển, chỉ có một phần rất ít thoát chết và lớn lên, đó là lý-do khiến cá sinh mỗi lần vô số trứng để chống lại cái số phận mong-manh này. Nếu có giống dòng nào phải tiêu-diệt thì là do sự kiệt-quệ của cả giống dòng chứ trách-nhiệm không ở mỗi cá thể đã phải chịu quá nhiều rủi ro như vậy.

Con người không thể coi như con vật, nhưng ngoài lãnh-vực ý-thức và tự-do đặc-thù của nhân-tính, người cũng là sinh-vật, những gì có ý-thức lúc ban đầu, về lâu về dài cũng biến thành thói tật và di-truyền thành bản - năng nếu người ta chỉ lăn-quần lâu đời ở đó. Ai cũng biết sau những năm chiến-tranh sát hại nhiều nhân-mạng, người ta đua nhau sinh đẻ rất nhiều, những gia-đình nghèo, con cái thường đông-đúc hơn những nhà dư ăn dư để. Cái phản-ứng chống lại nguy-cơ tiêu-diệt giống dòng cũng đã nhập vào vô-thức để biến thành bản-năng chủng-loại từ lâu ngay cả ở loài người. Trên thế-giới ngày nay những dân-tộc mà đồ biểu dân - số tăng vùn vụt thường không phải là những dân-tộc giàu có sung-túc. Cho nên nếu vì sợ nạn-nhân mãn mà hạn-chế sinh-sản thì có đúng chẳng ? Nếu quả thật có cái bản-năng mãnh-liệt của chủng-loại đang chi-phối con người chúng ta từ trong vô-thức tập-hợp (inconscient collectif theo C. Jung) thì bản-năng ấy rồi sẽ vùng lên dưới hình - thức này hay hình-thức khác để chống lại mọi mưu-đồ làm giảm sức sinh-sản của con người. Lại nữa những giải-pháp nhân-tạo có ý-thức về lâu về dài chắc-chắn sẽ mang đến tai-họa lớn cho nhân-loại : những giải-pháp như thế dù không thực-tiếp giết

người nhưng cũng gieo vào tâm-lý chúng ta cái ý-thức bất-nhân thường-trực coi sự sống của chính con người như một tai họa đáng tránh rồi lâu ngày nó không khỏi làm thay đổi đến tận căn-bản cái tiên-thiện hiếu-sinh trong ý-thức đạo-đức của chúng ta. Cho nên vấn-đề có thể không phải là thiển hay mang vòng ngửa thai đề rồi sẽ ở trong một vòng lẫn-quần với sức phản-ứng mãnh-liệt của chủng-tộc mà chính là phải lo cho con người được no đủ, cho cái lẽ sinh-tồn của dòng giống không còn bị uy-hiếp nữa thì số sinh-sản tự nhiên sẽ giảm xuống. (Con người có khi nghĩ rằng việc đồ mồ-hôi rất phiền-phức mà cũng không cần-thiết lắm vì đã có đường tiêu-tien để bài-tiết muối và urée. Nhưng muốn giải-trừ phản-ứng ấy của cơ-thể chống lại sự nóng bức, người ta chỉ làm cho khí trời mát-mẻ là mồ-hôi tự-nhiên hết không ai lại uống thuốc: phòng ngừa hay giải-phẫu bao giờ. Hiểu rõ thiên-nhiên để chiều theo mà chế-ngự thiên-nhiên, đó là một kinh-nghiệm đấu-tranh lâu đời của con người trước tạo-vật).

Vấn biết việc lo đủ ăn đủ mặc cho một dân-số gia-tăng gấp bội hàng năm trên mặt địa-cầu là một việc khó, nhưng những vấn-đề của giống dòng bao giờ cũng là những vấn-đề kiên-nhẫn, lâu dài vì có liên-quan đến cái bản-chất của sinh-vật đã tạo lập từ muôn vạn đại đến giờ thì không thể giải-quyết bằng sáng-kiến tiêu-cực, nông nổi, nhất thời của một số nhà chính-trị hay kinh-tế bất tài một thời-đại mà xong được.

Có nhìn dân-tộc ở khía cạnh huyết-thống trong một trường-hợp nổi bật như ở người Việt ta, mới thấy mối tương-quan giữa một tinh-thần dân-tộc

mãnh-liệt với cái phần khí-huyết, thể-chất của con người như ở cái bản-năng chủng-loại của các sinh-vật khác. Rồi có đặt vấn-đề dân-tộc vào qui-mô rộng lớn của một xu-hướng chung ở muôn loài trong tạo-vật, chúng ta mới thấy rằng dân-tộc ở con người phải thể-hiện được cái gì cao hơn là ý-hướng sinh-tồn trường-cửu vốn đã từng có ở thú-vật cỏ cây. Khi con người nói đến dân-tộc họ không phải chỉ nói đến chuyện trường-tồn; khi một xã-hội người còn sống đến ngày họ đọc lại được lịch-sử mình thì không lịch-sử nào lại không có những trang «anh-hùng nghĩa-sĩ quật-cường bất khuất». Nhiều giống thú giống cây cũng đã từng «chiến-đấu anh-dũng» mới tồn-tại đến ngày nay. Điều khác biệt và chỉ có ở con người là cái ý-thức và tự-do, cái khả-năng sáng-tạo độc - đáo không ngừng của con người đích-thực mà lịch-sử đã chứng tỏ luôn luôn vượt ra ngoài mọi khuôn-khò định trước.

Chủng-loại chỉ là cái xiềng-xích đối với thú-vật cỏ cây, nó có tự-do chẳng là để kéo dài cái xiềng xích đó. « Chỉ có con người mới nhảy được vọt lên và phá đổ mọi xích-xiềng » (1).

Dân-tộc mà không đưa được con người đến tự-do hơn thì chỉ còn có vai-trò chủng-loại ở thú-vật.

ĐOÀN-NHẤT-TẤN

(1) « Avec l'homme seulement, un saut brusque s'accomplit ; la chaîne se brise » (Bergson, L'Énergie spirituelle).

TRAM VIẾT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH ;

(Xin xem B K. T Đ. từ số 290-291)

PHI-LUẬT-TÂN

giữa vùng lầy do phong-kiến và tư-bản Tây-phương để lại

Thành-phần xã-hội hiện-tại

Cũng như tất cả các quốc gia Đông-Nam-Á khác, thành-phần chiếm đa số trong xã-hội Phi ngày nay vẫn là nông dân, dù trong nửa thế-kỷ qua, một số quan-trọng nông dân đã bỏ ruộng nương chuyển sang làm thợ trong các ngành công-kỹ-nghệ.

Đề có một ý-niệm về đời sống Phi, tưởng không gì cụ thể hơn là những con số về lợi-tức do cựu Đại-tá Valeriano đã ghi lại trong Counter Guerrilla Operations-The Philippine Experience: Mỗi năm trung-bình một tá-điền kiếm được 250 pesos (tương-đương với 12.500đ. V N), rất ít người kiếm nổi 300 pesos (tương-đương 15.000đ V N). Trong khi mỗi tháng, một gia-đình năm người phải cần ít nhất 120 pesos (tương-đương 6.000đ. V N) mới đủ sống và đủ hỗ trợ cho con cái học hành.

Sự nghèo túng ấy đã làm cho lớp cùng dân Phi ngày càng kiệt quệ và thế hệ này qua thế hệ khác, nghèo túng mang theo sự dốt nát làm cho không sao mà ngóc đầu dậy nổi.

Theo bảng liệt kê năm 1964, trong tổng số nông dân toàn quốc, 0,036 0/0 là chủ-điền có ruộng cho mượn, còn 40 % là tá-điền. Nghĩa là mỗi chủ-điền (cá-nhân hay tổ chức) cầm chịch đời sống trung-bình 1.100 tá-điền. Riêng sáu tỉnh ở trung-tâm Luzon, trên 70 % nông dân không có ruộng. Điều nguy-hiểm nhất là số nông-dân-có-ruộng-cơ-bản, thường dưới 5 mẫu-Anh, hiện đang giảm dần và trở thành tá-điền vì mang công mắc nợ, mỗi năm ít ra cũng dăm ngàn người. Hiện nay có chừng 83 % nông-dân-có-ruộng-cơ-bản đang sống trong vòng công nợ với số lãi 100 % trong mỗi vụ mùa (10).

Trở qua tình-trạng thợ thuyền ở thành-thị, có thể nói họ là một lực lượng khá lớn về nhân sự nhưng quá yếu về kinh tế nên không nắm giữ được vai trò trọng yếu của họ trong xã-hội. Tổ-chức lao-động Phi phát-triển mạnh mẽ sau thời chiến, đặc biệt trong năm 1961, số nghiệp đoàn đang từ 838 nhảy

(1) Governments and Politics of SEA, Cornell University Press, 1964, trang 711 và 712.

vọt lên 2.300. Các lãnh tụ nghiệp đoàn phần nhiều có học và thuộc lớp trung-lưu, hiện đều thấm nhuần những lý-thuyết điều khiển nghiệp đoàn kiểu Hoa-kỳ. Trong các cuộc bầu cử không những các lãnh tụ này công khai tuyên bố ủng hộ một vài ứng-cử-viên mà còn nỗ lực vận động trong nội-bộ nghiệp đoàn cho những người được ủng hộ. So sánh với lớp tá điền ở nông thôn, tuy đời sống công nhân cũng không được no đủ gì, nhưng dù sao cũng còn khả quan hơn, và hơn nữa, họ có tổ chức hơn, cho nên có khả năng trở thành một lực lượng đáng kể trong xã hội tương lai.

Ngược lại với lớp nông-dân tá-diễn (hoặc nông-dân-có-ruộng nhưng nghèo túng) và thợ thuyền trong các ngành công-kỹ-nghệ trên là thành phần chủ điền và tư-bản thành-thị. Nhóm tư bản thành-thị bản xứ không mấy quan trọng so với chủ điền, vì thực-sự tư-bản tại Phi hầu hết nằm trong tay ngoại-kiểu theo thứ tự, Hoa-kỳ, Trung-hoa, Tây-ban-nha. Tuy nhiên, với chính-sách kinh-tế của nhà nước hiện nay, nhóm này càng ngày càng trở nên phát-triển. Chủ-điền và tư-bản thành-thị có thể được gọi chung là giai-cấp phú-hào theo danh từ cũ vì họ giàu có, cũng có thể được gọi là giới thượng lưu theo cái nghĩa ăn trên ngồi trốc của nó mà người ta đã dùng trong suốt thế-kỷ qua. Nhưng có một điều cần phải chú-ý ở họ là uy-lực về chính-trị rất cao lẫn át cả uy-lực về kinh-tế, tuy cái trước do cái sau sinh ra.

Xen vào hai lớp giàu nghèo chênh lệch quá độ trên là một lớp ở giữa thường được gọi là thành phần trung-lưu. Thành phần trung-lưu trong xã-hội Phi đang phát-triển khá mạnh và đã góp phần hữu hiệu trong việc tạo dựng lên dân-

chủ, mặc dầu ngày nay việc thực-hiện dân-chủ vẫn còn đầy đầy những chông gai bởi thành-kiến và uy-quyền.

Khi nói đến thành-phần trung-lưu trong các nước khác ở Đông-Nam-Á, người ta nghĩ ngay đến những phần-tử thợ lại (bureaucracy) trong các công sở. Một phần vì guồng máy cai-trị của chế-độ thực-dân cũ còn tiếp tục chuyển vận theo trón sẵn, một phần vì ảnh-hưởng tinh-thần phong-kiến với sự phân biệt nghề thầy nghề thợ chưa được gột rửa sạch trong xã-hội. Ở Phi, tuy thành phần trung-lưu cũng bao gồm những phần-tử thợ lại trong các cơ-quan chính-quyền nhưng đồng thời cũng được kể luôn tới những kỹ-thuật-gia, chuyên viên trong các ngành hoạt-động công-kỹ-nghệ, những người làm nghề tự do khác, một số quan-trọng thợ-thuyền và nông-dân-có-ruộng có học. Trong xã-hội Phi ngày nay ít ra người ta còn có thể thấy những kỹ-sư đội nón an-toàn tay-tiếp-tay với công-nhân ngay tại các công-trường, một cảnh-trạng thật là tự nhiên không có gì đáng lạ, nhưng không phải dễ thấy nơi các quốc-gia đang phát-triển khác.

Về mặt chính-trị, tiếng nói và hoạt-động của thành-phần trung-lưu tuy không thể sánh với giới phú-hào cầm quyền nhưng không phải là không được biết đến. Cán bộ quân-đội, giới báo chí, giáo chức là những người đã mở đường cho sự tham-chính của thành phần này, đã góp tiếng nói tạo thành những nhóm áp-lực trên chính-trường.

Cán-bộ quân-đội ở Phi không có ảnh-hưởng mạnh như trong các chế-độ quân phiệt hay bán quân phiệt ở các quốc-gia khác, nhưng nhờ tinh-thần kỷ-luật và lòng nhiệt-thành, đôi khi họ được sử dụng trong các chức-vụ cai-trị với tính

cách dọn đường cho một cái tiến nào đó, như dưới thời Magsaysay. Chỉ tiếc một điều xã-hội Phi không có bao nhiêu dịp cải-tiến. Những người lãnh-đạo Phi, trừ Magsaysay, đã buông xuôi mặc cho định-mệnh đưa đẩy, mà định-mệnh ở đây không gì khác hơn là cái bóng đen của bọn ca-síc chủ-điễn, tư-bản thành-thị phủ lên toàn cảnh chiến-trường.

Giới báo chí giữ một vai trò chính-trị quan trọng hơn cán bộ quân-đội nhờ ảnh-hưởng sâu rộng của tiếng nói của họ. Tuy nhiên, thực sự họ chưa bao giờ kết-hợp lại thành một tổ-chức. Điều ấy cũng không có gì là lạ, vì những người làm báo chuyên-nghiệp ở nước nào cũng vậy, thường không ít thì nhiều đều có liên hệ với những thành-phần xã-hội, đảng phái chính-trị, cơ-sở kinh-tế... Tờ báo không nhất thiết luôn luôn là tiếng nói của các cá-nhân trong tòa soạn mà ít nhiều phản ánh những liên hệ bên ngoài. Vì vậy, nếu xét về cá-nhân những người làm báo, ta tạm xếp họ vào thành phần trung-lưu, nhưng tờ báo không bắt buộc là tiếng nói của thành phần này. Dĩ nhiên ở Phi cũng có những tờ báo tự nhận là ngôn đàn của giới trung-lưu và đã giúp giới này ý-thức được vai trò quan-trọng của mình trong xã-hội, nhưng cũng có những tờ báo tay sai của tư-bản thành-thị, ca-síc, và những tờ báo con-buôn khen liều chê bậy. Rất tiếc, số báo chí loại sau lại quá nhiều và quá mạnh lấn át mất một vài tờ báo loại trước.

Và sau cùng, cũng giống như ở các nước đang phát triển khác, giáo-chức là một thành-phần có ảnh hưởng khá cao trong dân chúng. Dĩ-nhiên, ảnh-hưởng ấy chỉ có tính-cách thuần-túy tình-cảm, về tinh-thần thì không thể

sánh được với uy-quyền tôn-giáo, về vật-chất thì thua xa mãnh lực kim tiền của giới chủ-điễn. Nhưng giữa một đám dân nghèo, dốt nát, ở thôn quê, nhà giáo nổi bật lên như một người kiêu mầu đề noi theo. Tiếng nói của nhà giáo được đón nhận một cách* đầy cảm tình. Do đó giáo giới cũng có thể là một lực lượng rất đáng kể trong thành-phần trung-lưu nếu có tổ-chức.

Chính thể và chính đảng

Hiến-pháp Phi-luật-tân được thảo và ban hành năm 1935 bởi một quốc-hội lập hiến do dân bầu dưới thời Hoa-kỳ cai-trị xứ này. Hiến-Pháp rập khuôn theo kiểu Hoa-kỳ, quy-định một hình-thức Cộng-hòa cho chính-thể Phi và có phân chia rõ rệt quyền lập-pháp và quyền hành-pháp.

Tổng-thống được nhân dân bầu trực tiếp trong một nhiệm kỳ bốn năm và chỉ được tái ứng-cử một lần. Tổ-chức chính-phủ bao gồm mười Bộ và năm Cơ-quan Đặc Ủy trực thuộc Phủ Tổng-thống. Tổng-thống Phi có quyền hành rất rộng so với các chế-độ tương-tự như Hoa-kỳ. Còn Phó Tổng-thống chỉ là một nhân vật trừ bị phòng khi Tổng-thống mệnh một hoặc bất lực thì lên thay thế. Phó Tổng-thống có thể là người của đảng khác hay thuộc hệ-phái khác trong cùng một đảng với Tổng-thống.

Bên cạnh các Bộ và Phủ Tổng-thống còn có hai cơ-quan có thẩm quyền quyết định về chính-sách kinh-tế trong nước, đó là Ngân-hàng Trung-ương và Hội-đồng kinh-tế Quốc-gia. Hai cơ-quan này cũng điều hành vấn đề tiền tệ, định-hướng cho các nỗ lực kinh-tế và các vấn-đề ngoại-viện.

Về tư-pháp, cơ-quan điều-hành cấp quốc-gia có Tối-cao Pháp-Viện và Bộ

Tư-pháp. Tối-cao Pháp-viện gồm mười một nhân-viên do Tổng-thống chỉ-định, phục vụ cho tới khi về hưu. Theo Hiến-pháp, trong việc thăm xét các đạo luật, phải có hai phần ba số thăm của các nhân-viên Tối-cao Pháp-viện mới đủ tuyên-bố một đạo luật bất hợp hiến.

Cơ-quan lập pháp thì gồm có Thượng-viện và Hạ-viện. Hai mươi bốn Thượng nghị-sĩ trong Thượng-viện được chọn trong các cuộc bầu cử chung cho toàn quốc với nhiệm-kỳ sáu năm. Cứ hai năm lại bầu lại 8 ghế, tức một phần ba số Thượng nghị sĩ. Hạ viện ngày nay gồm có 104 ghế, tuy Hiến-pháp quy-định số ghế tối đa là 120. Mỗi đơn-vị bầu-cử chọn một dân-biểu. Tỉnh nhỏ nhất có một đơn-vị bầu-cử. Nhiệm-kỳ dân-biểu trong Hạ-viện là bốn năm, cùng được bầu một năm với Tổng-thống.

Cấp chính quyền tỉnh, chính-thề Phi có qui-định mỗi tỉnh có một tỉnh-trưởng do dân bầu và một hội-đồng hàng tỉnh gồm bốn hay năm nhân-viên. Tuy nhiên quyền hành-pháp được tập trung triệt-đề ở cấp trung-ương, nên tỉnh-trưởng gần như không có quyền kiểm soát các ty trong tỉnh. Các trưởng ty đều do các Bộ liên-hệ bổ nhiệm và chịu trách nhiệm với các Bộ này. Đơn-vị hành chánh nhỏ nhất là Barrio cũng có một trưởng Barrio và một Hội-đồng Barrio do dân bầu.

Hiến-Pháp Phi quy-định quyền bầu-cử cho tất cả công-dân nam-nữ biết chữ từ 21 tuổi trở lên. Điều-kiện biết chữ đương nhiên hạn chế quyền công-dân của đám dân nghèo thất học. Ngay từ khi có những cuộc bầu cử đầu tiên và vào năm Hiến-Pháp được ban hành,

nền dân chủ Phi đã được coi như cái bung xung do giai-cấp phú-hào thao túng dưới hình thức đảng đa-số và đảng thiểu-số, còn giai-cấp khốn cùng không có tiếng nói cũng không được bầu (1).

Năm 1938, 82 trong số 98 dân biểu Phi là chủ-điền và một số luật-sư có quyền-lợi liên-hệ với chủ-điền. Chủ-điền chia ruộng cho các tá điền mượn cày cấy để ngồi không thu một nửa lợi tức. Tá-điền sống không nổi với phần thu-hoạch còn lại nên luôn luôn phải vay chủ-điền với phân lãi cắt cổ trước mùa tới. Mùa gặt đến, trang trải được nợ cũ hoặc một phần nợ cũ, rồi gia-đình tá-điền lại lâm vào cảnh bế-tắc, nghĩa là lại mắc vào nợ mới. Rồi nợ chồng chất lên mãi làm cho tá-điền trở thành kẻ nô lệ công nợ, nô lệ chủ-điền. Chủ-điền, trong tư thế ấy, đã kiểm soát dễ-dàng lá phiếu của tá-điền. Họ đã vo tròn bóp méo nguyên-tắc dân-chủ, vận-dụng và khuynh-loát cả đại-diện chính quyền với mục đích đưa Phi vào chế-độ ca-síc (ca-siquism). Những chính-trị-gia ngoài bọn này nếu muốn nắm được một số phiếu khả-quan dĩ-nhiên cũng phải có chính-sách và thái-độ đồng điệu đồng tình với chúng. Trước thế-chiến 2, chế-độ ca-síc ngự trị trên chính-trường Phi và thể hiện dưới hình-thức một chính đảng duy-nhất, đảng Quốc-gia.

Năm 1946, trong cuộc bầu cử Tổng thống, Roxas đã ứng cử với tư cách ứng viên của Phe Tự-do trong Đảng Quốc-gia, còn Osmena là ứng viên của

(1) The Philippines, A study in National Development của J. R. Hayden, New York 1942, trang 370, 371.

thành-phần thiểu-số còn lại trong Đảng. Osmena cũng được sự ủng-hộ của Liên-Minh Dân-chủ (Democratic Alliance), một chính-đảng nhỏ gồm thành-phần trung-lưu thành-thị và nông dân ở Luzon. Liên-minh Dân-chủ quá nhỏ và chỉ có tính cách địa-phương nên không tồn tại được lâu. Còn Đảng Quốc gia sau cuộc bầu cử này đã phân hóa hẳn thành hai đảng là Tự-do và Quốc-gia.

Về hoạt-động của Cộng-sản, trong Thế-chiến, họ đã tổ-chức được một Đảng võ-trang mệnh-danh là Hukbalahap thường được gọi tắt là Huk. Hukbalahap là tiếng Tagalog có nghĩa là Quân-đội Nhân-dân Chống Nhật. Tiêu tổ đầu tiên của Huk được thành lập tại một làng ở Luzon vào tháng 3 năm 1942. Đến tháng 2-1950, Huk đổi tên là Hukbong Mapagpalaya Ng Bayan (Nhân-dân giải-phóng-quân) cho hợp với hiện trạng vì lúc ấy Nhật không còn là đối tượng đấu-tranh nữa. Sau Thế-chiến, từ 1946 đến 1953, Huk đã khuấy phá không ngừng trong vùng đảo Luzon nhằm mục đích cướp chính-quyền bằng võ-lực. Miền quê Luzon là địa-bàn hoạt-động của Huk, nên dù ngày nay, Huk không còn đủ lực để lộ diện trên chiến-trường nhưng ảnh hưởng vẫn còn âm ỉ ở vùng này (1).

Trong cuộc bầu cử 1953, Nội-bộ đảng Tự-do có sự lục đục. Vì có sự bất mãn về quyền lợi kinh-tế, một nhóm nhà trồng mía và các phần-tử liên-minh đã tách ra khỏi đảng và thành lập một đảng mới lấy tên là Đảng Dân-chủ (Democratic Party), nhưng đảng này cũng không tồn tại được lâu. Cũng trong năm 1953, một nhóm thanh-niên luật-sư, thương gia cựu kháng-chiến trong Thế-chiến 2 đứng ra thành lập tổ-chức « Vận-động cho Magsaysay làm Tổng-thống ». Tổ chức này có tầm hoạt-động trên toàn quốc và không thuộc hệ-thống Đảng Quốc-gia, đảng chỉ-định Magsaysay làm ứng-viên. Khi Magsaysay chết (1957), tổ chức này hợp tác với một số cộng-sự-

viên của ông thành lập Đảng Tiến-bộ (Progressive Party). Cũng trong thời kỳ đó, Thượng-nghị-sĩ Recto thuộc Đảng Tự-do tách ra khỏi đảng, cùng với Thượng-nghị-sĩ Tanada thành lập Đảng Công-dân Quốc-gia (Nationalist Citizens Party). Hai đảng nhỏ này chỉ đứng vững được một vài năm, sau đó Công-dân Quốc-gia sáp nhập vào Đảng Quốc-gia (1959), còn Tiến-bộ sáp nhập vào Đảng Tự-do (1960).

Rút cục cho đến nay, Phi vẫn giữ nguyên hai chính-đảng Tự-do và Quốc-gia. Tuy được chia ra làm hai đảng, nhưng thực sự Phi không có hai đường lối, chính sách khác biệt nhau. Thực chất, như Lennox A. Mills (trong South-east Asia) nhận định, chỉ là giai cấp thống trị chia ra làm hai phe cạnh tranh nhau, phe nào cũng khao khát quyền hành !

Thực ra, trong chính thể Phi cũng như trong chính-đảng Phi, chưa có bóng dáng đại-diện thực sự của quảng đại quần chúng. Đó là điều cần được suy ngẫm, vì nó chính là niềm đau nhức cho nhân dân Phi, đồng thời cũng cho toàn thể nhân-dân Đông-Nam-Á.

PHẠM-VIỆT-CHÂU

(1) Căn nguyên nảy sinh ra Huk cũng như những yếu-tố nhân dân đã hỗ-trợ cho Huk hoạt-động có lẽ đã được Magsaysay nhận thấy nên vào tháng 2-1952 khi tuyên-bố từ-chức chức vụ Bộ-trưởng Quốc-phòng trong chính-thể Quirino, ông đã nói : « Thật là vô ích cho tôi nếu tiếp tục giữ cái chức vụ Bộ-trưởng Quốc-phòng này với nhiệm vụ duy nhất là giết loạn quân Huk, trong khi nhà cầm quyền vẫn tiếp tục nuôi dưỡng và dung thứ những điều-kiện tạo thành mảnh đất phì nhiêu cho (hạt giống) cộng sản » (Philippine Herald số 1-3-1951). Khi nói đến những điều-kiện tạo thành mảnh đất phì nhiêu cho hạt giống Cộng sản này mầm và phát triển ở đây, Magsaysay muốn ám chỉ tình-trạng bất-công và thối nát trong xã-hội Phi lúc ấy. Khi Magsaysay được bầu làm Tổng-thống, những cải cách của ông đã gặp rất nhiều trở ngại và gặp sự chống đối ở cả hai đảng — Đảng Quốc-gia của ông và đảng Tự-do đối-lập.

Sa - mù, người là ai ?

Suốt thời kỳ cuối đông, đầu xuân, sáng sớm thức dậy, bạn thường thấy một đám hơi trắng đục đọng trên mặt ao, dọc theo bờ đường hay thướt tha trên giòng sông. Sa-mù đấy ! Thực là hiền hòa và mát mẻ, thứ sương mai, sương hôm ở xứ ta phải không bạn ? Chỉ khi nào nó dày một chút, nó mới vướng mắt, nhất là khi bạn lái xe trên đường đèo hay dọc ven biển. Nếu bạn là phi-công, bạn sẽ bắt đầu nguyên rửa nó, vì đó là một tri kỷ gượng trong lúc cất cánh hay đáp xuống phi-trường.

Nhưng bạn có biết đâu là bạn may mắn sống ở Việt-Nam nên chưa rõ bụng người anh em đó. Ở những nước khác, sa-mù là cả một thiên-tai, không chỉ đáng kiêng nể, mà còn đáng kinh sợ nữa ! Sa-mù Luân-đôn, thủ-đô Anh-cát-lợi, là thứ dày nhất và ghê gớm nhất thế-giới, Ở đó, vào ngày cuối năm, ngồi trong phòng nhìn ra, bỗng dưng bạn thấy trời đất tối sầm lại. Chiếc đèn đường trên cây trụ sát cạnh cửa sổ lu dần, lu dần là phút chốc, bạn có cảm tưởng như rơi vào một chậu sữa, chẳng nhìn thấy đáy thấy bờ gì cả. Xô cửa ra ngoài, bạn thấy một đám mây đục, ngạt thở ào ào tuôn vào như khói un. Ôi, bạn chỉ còn có nước đóng tất cả cửa lại để chịu

đựng. Nhưng nào sa mù có tha cho. Nó len lỏi theo ngách cửa bò dần vào phòng, khiến bạn phải mau mau đốt lò sưởi thật nóng lên mới đánh tan được nó.

Còn rủi như bạn đang đi ngoài phố, bấy giờ bạn sẽ chẳng thấy gì hết, ngay cả lề đường. Xe cộ dồn đống, dồn khối, bóp kèn inh ỏi. Chiếc đèn pha dù sáng mấy đi nữa, cách bạn hai thước, cũng chẳng thấy được. Cho nên vừa đặt chân xuống mặt đường, định băng qua, bạn phải nhảy vội trở lại, vì một chiếc xe lù lù đi tới sát, mà bạn chưa thấy được ánh đèn. Bạn nhảy tới nhảy lui như vậy suốt bốn hay năm giờ liền thì mệt như chạy ba vòng chiến binh ở quân-trường. Chưa hết. Càng mệt, bạn càng thấy khó thở. Bạn có cảm tưởng như mũi, họng và phổi bị nhét đầy bông gòn, vướng víu, ngọt ngạt. Hít thật nhiều nhưng vẫn hụt hơi. Bạn phải bịt lấy mũi và lăn mò về nhà như người mù. May cho bạn đấy, vì gặp sa mù thường, không quện với khói nhà máy làm thành những chất độc khủng khiếp, có thể đánh gục bạn trong vài phút. Năm 1952, một trận sa mù ám khói ở Luân-đôn đã giết đến 4.000 người và làm tê liệt cả mấy mươi ngàn người khác vì chứa oxyt carbon (CO) và khí lưu hoàng.

כפר

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Có lẽ ngành hàng không là cay cú anh sa-mù nhất. Cất cánh lên hay đáp xuống khó khăn đã đành. Khi bay lại có thể đựng núi dễ dàng. Cho nên, khi có sa mù nhiều, phải hoãn các chuyến bay lại. Ở Mỹ, mỗi năm tốn chừng 75 triệu mỹ - kim vì chuyện dời các chuyến bay mùa đông từ giờ này sang giờ khác.

Sa mù, toàn là bong bóng nước.

Khi bạn có phép màu hóa thành một con châu chấu để nhìn đám sa mù đang lướt chầm trên ven suối, bạn thấy được gì ? Vòm trời bấy giờ bị vô số bong bóng trắng che khuất. Chúng bay lên, hạ xuống rộn rịp. Mỗi chiếc bong bóng so với kích thước châu chấu của bạn, chỉ bằng ngón chân mà thôi. Chiếc nào chiếc nấy cũng bóng loáng y như chiếc bọt xà bong của trẻ con thổi chơi, nhưng đây ấp nước lã chứ không rỗng ruột đâu. Đôi cái đụng vào nhau vỡ đánh bốp, và tan biến luôn, chẳng để lại dấu vết cụ thể nào !

Giả thử bạn vươn người lớn dần lên, thì những chiếc bong bóng ấy hóa nhỏ, hóa nhỏ mãi đến không còn thấy được nữa. Cả khối bong bóng bấy giờ trở nên một vầng trắng đục, khiến cho bạn phải trầm trồ trước vẻ đẹp của nó. Mà không riêng gì bạn, bao nhiêu nhà thơ nhà văn, nhà họa, nhà nhạc ca tụng sa-mù, tấm lụa mỏng thướt tha nhất của vạn vật miền nhiệt đới.

Tạo-hóa dệt lụa ở xứ ta

Ở Miền Nam, sa-mù được thành lập bằng nhiều cách. Nhưng quan trọng nhất là bốn cách sau đây : sa-mù nơi vùng đồng bằng ; sa mù nơi bờ biển ; sa-mù quanh đỉnh núi cao; và sa-mù ngập thung-lũng.

Sa-mù nơi vùng đồng bằng, nơi có

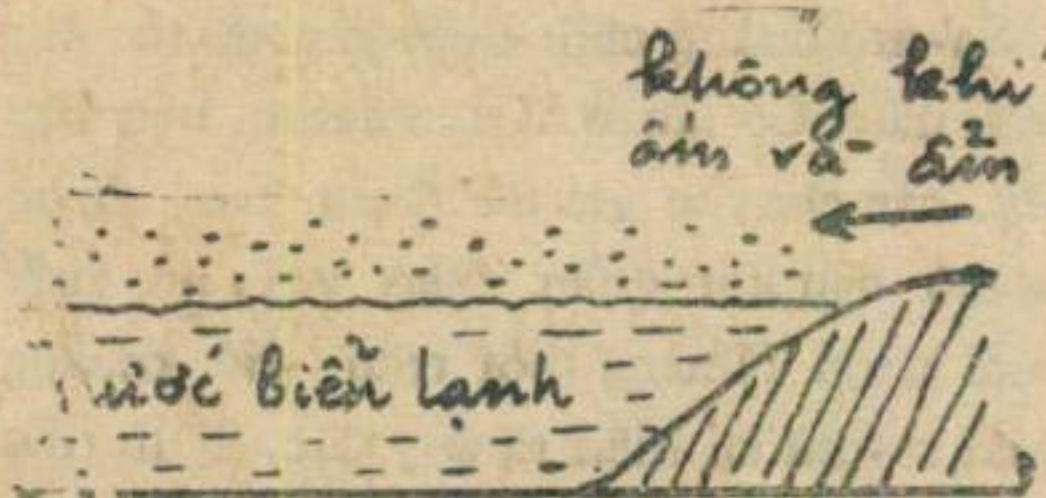
ao-hồ, đầm lầy hay sông rạch chi-chít được thành lập khi không khí trở nên lạnh. Nước ấm của nơi này bốc hơi lên, gặp khí lạnh, bèn đông lại thành từng hạt rất bé, từ 5 đến 10 phần ngàn của li. Tuy đặc ruột, hạt này vẫn bị luồng hơi bốc lên đưa lên cao, cho đến một lúc nào thì nằm thẳng bằng trên không trung. Có một trận gió nhẹ thoảng qua, sa-mù di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác và tan biến dần nếu không được hơi nước đến tiếp tế. Khi nhiệt độ xuống đến khoảng 15-18 độ C, sa-mù được thành lập dễ dàng nhất ở miền Đồng-nai và Cửu-long. Kinh-nghiệm cho thấy rằng mỗi khi nhiệt độ xuống như vậy, sáng sớm, hơi thở của bạn biến thành sương trắng, cũng như hơi thở ấm của lòng đất quê.



Sa-mù bốc lên từ đầm lầy (trường hợp đồng bằng Cửu-long).

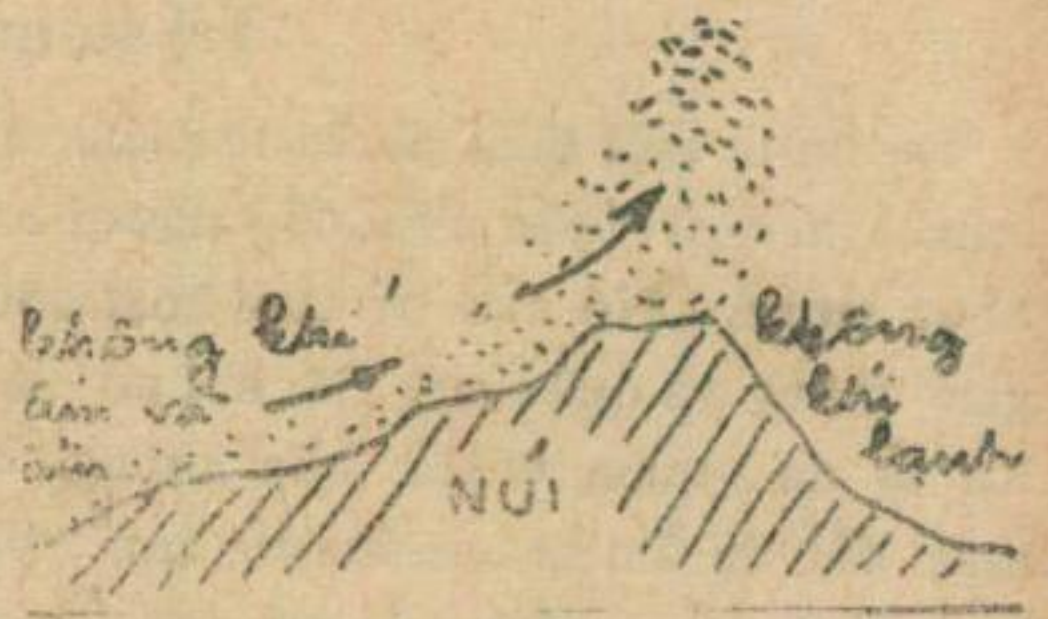
Nơi vùng ven biển hay ven hồ lớn, sa-mù có cách thành lập khác hẳn. Ở đây, khối nước to rộng có tính chất lạnh hơn không khí ấm và ẩm ướt thổi từ trong đất liền ra. Không khí hóa lạnh nên đông đặc thành hạt li-ti. Loại sa-mù này chỉ xảy ra trong những điều kiện vừa kể, cho nên không phải lúc nào bờ biển cũng có sa-mù. Tác giả chỉ được có hai dịp nhận thấy sa-mù loại này. Một lần, vào mùa lạnh gần Tết, khi gió núi đốt nóng từ Long

hải gặp hơi biển lạnh về tối của giải nước mặn. Còn một lần nữa nơi vùng Đại-lãnh, vào buổi sáng sớm mùa hè. Nhưng hai lần này, sa-mù chỉ hợp được một đôi giờ rồi tan ngay, không di chuyển xa. Hình ảnh khó quên nhất là các chiếc thuyền câu dần dần lặn vào trong sương, và biến mất. Hoặc ngược lại, vài cánh buồm từ từ nhô ra, quải-dần, như đi từ thế-giới bên kia về. Những câu chuyện thuyền ma nơi biển cả có lẽ đều do những hình ảnh tương tự như vậy.



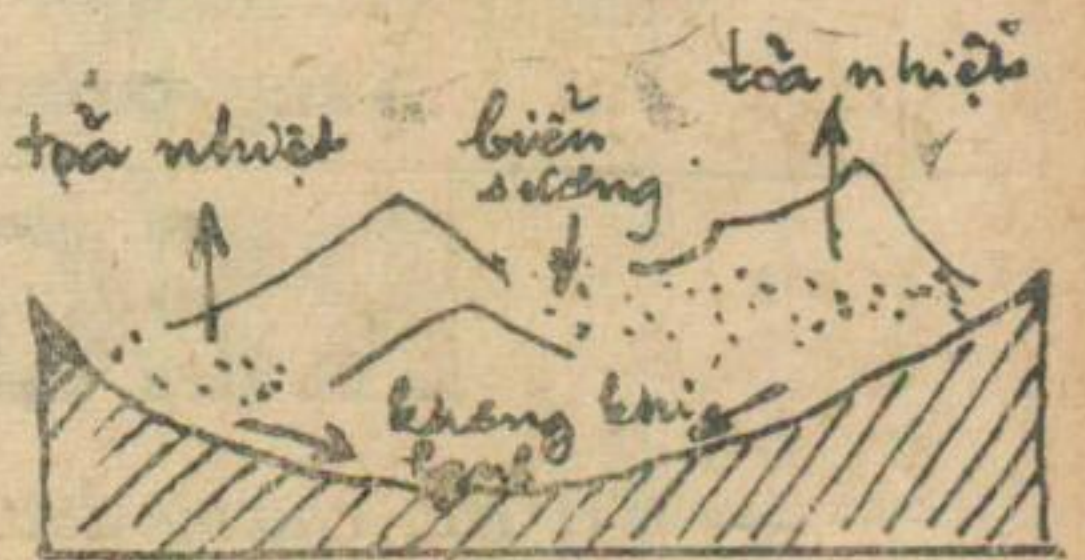
Sa-mù bốc từ biển lên (trường hợp Vũng-Tàu hay Cửa Thuận).

Miền núi non như Ai Vân, Bà-nà ở Quảng-Nam hay đỉnh Lang biang ở gần Đà-lạt đều có một thứ sa-mù khá dày và thướt tha như lụa mỏng. Số là khí nóng và ẩm ướt của miền đồng thấp chung quanh bị gió đưa lên đỉnh cao, nơi có khí-lạnh, bèn đặc lại và biến thành sa-mù, vương vãi khắp đây đó nơi cành cây lủng cỏ. Có người lầm lẫn cho đó là khói lam chiều, cũng có người gọi đó là mây. Nhưng xét cho kỹ, không thể có khói lam chiều vì chẳng có nhà cửa, làng mạc nào quanh đó cả. Cũng không phải mây, vì nó bốc từ dưới đất lên thành luồng. Như vậy đúng là sương gâu non rồi còn gì !



Sa-mù vây quanh đỉnh núi (trường hợp Đà-lạt).

Hiện tượng biển sương là trường hợp sa-mù phủ lấp một thung lũng sâu. Một bức ảnh rất đẹp để mô tả hiện tượng đó trong quyển «Việt-Nam quê hương yêu dấu» của nhiếp ảnh gia lừng danh Nguyễn Cao Đàm. Không khí lạnh, hóa nặng, trôi dọc xuống hai bên triền núi. Nó gặp phải hơi nước ẩm do mặt trời ban ngày đốt nóng bốc lên. Hơi nước bị đông đặc ngay thành sa-mù. Sa-mù này nặng, không thể bốc lên cao được nên ngưng nơi lưng chừng thung lũng, che khuất làng mạc hay rừng rậm bên dưới và chỉ chừa ra các đỉnh núi bên trên. Trong dãy Trường Sơn, không nơi nào là không có biển sương. Kéo quân trong những vùng biển này quả thực cam go và nguy hiểm vì cách nhau mười thước đã không thấy nhau rồi. Suốt ngày chỉ thấy được mặt trời vào lúc giữa trưa. Kỳ dư, không gian toàn là một màu đục ảm đạm và ướt át. Sa-mù đã len lỏi vào cả địa hạt quân-sự rồi đó.



Sa-mù chan-hòa thung-lũng (trường hợp vùng Krông-Phe)

Trị sa-mù

Sa-mù là một điều phiền-toái cho mọi người, từ người yếu phôi đến người hay nhức xương. Nó cản trở mọi hoạt động giao thông và quân sự. Đôi khi nó làm hại cả mùa màng vì làm bầu không khí, thay đổi độ ẩm và che khuất ánh mặt trời. Thế thì có cách nào trị cho được anh chàng ngỗ nghịch này không ? Các khoa-học-gia của ngành khí-tượng đã nghĩ ra nhiều cách lắm.

Cách đầu tiên là thổi tan sương mù đi, bằng một luồng gió nhân tạo. Trên vùng bắc và nam cực, người ta thường áp dụng phương pháp này, vì các hạt sa-mù ở đó gồm toàn nước đá, không thở được. Người ta dùng những máy quạt khổng lồ, mỗi cánh quạt dài như cây sào, rộng như chiếc tam-bản. Kết quả rất mỹ mãn.

Cách thứ hai là làm cho hạt sa-mù bốc hơi đi, gọi là phương pháp FIDO, của Mỹ. Người ta dùng súng phun dầu đốt cháy một khoảnh đất nào đó, để hơi nóng làm tan sa mù. Trong Thế-chiến thứ II, người Anh đã dùng cách này để « quét sạch » các sân bay. Nhưng phương pháp tốn lắm. Cứ mỗi lần cất cánh hay đáp

xuống, ta phải đốt vài trăm mỹ-kim dầu. Một sân bay quân-sự cần 200 lần lên xuống như vậy mỗi ngày thì làm sao chịu cho thấu. Ngoài ra nó còn gây nhiều đám cháy phi cơ.

Một cách khoa học hơn là làm thế nào ném vào trong sa-mù những hóa chất khiến cho hạt sa-mù quện vào nhau, hóa giọt nước rồi rơi xuống đất thành mưa. Hóa-chất được dùng thường là propane hóa lỏng hay nước-đá. Sa-mù tan biến ngay. Người Mỹ đã dùng cách này trên vòm trời Alaska và thu hoạch 80 phần trăm kết quả tốt.

Sa-mù chẳng chịu ngồi yên để ta săn đuổi đâu. Có lần ở Sacramento, bên Bắc Mỹ, các chuyên gia đã đánh tan được sa-mù sau khi quần thảo với nó suốt buổi sáng. Nhưng một trận gió thoảng qua, sa-mù lại hiện ra dày đặc, lù lù tiến vào lục-địa như một đoàn quân Mông-cổ. Ba mươi phút sau, cả thành phố đều sặc sụa khò sỏ, phi cơ phải nằm im, xe dõn đông khắp các ngã đường.

Ôi, sa-mù, thủy-tai trên trời, người sinh ra làm chi !

Chàng LƯU

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

REGAST

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Biện-chứng-pháp ở Đông-phương

L.T.S.— Sau cuốn « Hiện tượng học là gì », cuốn « Biện chứng pháp là gì » là tác phẩm thứ hai trong tủ sách « Hướng mới » do ông Trần-Thái-Dinh chủ trương. « Hướng mới » nhằm trình bày một cách giản lược mà đầy đủ các vấn đề lớn của triết-học hiện-đại.

Chúng tôi xin giới thiệu một đoạn của cuốn Biện chứng pháp nói trên.

Danh từ Biện-chứng-pháp càng ngày càng trở nên thông-dụng trong giới văn-học, mặc dầu đôi khi người ta dùng nó một cách uyển chuyển gần như mung lung. Xét cho cùng thì cũng không lạ, bởi vì như chúng ta biết gần đây đã xảy ra những cuộc tranh luận khá sôi nổi, giữa những bậc thầy thiên hạ, về bản chất hoặc về phạm vi của Biện chứng pháp. Tôi có ý nói những cuộc tranh-luận giữa Sartre và Lévi-Strauss về bản-chất của Biện-chứng-pháp, và cuộc hội-thảo thu hút 6.000 thực-giả và sinh-viên đến nghe, một bên là Sartre và J.Hyppolite và bên kia là R.Garaudy và J.P.Vigier tranh luận về phạm vi của biện-chứng-pháp.

Biện-chứng-pháp là phương-pháp nghiên-cứu được con người sử dụng ngay từ những bước đầu của hai nền văn học Âu Á. Và càng ngày nó càng tỏ ra hiệu-nghiệm cho việc tìm hiểu thực-chất của xã-hội và con người, đến nỗi xưa kia Platon coi toán học là điều-kiện tất yếu để vào học triết, và ông đã cho ghi trên cửa trường ông

câu « Ai không giỏi toán xin đừng vào đây », thì nay Gs. Gurvitch lại đề-nghị viết trên mặt tiền-đường các trường Đại-học Văn-khoa câu này : « Ai không thạo biện-chứng-pháp, xin đừng vào đây » (G.Gurvitch, *Dialectique et sociologie*, Flammarion 1962, tr.9).

Biện-chứng-pháp xuất hiện rất sớm, có thể nói là ngay từ khi con người biết suy tưởng. Mà cũng không thể khác được : sự suy nghĩ tiến bước trên hai chân cũng như con người đi đứng bằng hai chân. Suy nghĩ của ta, nhận thức của ta chỉ có thể hoặc quyết, hoặc chối, khẳng-định, hoặc phủ-định. Nếu chỉ khẳng định mà không có phủ định, thì tư tưởng không thể tiến được bước nào nữa, cũng như người chỉ có một chân và như cây cối. Đó là biện-chứng-pháp xét như phương-pháp nghiên cứu và tìm hiểu : biện-chứng-pháp của suy tưởng, hay nói như Hegel sau này, biện chứng pháp của tinh thần. Bên cạnh biện chứng pháp này, cổ nhân còn nhận ra tính chất biện-chứng của vạn vật, tức sự tiến hóa của vạn vật trong vũ trụ. Ngay từ lúc phôi thai nền văn học phương Tây, chúng ta có Héraclite

(thể kỷ thứ 6 trước Chúa giáng-sinh) với thuyết vạn-vật tiến-hóa không ngừng.

Bây giờ hãy nhìn vào nền văn học Đông-phương của chúng ta : chúng ta có thể quyết rằng với Kinh Dịch người xưa đã sớm nhìn ra bản chất biện chứng của vạn vật. Quan-niệm căn bản của Kinh Dịch là sự biến-dịch của cặp Âm-Dương: sau này khi nghiên cứu về bản chất của biện-chứng-pháp, chúng ta sẽ thấy nó là một chuyển động, một biến-dịch, xây trên hai cực vừa tương phản vừa tương-ứng nhau.

Âm và Dương không phải là hai thực-thể biệt lập, nhưng chỉ là hai thái-cực của cùng một thực-tại. Hai cực này tương phản nhau như Có với Không, Ngược với Xuôi, Đen với Trắng, Sống với Chết, Sáng với Tối. Như vậy, xét theo phương diện quan-niệm, thì Sáng là không Tối và Tối là không Sáng, Âm là không Dương và Dương là không Âm. Nhưng nếu xét theo phương-diện hiện-hữu, người ta lại thấy vạn vật đều do Âm Dương mà thành : Âm Dương là yếu-tố cấu tạo nên bản-thể vạn vật. Đó là phương-diện tương-ứng của Âm Dương. Ở đâu có Âm thì cũng có Dương, và đâu có Dương thì cũng có Âm. Thực ra, tuy phải nhận rằng cái nọ là phủ-định cái kia, Âm là phủ-định của Dương, Tối là phủ-định của Sáng, nhưng cả trong bình-diện quan-niệm lẫn trong bình-diện hiện-hữu, Âm Dương cũng như Sáng Tối và Xuôi Ngược có liên-hệ bản-thể với nhau đến nỗi không thể có Âm mà không có Dương, và ta không thể có quan-niệm về Tối nếu đồng thời ta không có quan-niệm về Sáng. Cũng như tại sao ta bảo là Ngược ? Thừa vì nó không Xuôi. Thế là ta đã chứng nghiệm tính chất vừa tương-phản

vừa tương-hệ giữa Âm và Dương, giữa Sáng và Tối : ta không thể định nghĩa và quan-niệm cái nọ mà không dựa vào cái kia.

Vạn vật có bản chất là Âm và Dương với nhịp thở là Sáng và Tối, và hiện-hữu là Sinh và Diệt. Vũ-trụ là môi-trường sinh-diệt và tiến-hóa của vạn vật. Quan-niệm tiến-hóa và biến động này đã dần dần trở thành một học-thuyết, nói lên sự phù du và huyền ảo của vạn vật, gần giống hệt học-thuyết của Héraclite về sự biến-hóa liên li của vạn vật : đó là học-thuyết Lão Trang.

Chỉ cần mở hai chương đầu cuốn *Đạo-đức kinh* cũng đủ thấy những nét căn bản của thuyết tiến hóa nhiệm mầu huyền học này. Chương 1 : « Đạo khả đạo, phi thường Đạo. Danh khả danh, phi thường Danh. Vô danh thiên địa chi thi, Hữu danh vạn vật chi mẫu. Thường vô dục dĩ quan kỳ diệu, Thường hữu dục dĩ quan kỳ kiêu. Thử lưỡng giả đồng, Xuất nhi dĩ danh, Đồng vị chi huyền. Huyền chi hựu huyền, Chúng diệu chi môn ». Nghĩa là : Đạo gọi tên được không phải là Đạo ngàn đời, Danh gọi tên được không phải là Danh ngàn đời. Thừa ngàn đời, Trời Đất không tên. Sự gọi tên là mẹ của vạn vật. Nhờ ngàn đời không tư dục mà thấy được chỗ huyền diệu của Trời Đất. Cái ngàn đời kia khi bị dục chi phối thì chỉ thấy những phân ranh. Hai cái đó cũng là một : Lôi ra thì có tên khác nhau, Đề cùng thì gọi là Huyền. Huyền thực là huyền ! Cửa mở vào các huyền diệu.

Người ta dễ thấy sự trùng hợp giữa tư-tưởng của Lão-Tử với tư-tưởng của phái Bà-la-môn bên Ấn-độ : cả hai cùng chủ-trương một thứ tiến-hóa huyền

bí. « Vô danh thiên địa chi thi » có khác gì « Vô-đức Bà-la-môn » (nirguna Brahma) ? và « Hữu danh vạn vật chi mẫu » có khác gì « Hữu-đức Bà-la-môn » (Saguna Brahma) ? Vô đức Bà-la-môn là Tuyệt-đối ở thế trong sáng và tròn đầy nguyên-thi, còn Hữu đức Bà-la-môn là Bà-la-môn có pha trộn những màu sắc dị biệt của Vô-minh, tức Ảo-tướng (Maya). Điều quan trọng ở đây là « thứ lưỡng giả đồng », hai đó cũng là một : ở thế xuất hiện thì có nhiều tên, mà ở thế bất hiện thì không có tên, cho nên gọi là Huyền. Sau đó, nơi Chương 11, tác giả cuốn Đạo-đức-kinh càng nhấn mạnh hơn về tính chất biện-chứng của vạn vật : « Thiên hạ giai tri mỹ, Chi vi mỹ, tư ác dĩ. Giai tri thiện, Chi vi thiện, tư bất thiện dĩ. Cổ Hữu Vô tương sinh, Nan Dĩ tương thành, Trường Đoản tương hình, Cao hạ tương khuynh, Âm Thanh tương hoà, Tiền Hậu tương tùy. » Nghĩa là : Thiên hạ ai biết cái tốt thì cũng là biết cái không tốt, tức là biết cái xấu rồi đó. Ai biết điều lành thì cũng là biết điều chẳng lành, tức là biết điều tội lỗi rồi đó. Bởi vậy Có và Không cùng sinh ra, Khó và Dễ cùng hình thành, Dài và Ngắn cùng một hình dáng, Cao và Thấp cùng có một chiều, Giọng và Tiếng cùng có một hoà điệu. Trước và Sau cùng có một hướng.

Có và Không cùng sinh ra. Nghe câu này ai chẳng bảo là mâu-thuẩn ? Thực ra đó không phải là mâu-thuẩn, nhưng chỉ là tương-phản thôi. Mâu thuẫn là khi ta quyết Có là Không, hoặc Không là Có. Còn đây Lão-Tử quyết Có và Không cùng sinh ra như hai hình thái

của thực-tại, cũng như hai đầu của cùng một chiếc gậy, hai chân của cùng một người : sở dĩ tôi gọi chân này là chân phải vì tôi cũng gọi chân kia là chân trái. Trái với Phải, Trên với Dưới, Có với Không vừa tương-phản nhau vừa lệ thuộc lẫn nhau, đến nỗi tôi không thể hiểu Trái nếu tôi không đặt nó trong tương-quan với Phải. Về Khó Dễ, Ngắn Dài, Trước Sau, Cao Thấp cũng thế. Thấy đều là những cặp tương phản và bản chất của chúng là vừa phủ nhận nhau vừa phải dựa vào nhau mới có ý nghĩa: Khó là gì ? là không Dễ. Và Dễ là gì ? là không Khó. Ta không thể có cách định-nghĩa nào khác.

Lão-Tử nói Thiên Địa là gốc vạn-vật, cũng như Kinh Dịch nói Âm Dương là bản-chất mọi loài. Vẫn là « lưỡng nghi », hai yếu-tố luôn luôn hòa hợp để cấu tạo muôn loài muôn vật. Học-thuyết này sẽ được hai vị thánh-hiền của Đạo giáo là Liệt-Tử và Trang-Tử tô điểm thêm cho hoàn thành, nhưng chung quy vẫn không ra ngoài quan-điểm một sự tiến-hóa do « hai thái-cực tương-phản nhau và tương-phủ nhau ». Chẳng hạn bàn về cái thế biến-dịch của vạn vật trong vũ-trụ, Liệt-Tử viết : « Hữu-sinh bất sinh, hữu-hóa bất hóa. Bất sinh giả năng sinh sinh, bất hóa giả năng hóa hóa. Sinh giả bất năng bất sinh, hóa giả bất năng bất hóa. Cổ thường sinh thường hóa. Thường sinh thường hóa giả, vô thời bất sinh vô thời bất hóa. Âm Dương nhi, Tứ thời nhi » (Xung hư chân kinh, Chương 1A). Nghĩa là : Có một vị sinh thành không do ai sinh ra, có một vị tạo-hóa không do ai tạo ra. Không ai sinh ra ngoài,

ngài có khả năng sinh ra vạn vật, không ai tạo nên ngài, ngài có khả năng tạo thành mọi sự. Là vị sinh thành, ngài không thể không sinh. Là tạo-hóa, ngài không thể không sáng tạo. Do đấy mà có sinh sinh hóa hóa từ ngàn xưa. Mà gọi là sinh sinh hóa hóa, cho nên không lúc nào là không sinh, không lúc nào là không hóa. Đó là Âm Dương, đó là bốn thời tiết.

Liệt-Tử nói thế đã rõ lắm về biện chứng Âm Dương và chuyển động bốn thì (tiết). Nhưng với những câu sau đây ông còn đi sâu hơn nữa vào bản-chất biến-dịch của vạn vật. «Tích giả, thánh nhân nhân âm dương dĩ thống thiên địa. Phù hữu hình giả sinh ư vô hình. Tắc thiên địa an tòng sinh. Cổ viết hữu thái dịch, hữu thái sơ, hữu thái thi, hữu thái tổ. Thái dịch giả, vị kiến khí dã. Thái sơ giả, khí chi thi dã. Thái thi giả, hình nhi thi dã. Thái tổ giả, chất nhi thi dã. Khí hình chất cụ nhi vị tương ly». (*Xung hư chân kinh*, Chương I C). Nghĩa là : Từ xưa thánh hiền vẫn nhờ âm dương mà thấu suốt cái lý của trời đất : cái hữu hình được sinh ra bởi cái vô hình, đó là cách sinh hóa êm thấm của trời đất. Nhân đó các bậc thánh hiền nói tới Biến dịch vĩ đại, Khởi đầu vĩ đại, Nguyên thủy vĩ đại, Nguyên tố vĩ đại. Biến dịch vĩ đại là khi chưa có cả đến những vật thể vĩ nhất. Khởi đầu vĩ đại là khi bắt đầu có những vật thể vĩ như khí. Nguyên thủy vĩ đại là khi bắt đầu có các vật hữu hình. Nguyên tố vĩ đại là khi bắt đầu có các sự vật vật chất. Khí, hình, chất, là những cái không bao giờ lìa nhau.

Như vậy ta có thể coi vũ-trụ là cõi biến-hóa. Luôn luôn biến hóa. Vô thời bất sinh, vô thời bất hóa. Trong cảnh đó, với quan-điểm của đạo giáo, người

quân-tử phải đạt tới cái đức «vô vi» như Lão-Tử đã viết : «Thị dĩ thánh nhân xử vô vi chi sự: sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, công thành nhi phát cử». (*Đạo đức kinh*, Chương II). Nghĩa là : Bởi đó thánh nhân xử với vạn vật theo lối vô vi : sống mà không chiếm đoạt, làm mà không cậy công, thành đạt mà không dừng lại. Cũng bởi vì thánh nhân luôn theo đúng đạo trời, tuần tự biến hóa với trời, không ngừng, không nghỉ. Liệt-Tử đã diễn tả điều này bằng câu chuyện ý vị sau đây : Tử Cống chán học, xin Trọng Ni cho phép nghỉ. Trọng Ni trả lời không có chỗ nghỉ nơi người sống (sinh vô sở tức). Tử Cống hỏi có chỗ nào nghỉ được không, thì Trọng Ni trả lời : «Có chứ. Đó là cái phần mộ, đó là cái chết» (hữu yên nhi, phần như dã, cách như dã). Và Tử Cống liền hoan hô cái chết (đại tai tử hồ !). Trọng Ni liền nhân đó dạy rằng : «Người ta mới chỉ biết sống là vui, chưa biết sống là khổ ; biết già là căn cỗi, chưa biết già là an nhàn ; biết chết là điều cực, chưa biết chết là nghỉ ngơi (nhân tri sinh chi lạc, vị tri sinh chi khổ ; tri lão chi bại, vị tri lão chi đạt ; tri tử chi ác, vị tri tử chi tức)» (*Xung hư chân kinh*, Chương I, J).

Quan-niệm biến-dịch của Đạo học trên đây, tuy không khúc chiết và rành rọt như ta sẽ thấy nơi sự trình bày của triết Tây-phương, nhưng cũng kể là gồm đủ những yếu-tố của biện-chứng-pháp : những cặp tương-phản kế tiếp nhau, và một chuyển động không ngừng từ đầu đến cuối. Điều đáng chú ý là từ Kinh Dịch đến Lão-Tử, Liệt-Tử và nhất là Trang-Tử, quan-điểm «dịch», tức biện-chứng, càng ngày càng có vẻ đi sâu thêm vào nẻo huyền học. Tuy nhiên so với Ấn-độ, thì dầu sao Trung-Hoa vẫn được coi

là thực tiễn hơn nhiều, cả trong ngành triết học. Bởi vậy khi nhìn sang triết-Ấn-độ, chúng ta sẽ thấy sự suy tưởng của các vị thánh hiền bay bổng quá cao, không còn nhìn thấy đâu là trời đất nữa.

Triết học của xứ sông Hằng đã nhiều thế kỷ triển miên với nền huyền-học chính thống của các kinh Phệ-đà và Áo-nghĩa thư. Đó là thuyết Bà-la-môn với chủ trương vạn-vật có bản-tính và con người có tự-tính ngàn đời. Đối lại với họ là học-thuyết của phái Hư-vô (Nâstika) cho rằng mọi sự là hư vô, không gì có bản-tính. Hai phái này, Bà-la-môn và Hư-vô tranh luận với nhau, phủ nhận nhau như thế từng ngót chục thế-kỷ mà không tiến thêm được bước nào cho sự nhận-thức về vũ-trụ và con người, bởi vì chưa có tổng-đề cho chính-đề (Bà-la-môn) và phản-đề (Hư-vô). Học thuyết của Phật tổ đã là tổng-đề đó : Ngài dạy rằng vạn sự vô thường. Muôn vật luôn sinh diệt, biến hóa, như bánh xe quay. Pháp-luân : bánh xe là biểu-hiệu đạo-lý của Ngài. Tuy nhiên trong cái vô thường này cũng có cái thường, vững như bàn thạch : đó là luật nhân-quả, cũng gọi là Duyên-khởi pháp (Pratitya-samutpâda). Mà Duyên-khởi pháp là gì ? là chuyển động biến dịch, con người «trăm-luân» đắm chìm trong bể khổ, chịu những nghiệp-quả do chính mình tạo ra. Cho nên nhờ Duyên-khởi pháp, Phật tổ đã giải quyết được cặp tương-phản Bà-la-môn và Hư-vô. Bà-la-môn chủ trương thuyết «thường kiến», nghĩa là con người có bản-tính bất biến và vĩnh cửu như Bà-la-môn. Ngược lại, nhóm Hư-vô bảo rằng chết là hết. Tóm lại, theo đạo Bà-la-môn thì mỗi khi luân-hồi, chính ta sinh lại ; còn theo thuyết Hư-vô thì đó

là người khác sinh ra, chứ còn ta đâu nữa mà tái sinh. Theo Phật tổ thì khi tái sinh, ta vừa là ta, vừa không là ta. Đọc kinh Na-tiên tỳ kheo, ta thấy rằng Na-tiên giảng giải tường tận về điểm này : nếu bạn tái-sinh trong một cái thân (danh sắc) khác, thì bạn thoát rồi, có phải chịu quả báo đâu. Như vậy là Cam làm mà Quít chịu sao ? Còn như bạn tái sinh y nguyên với cái thân này thì có gì là thay đổi cho bạn đâu ? Như vậy luật nghiệp-báo trở thành vô-hiệu ư ? Cho nên phải nhận rằng con người tái sinh theo luật nghiệp-quả luân-hồi thì vừa khác mà vừa cũng là mình. Thí dụ cây xoài khi bé với cây xoài khi lớn : nó vừa khác, vừa cũng là nó. Bé thì khác với lớn, nhưng trước sau vẫn là cây xoài đó (Xem Na-tiên tỳ kheo kinh, Bản dịch Đoàn Trung Còn, in kỳ nhl. không đề năm, tr. 45-47).

Duyên-khởi pháp, tức Thập-nhị kỳ-duyên của Phật-tổ đánh dấu sự xuất hiện và những tiến triển lớn lao của biện-chứng-pháp cho nền tư-tưởng Ấn-độ. Thế rồi ngay chính trong lòng Phật-pháp lại sinh ra hai khuynh-hướng đối lập nhau : Thượng-tọa bộ thì chủ trương bảo trì nguyên vẹn lời dạy của Phật-tổ và hiểu các kinh Phật theo nghĩa truyền-thống, còn Đại-chúng bộ lại chủ-trương cải cách và hiểu các kinh Phật theo nghĩa linh động (phương tiện). Bởi đó đã xuất hiện một khuynh-hướng thứ ba, tổng-hợp hai khuynh-hướng tương-phản trên đây : đó là phái Trung-luận (Madhyamika) mà ông tổ là Long-Thọ (Nâgârjuna). Thực ra những nét căn-bản của Trung-luận đã xuất hiện trước Long-Thọ, nơi bộ kinh Bát-nhã-ba-la-mật (Prajñâpâramitâ-sutra). Đó là thuyết chân-không (sunyatâ). Chẳng hạn truyền-thống Tam-Tạng kinh vẫn coi Niết-bàn

là siêu-việt đối với luân-hồi : Niết-bàn là Vô-vi (asamskrta), còn vạn vật trần gian là Hữu-vi (samskrta). Chẳng hạn trong kinh Udâna, Phật tổ dạy rằng có một Vô-vi, bất sinh và bất biến, vì nếu không có Vô-vi đó thì không còn đường giải thoát cho cái Hữu-vi (Udâna, VIII, 4). Nhưng bộ Bát-nhã-ba-la-mật kinh lại cho rằng cái Vô-vi và cái Hữu-vi cũng chẳng hơn gì nhau, cái nọ không thể có nếu không có cái kia, cho nên Niết-bàn không tuyệt đối gì, và cũng không siêu-việt gì hết : «Tất cả mọi sự đều giống nhau, cho nên ta không thể thấy có vô-vi ở ngoài thế-giới hữu-vi, cũng như không thể thấy hữu-vi ngoài vô-vi. Đó là chân-lý tối thượng. Ngoài thế-giới hữu-vi, không thể có cái gì là vô-vi, và ngược lại ngoài vô-vi không thể có hữu-vi. Vô-vi và hữu-vi đều là chân không, cho nên không khác gì nhau». (Dẫn trong A. BAREAU, *L'absolu en philosophie bouddhique, évolution de la notion d'asamskrta*, Centre de Documentation universitaire, Paris 1951, tr. 139).

Long-Thọ đã siết chặt tương-quan hỗ-tương giữa Vô-vi và Hữu-vi, giữa Hữu và Vô, và ngài đi tới kết luận : cả hai, Vô-vi và Hữu-vi cùng tương đối vì phải liên-hệ và tùy thuộc lẫn nhau. Trước là lệ thuộc nhau trên phương-diện quan-niệm : Có là không Không, và Không là không Có, chúng ta nhất thiết phải dựa vào cái nọ để quan-niệm cái kia. Cũng như Pyrrhon đã nói : tuyệt-đối cũng là tương-đối, vì nếu tương-đối là sự so sánh hai cái ở cùng một bình-diện với nhau, thì tuyệt đối là sự so sánh cái ở bình-diện dưới với cái ở bình-diện trên. Tuyệt đối là không có đối, nhưng lại phải dựa vào cái đối mới quan-niệm được cái tuyệt-đối. Ở đây Long-

Thọ viết : «Vi có Hữu-vi nên mới có Vô-vi. Mọi sự vật đều chân-không (vạn pháp chân không), cho nên hữu-vi cũng chân-không, và vô-vi cũng chân-không». (Dẫn trong A. BAREAU, Sđ tr. 176). Và Gs. Bareau đã quảng diễn tư tưởng Long-Thọ như sau : «Theo định-nghĩa, vô vi là cái không hữu vi. Vậy nếu không có gì đáng gọi là hữu vi, thì cũng không có gì đích thực là vô vi. Trên lãnh vực luận-lý, vô vi lệ thuộc vào hữu vi, và Long-Thọ đã khẳng-định rằng nhờ có hữu vi mà có vô vi.» (Sđ, tr. 176). Thế còn trên bình diện thực-hữu ? Ngài Long-Thọ cũng quyết như bộ Bát-nhã Ba-la-mật kinh : sắc sắc không không, vạn sự chân không. Ngài viết : «Vi có hữu vi nên mới vô có vi. Nếu hữu vi không thực sự hiện hữu, thì vô vi cũng không thực sự hiện hữu. Tại sao ? Ngoài những vật hữu vi này không có gì là vô vi hết. Sao thế ? Bởi vì vô vi được coi là thực chất sâu xa của hữu vi, mà hữu vi không có thực, nên vô vi cũng không có thực. Hữu vi và vô vi cùng được gồm trong chữ vạn pháp. Hữu vi mà chân không thì vô vi cũng chân không ». (Dẫn trong A. BAREAU, Sđ, tr. 183-184).

Phải đọc vào những sách của Ngài Long-Thọ mới biết rằng thời đó ngài đã thành thạo và sử dụng biện-chứng-pháp một cách tuyệt diệu chừng nào. Gs. T.R.V. Murti đã nghiên-cứu khá đầy đủ về hệ-thống trung-luận của ngài cũng như sự sắc bén của biện-chứng-pháp ngài dùng. (coi MURTI, *The central philosophy of Buddhism*, London 1955). Xem thế, biện-chứng-pháp hầu như một truyền thống của của Phật-giáo, bởi vì sau Long-Thọ, người ta còn thấy phương pháp biện-luận này được sử dụng một cách tài

tình bởi tác giả cuốn *Thủ lãg nghiêm*, cũng như tác-giả cuốn *Pháp-bảo-đàn-kinh*.

Như nhiều học-giả đã nhận xét và như tôi đã nhắc tới trên kia, tư tưởng Trung-Hoa và tư tưởng Ấn-độ có hai chiều hướng khác nhau : một đang thực tiến đến duy-vật, một đang cao siêu đến huyền bí. Thực thế, tất cả biện-chứng-pháp của ngài Long-Thọ cũng như của ngài Huệ-Năng đều nhằm phá chấp diệt mê hầu dẫn chúng sinh vào cõi Chân không, Tịch diệt. Đó là bản-sắc của tư tưởng Ấn độ. Bên Trung-Hoa thì tư tưởng Lão-Trang cũng thiên về huyền bí, nhưng vẫn giữ được phần nào sắc thái "hiện-sinh" của người Trung-Hoa.

oOo

Thường mỗi khi nói đến biện-chứng-pháp, chúng ta luôn luôn nghĩ đến biện-chứng-pháp ba nhịp, vậy mà loại biện-chứng-pháp huyền-bí trên đây thực ra chỉ có hai nhịp tương-phản mà không có nhịp ba, tức tổng-đề. Điều này đúng cả cho những gì ta đã đọc nơi Lão Trang, cũng như nơi ngài Long-Thọ và ngài Huệ-Năng : ta luôn luôn chỉ thấy Hữu vi và Vô vi, Âm và Dương, Trước và Sau, Trên và Dưới, chứ không thực-tại nào được coi là tổng hợp của Có và Không. Các Ngài đã dùng Có để hủy Không, và dùng Không để hủy Có, hầu đi tới Chân - không hoặc đi tới Đạo. Thực ra không riêng gì Đông-phương, vì Tây-phương cũng có loại biện-chứng-pháp hai nhịp như thế : đó là biện-chứng-pháp huyền bí của Thầy Eckhart và biện-chứng-pháp hiện-sinh của Kierkegaard và của Nierzsche. Viết về biện-

chứng-pháp nơi Kierkegaard, Gs. Jean Wahl đã nhận định một cách chí-lý : « Biện-chứng-pháp hiện-sinh này là một thứ biện - chứng muốn nêu rõ những cái tương phản. Đó là thứ biện-chứng-pháp hai nhịp, chứ không ba nhịp, vì chỉ có chính-đề và phản-đề. Không có tổng đề giữa cái vô-cùng và cái hữu-cùng : chúng chỉ có thể hòa hợp nhau một cách huyền bí trong niềm tin : và đó là một thách đố cho lý trí con người... Đó là những biện-chứng-pháp tình cảm và chúng chỉ có hai hạn-từ, chính-đề và phản-đề. Chúng không vươn tới tổng - đề. Mà nếu có tổng - đề đi nữa, thì lại là một tổng - đề không thể nói lên được bằng lời : đó là những tổng-đề đề mà sống thôi. » (J. WAHL, *Traité de métaphysique*, Payot 1957, tr.690 và 693).

Hiện-sinh và huyền bí giống nhau ở chỗ muốn trực tiếp đạt được thực-tại, muốn trực tiếp kinh nghiệm bản chất của thực-tại. Và trong công việc này, họ nghiệm thấy sự bất lực của lý-trí : lý-trí thì rõ ràng, nhưng lý-trí không bao quát được toàn thể những phong phú của thực-tại. Thành thử nói cho cùng, lý-trí vừa là phương-tiện vừa là trở ngại cho ta trên con đường đi tới thực tại, cũng như đôi cánh vừa là sức đưa bóng lên vừa là sức đè nặng con chim xuống.

Không cần thông thái lắm cũng nhận biết rằng lý-trí con người không thể bao quát được tất cả sự thực, tâm trí con người không có khả năng đạt tới chân-lý tuyệt đối. Vẫn còn có những điều vượt quá tăng trí thức của ta. Vẫn có những mâu-thuẫn và những huyền bí ta đành chịu không sao chọc thủng được, mặc dầu

ta nhận thấy rằng trí-thức của ta mỗi ngày mỗi sâu rộng hơn. Đó là lập trường của những ai tin vào biện-chứng-pháp : họ tin vào một sự tiến triển vô biên, mặc dầu họ biết rồi ra cũng không bao giờ con người bao quát được tất cả sự thực. Họ là những người chống lập trường giáo điều, vì thuyết giáo điều chủ trương những bản tính bất biến và những câu định-nghĩa ngàn đời. Họ cũng có lập trường đối nghịch với phái huyền bí và hiện sinh. vì huyền bí và hiện sinh kiểu Nietzsche và Kierkegaard muốn đạt tới một thứ sự thực trực tiếp, không cần nhờ đến lý trí. Tóm lại, biện-chứng-pháp là cách tìm hiểu sự thực của những người tin vào một tiến triển vô hạn của lý trí.

Chúng ta có thể định-nghĩa biện-chứng-pháp với J. Wahl : "Biện-chứng-pháp là con đường đưa tới thực-tại, chứ nó không phải là tất cả thực-tại. Đàng khác, nơi chữ *dialectique* có ý chỉ một *dia*, nghĩa là vượt qua : cho nên biện-chứng-pháp là đường đi, chứ không phải là khởi điểm và cũng không phải là chỗ đến." (J. WAHL, Sđ. tr.696-697). Chữ *dialectique* của Pháp do phiên-âm chữ *dialektikè* của Hy-lạp, và chữ này lập thành bởi hai chữ : *dia*, nghĩa là cả hai, xuyên qua ; và *legein*, nói.

Như vậy biện-chứng-pháp là đi từ đầu đến cuối đường, từ chỗ u-minh tới chỗ sáng sủa, từ chỗ nghi hoặc tới chỗ phân minh: nó chính là con đường dẫn ta đi tới như vậy. Đi tới luôn, không bao giờ dừng lại, bởi vì nó có ba nhịp. Nhịp đầu là chính-đề (khi chân còn liền với đất), nhịp hai là phản-đề (khi chân đã lìa đất), và nhịp ba là tổng-đề (khi chân lại đặt trên đất, nơi một chỗ xa hơn trước). Rồi nhịp ba này tức khắc trở thành nhịp một cho một vận động khác tiếp theo. Trên con đường biện-chứng-pháp, chính-đề là nhận-thức đầu tiên, phản-đề là nhận-thức kế tiếp và chống lại nhận-thức trước : do sự cọ sát của hai nhận thức tương-phản này mà sinh ra nhận-thức thứ ba, vừa phủ nhận hai nhận-thức trên đây, vừa giữ lại những gì là tích-cực của hai nhận-thức đó. Cho nên từ chính-đề đến tổng-đề, ta đã tiến một bước thực sự: phản-đề là phương-tiện của sự tiến-bộ này, cho nên phản-đề (cũng gọi là hủy-thề) được coi là xương sống của biện-chứng-pháp. Nhưng trí-thức không dừng lại nơi tổng-đề : thoát khi đạt được tổng-đề, thì một thắc mắc mới liền nảy ra, một phản-đề mới liền xuất hiện, thế là chuyển-động biện-chứng lại tiếp tục cất bước.

TRẦN THÁI ĐÌNH

THUỐC BỔ :

ACTIVIT

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,
BỔ CƠ THỂ,

CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.

Phương - vị các chính đảng

HỒ-DÃ-TƯƠNG

Năm 1792, Hội-Nghị Quốc-Uớc Pháp nhóm họp với một thành phần gồm ba phe Montagnards, Girondins và La Plaine. Nhóm Montagnards cực đoan nhất được sắp ngồi phía bên tả của vị chủ tịch hội-nghị, nhóm Girondins đối lập hẳn với nhóm Montagnards được dành cho phía hữu và nhóm trung lập ôn hòa La Plaine ngồi giữa hai nhóm trên. Những người sáng tác ra lối sắp xếp định-mệnh này chắc không ngờ rằng họ đã để lại cho hậu thế một đề tài tranh luận bất tận. Ngày nay, trong bất cứ xã hội nào, giới chính-trị cũng chia ra hai phe tả hữu tranh chấp chửi bới nhau rất dữ dội. Các danh từ tả, hữu dần dà biến thành biểu-tượng cho những gì cao quý nhất hoặc đê tiện nhơ nhuốc nhất trên đời tùy theo quan điểm của mỗi người. Ngay như Cộng-sản trước kia được xem là một khối nhất phiến mà nay cũng tự phân chia thành tả hữu để tặng nhau những lời rất ít hoa mỹ êm tai. Các lãnh tụ Trung-Cộng ghê tởm bọn hữu khuynh Nga-sô đã "quì mọp" dưới chân tư-bản trong khi các đồng chí tại điện Cẩm-Linh thì tỏ vẻ miệt thị những hành động điên cuồng của tập đoàn "khuynh tả giáo điều" ở Bắc-Kinh.

Điều đáng chú ý là từ khắp nơi trên thế giới thỉnh thoảng vang dội lên những lời phản đối quyết liệt, phủ nhận cái nhãn hiệu mà dư luận phần đông đã gán cho mình; người thì tuyên bố không khuynh hữu như thiện

hạ lâm tường, kẻ thì đính chánh tin nói rằng mình khuynh tả. Thét rồi có người tự hỏi phân chia tả, hữu làm gì nếu không xác định mình - bạch được thế nào là tả, thế nào là hữu. Có cách nào tìm ra một điều kiện ắt có và đủ để cho một cá nhân hay đoàn thể khi mắc phải thì không chối cãi được rằng mình thuộc tả hay hữu phái không? Cuộc tranh - luận chắc chắn sẽ được giới hạn trong thời gian cũng như trong qui mô nếu ta khám phá được một định-lý có tính cách toán học để dùng làm định nghĩa luôn. Thí dụ :

« Điều - kiện ắt có và đủ để một người thuộc hữu-phái là :

- 1^o)
- 2^o)
- 3^o)

Muốn xác định khuynh-hướng của mình một người bị xem là khuynh hữu chẳng hạn cứ việc suy nghiệm lại kỹ những hành động cảm nghĩ của mình trong quá khứ và hiện tại rồi đem so với định-nghĩa trên đây. Có thể ông ta sẽ mừng quỳnh lên và tuyên bố :

« Đây này, cá nhân tôi không thỏa mãn điều kiện nhỏ thứ X ,.. vậy toàn bộ điều kiện ắt có và đủ để xác định tính chất hữu - khuynh hoàn toàn vô hiệu đối với tôi ». Các đối thủ của ông ta chắc phải đành chịu thua trước lối chứng minh chặt chẽ như vậy.

Thật thế cho thấy rằng trong

phạm vi chính trị ít khi có một định nghĩa chính xác theo kiểu toán học như trên đây. Tuy nhiên nếu không định nghĩa, minh bạch được từng phái một thì ta vẫn có thể phân biệt chúng một cách không nhầm lẫn bằng những dị biệt nổi bật nhất mà ta tìm thấy qua khắp các lãnh vực của đời sống xã-hội.

Nhiều người muốn đồng nhất hữu-phái với phe bảo - thủ và tả-phái với phe tiến-bộ. Đó chỉ là một sự thay đổi danh - từ không mang lại yếu tố mới mẻ nào cả. Nếu hiểu bảo - thủ là cố bám lấy lối sống cũ, tư-tưởng cũ và tiến bộ là đem đến những điều mới lạ thì tả phái lắm lúc không được xem là tiến bộ vì họ không từ bỏ được những khâu-hiệu cũ rích dù tình hình đã đổi thay. Nhiều khi những phương-châm của hữu phái lại mới mẻ hơn các tín-điều của tả phái. Chẳng hạn cánh tả của đảng Cộng-sản muốn giữ nguyên chủ-nghĩa và chế-độ Cộng - sản ở tình trạng cũ trong khi cánh hữu gồm những người thiên về cải cách. Vậy óc thủ cựu không phải là gia sản riêng của hữu phái cũng như tinh thần cấp tiến không phải chỉ có tả phái mới biết đến. Thay thế hai danh-hiệu bằng hai danh-hiệu khác cũng mập mờ nhưng lại có tính cách tuyên truyền rõ rệt là làm một hành động gian lận. Muốn tìm ra sự thật phải so sánh hai nhóm tả hữu dưới mọi khía cạnh. Có thể bắt đầu bằng khía cạnh kinh tế mà nhiều người cho là nguồn gốc của cuộc phân ly vĩnh viễn giữa hai nhóm.

Phần đông cho rằng tả phái đề cao kinh-tế chỉ - huy còn hữu phái thì luôn luôn cổ xúy cho kinh tế tự do. Tả phái muốn hủy diệt hay ít ra là giới

hạn quyền tư-hữu trong khi hữu phái xem quyền này như thiêng liêng bất khả xâm phạm. Nhận định trên đây rất đúng vào thời xa xưa nhưng ngày nay chỉ còn một giá trị tương đối. Tại Hoa-Kỳ cũng như ở các nước tư-bản khác, chính phủ có khuynh hướng can thiệp ngày càng mạnh mẽ vào đời sống kinh-tế quốc-gia mà không gặp phải sự chống đối quyết liệt nào cả dù là từ phía cực hữu. Trong khi đó nhiều nước Cộng sản có vẻ muốn nói rộng sự kiểm soát của chính quyền trung-ương trong công cuộc chỉ-đạo đường lối kinh-tế tổng-quát và điều-hành các cơ-sở sản-xuất. Tư-bản và Cộng - Sản — tức là hữu phái và tả phái theo quan - niệm phần đông — đã xích lại gần nhau hơn trong địa hạt kinh-tế tuy thỉnh thoảng họ vẫn lôi vắn đề này ra mà bêu rếu nhau. Nhưng điều đáng ghi nhận hơn hết không phải là sự dung-hòa của hai quan - niệm kinh-tế mà chính là sự bất lực của yếu-tố kinh-tế trong việc phân định ranh giới giữa hai phe chính trị. Người ta có thể cũng áp dụng những lý thuyết kinh tế tương tự mà vẫn bị đặt ngồi ở hai vị-trí đối nghịch nhau hẳn, kẻ ở cực-hữu, người ở cực tả. Đảng Quốc-xã đã thi hành những biện pháp mà tả phái thường đòi hỏi như quốc-hữu-hóa các đại xí-nghiệp, kế-hoạch-hóa sự sản xuất. Hậu quả là quyền tư - hữu bị giới hạn và giới tư - bản bị chế ngự.

Trên bình diện kinh tế. Quốc-xã với Cộng Sản là những người bà con gần nhưng chỉ riêng Cộng Sản được đón mời vào đại gia đình tả phái còn Quốc xã thì bị đánh đuổi như chó dại. Phải chăng đó là bằng cớ hùng hồn nhất chứng tỏ rằng hai người anh em kinh tế vẫn có thể là hai kẻ thù chính-trị

không đội trời chung ? Rồi đây các lý thuyết kinh tế chỉ còn nhiệm vụ tô điểm cho các cuộc tranh luận tả hữu như một nghi thức thông thường, như các câu kinh đọc lên trong những buổi lễ tôn giáo.

Bây giờ chúng ta hãy đi sang một chiến trường khác : chiến trường tôn giáo. Từ hai trăm năm nay, tả phái quyết liệt tranh đấu cho sự phân biệt thế quyền với giáo quyền. Những người cực tả còn đi xa hơn nữa, họ đòi hủy diệt luôn cả tôn giáo chứ không chịu giới hạn quyền lực của nó. Hữu phái thì trái lại tỏ vẻ hoan nghênh sự hiện hữu của tôn giáo và xúi dục các Giáo-hội xen vào việc đời. Họ không cau có như tả phái khi các tôn giáo thiết lập một hệ thống giáo dục song hành với tổ chức giáo dục của chính phủ. Họ thường tán đồng mọi lời kết án của Giáo-hội — đặc biệt là Giáo-hội Công-giáo—đối với một vài chế độ chính trị. Dựa vào tình trạng trên đây có thể nào dùng thái độ đối với tôn giáo để phân biệt tả hữu không ? Tôi nghĩ là không, vì thái độ đó chỉ có tính cách nhất thời. Trước kia hữu phái có thiện cảm với các tổ chức tôn giáo vì các tổ chức này ngấm bính vực họ hay ít ra không kết án họ. Ngược lại, tả phái hiềm khích với nhiều Giáo hội chỉ vì bị các Giáo hội này cản trở trong việc thực hiện những lý thuyết do họ đề xướng. Nếu các nhà lãnh đạo tôn giáo thay đổi lập trường thì chắc chắn thái độ của hai phe tả hữu cũng sẽ lật ngược lại. Từ mấy năm nay nhiều tín đồ Công giáo khuya h tả đã làm lạnh lại với Giáo hội. Họ hết tuyên bố «Chúa chết» mà còn xưng mình là kẻ ngoan đạo thực sự yêu Chúa. Họ vô cùng khoan khoái khi thấy Giáo-hội Công - giáo không còn

chính thức lên án Cộng sản nữa nhưng lại kết tội những hành động phản dân, chủ bại một vài nước tư bản (trường hợp kỳ thị chủng tộc tại Nam Phi). Nếu trước kia tả phái trách sao Giáo hội không tỏ ra bao dung và không biết đứng ngoài các cuộc tranh chấp chính trị thì ngày nay nhân danh tình nhân loại, tình yêu Chúa họ lại kêu gào Giáo hội hãy dẫn mình thêm vào chính trị để mắng vô mặt những cá nhân, đoàn thể hoặc chế độ bị họ xem là phản động. Tương tự, tại Đông phương những người thiên tả không tiếc một lời thô bạo nào để chỉ trích những tu sĩ không chịu nhân danh dân tộc, hòa bình, dân chủ v.v... mà lẫn xả vào cuộc đấu tranh chính trị. Trái lại, nhiều tu sĩ trước đây bị tả phái miệt thị là thuộc thành phần thoái bộ chỉ lo mê hoặc quần chúng, giờ được suy tôn lên tận mây xanh cũng chỉ vì tài mê hoặc này đã phục vụ đắc lực cho phe tả.

Trong khi đó, bên phía hữu một khuynh hướng ngược lại đang thành hình. Bên ấy người ta mong các nhà tu hành lui về vị trí của mình « để chính trị cho người khác lo ». Nhận thấy gió đang xoay chiều, hữu phái muốn các vị lãnh đạo tôn giáo an ủi chứ không kết án, kêu gọi suông mà không tìm cách qui trách nhiệm cho ai cả. Giới thiên hữu nhận thấy thà là tôn giáo đứng trung lập còn hơn bỏ rơi mình để hữu theo tả phái.

Với thời gian, quan điểm của hai phe về vấn đề tôn giáo đã thay đổi ngược chiều và tùy thuộc phần lớn vào những mối lợi lộc hoặc những tai hại mà các tổ chức tôn giáo mang đến cho mỗi bên. Trong tình trạng đó không thể hy vọng dùng tôn giáo làm một thứ thuốc

thứ để phát hiện khuynh hướng của một tổ chức chính trị.

Đề tài tranh luận thứ ba cần được bàn đến là sự mâu thuẫn giữa tinh thần quốc gia và tinh thần địa phương với tinh thần quốc tế. Người khuynh hữu thường coi trọng địa phương và tổ quốc của mình trong khi người khuynh tả hướng về chủ trương thế giới đại đồng và xem các địa phương, các quốc gia như những trở ngại chính cho sự hòa hợp toàn thể nhân loại. Chủ trương đó biểu lộ rõ rệt qua việc Đảng Cộng sản, một đảng cực tả đã chọn bài quốc-tế ca làm đảng ca của mình. Trong những năm 30 tả phái ở Âu-Châu hết sức khuyến khích quần chúng nên dẹp bỏ tự-ái quốc-gia và xa lánh tinh thần dân tộc để dồn mọi nỗ lực vào công cuộc đấu tranh cho giai cấp thợ thuyền trên khắp thế giới. Hữu phái tố cáo hành động đó là phản quốc và cổ khời động lòng ái quốc để chống lại tả phái.

Dăm dả hai quan điểm trên đây bất xung khắc nhau. Tả phái nhận thức được rằng có thể tiến tới các mục tiêu của mình mà không phải hoài công hủy diệt ý thức quốc gia trong lòng dân chúng. Hơn thế nữa, tả phái còn khám phá ra kỹ thuật dùng tinh thần quốc gia, văn hóa dân tộc v.v... để gây rối loạn trong hàng ngũ đối phương. Và có lẽ vì sử dụng chiến thuật đó thường quá nên phe tả bị nó tác dụng lại trên đường lối của mình. Những lung củng nội bộ gần đây trong khối Cộng sản đã mang hình thái một cuộc tranh chấp giữa các quốc gia hoặc các chủng tộc thù địch.

Trong khi đó phe hữu thấy cần

uyên chuyển lập trường quốc gia để có thể thu nạp những bạn đồng minh trong những nước vốn là kẻ thù cố hữu của nước mình. Bỡ ngỡ và ngơ vực trước chiến dịch đề cao tinh thần dân tộc do tả phái khởi xướng, người khuynh hữu không ngần ngại ca ngợi sự hòa hợp quốc tế trong lãnh vực văn hóa và cả chính trị nữa. Bằng hành động này, hữu phái đã nối gót theo tả phái cũng như tả phái đã từng dẫm lên lối đi của hữu phái. Ngày nay nếu chỉ xét theo tinh thần quốc gia, tinh thần địa phương của một nhân vật mà sắp ông ta về phía hữu thì thật là kém thận trọng. Xin đơn cử một trường hợp điển hình. Trong những buổi họp đầu tiên tại Quốc-hội Việt-nam người ta tìm một số dân biểu để đặt ngồi bên hữu. Một nhóm dân biểu thường được dự luận xem là có tinh thần địa-phương đã phải lãnh nhiệm vụ này. Từ đó đến nay không bao giờ nhóm nói trên chịu nhìn nhận mình khuynh hữu cả. Dựa vào một yếu tố thứ yếu để ấn định phương vị của một nhóm dân biểu, Quốc hội đã hành động độc đoán và máy móc. Tuy nhiên có lẽ đó chẳng qua là trường hợp bất khả kháng vì thời buổi này thiên hạ chen chúc nhau bên tả chớ ít ai thích ngồi bên hữu.

Nhiều nguồn dự luận quả quyết tả và hữu có thể dẫm chân lên nhau trong các địa hạt kinh tế, tôn giáo, địa phương, nhưng vẫn hoàn toàn cách biệt trên những vấn đề trọng yếu khác. Chẳng hạn tả phái luôn luôn tranh đấu để các chính phủ nới rộng tự do dân chủ trong khi hữu phái thường có khuynh hướng ngược lại. Quan niệm trên đây hoàn toàn sai nếu đem áp dụng vào trường hợp khối Cộng sản và nó cũng không diễn tả

đúng tình trạng tại các nước tư bản. Ở đó không riêng gì người thiên hữu mới say mê quyền hành. Những người thiên tả chỉ đòi hỏi tự do dân chủ lúc còn yếu thế! Ngày nào đoạt được chính quyền thì họ cũng độc đoán khắc nghiệt như ai. Khi Castro vừa mới lật đổ Batista, J.P. Sartre vội vã chạy sang La Havane dẫn dò: "Điều các anh phải làm trước tiên là đóng cửa các báo phản động. Những kẻ không ủng hộ Cách mạng không có quyền ăn nói". Lời nói của Sartre nghe có vẻ trắng trợn và tự tin hơn những nhà độc tài hữu khuynh mà ông đã tốn bao công lao để hạ nhục. Sartre đã bộc lộ tâm tình chung của tả phái. Nhìn một nhà tả phiệt đang oang oang ca ngợi độc tài cách mạng, người ta có thể nghĩ ngay rằng trong quá khứ thế nào ông ta cũng đã nhiều lần phản đối âm mưu các biện pháp phản dân chủ của chính quyền. Điều nghịch lý kỳ dị nhưng hiển nhiên là những kẻ phủ nhận giá trị của tự do dân chủ lại to tiếng nhất trong việc đòi hưởng quyền tự do dân chủ. Quyền này được xử dụng như một phương tiện hành động để đưa tới sự thành lập một chế độ độc tài tả phiệt đặt căn bản trên niềm tin mãnh liệt rằng chỉ có phe tả mới nắm giữ được chân lý.

Đối với nhân xét trên đây có thể tả phái sẽ chống hể rằng thật sự họ có chủ trương độc tài nhưng phải phân biệt cái độc tài hữu khuynh vô trật tự và theo bản-năng tự nhiên với cái độc tài tả khuynh duy-lý và hướng về những mục đích cao thượng. Nhưng giả sử rằng nền độc tài "cách mạng" mà tả phái tôn sùng có đẹp để đến đâu chẳng nữa thì nó vẫn không phải là dân chủ. Bởi thế không thể định nghĩa tả phái như một

lực lượng bảo vệ tự do dân chủ được.

Để biện hộ cho xu hướng độc đoán của mình, tả phái thường tuyên bố rằng đối với họ việc giải phóng đám người cùng khổ có tầm quan trọng vượt lên trên mọi định-chế hiện hữu. Chúng ta lại tự hỏi phải chăng đặc trưng của tả phái là lòng thương yêu dân nghèo? Nếu đúng như vậy thì không còn gì rắc rối hết: tả phái là phe của tình nhân loại, của lòng vị tha còn hữu phái là phe của ích kỷ, của tham tàn. Nhưng chỉ cần đi sâu vào vấn đề một chút người ta sẽ thấy ngay là sự thật không đơn giản như thế. Biết bao tu sĩ đã tự nguyện sống giữa đám người nghèo khổ để giúp đỡ họ mà có ai chịu xem những tu-sĩ đó là khuynh tả đâu. Nếu thỉnh thoảng một tu-sĩ được tả phái cho về phe với mình thì đó là nhờ một vài lời tuyên bố có lợi cho phe tả chứ không phải vì lòng từ bi bác ái của ông ta. Trong số những tu-sĩ được cảm tình của tả phái gần như không có vị nào tham gia hoạt động xã-hội cả. Nhiều người cho rằng số di bọn nhà giàu bỏ ra hàng triệu bạc tài trợ các cơ quan từ thiện là để lấy tiếng, còn những tu-sĩ giúp đỡ người nghèo là vì phải thi hành các lời răn dạy trong giáo-lý của giáo-p-hái họ hoặc vì muốn mua chuộc cảm tình của người nghèo với mục đích truyền giáo.

Để có quyền chen chân vào hội quán tả phái, giúp đỡ người nghèo chưa đủ, mà cần nhất là phải thương yêu họ, thương yêu một cách bất vụ lợi. Luận điệu trên đây không mấy vững. Giả dụ rằng tất cả những người giàu có và tu-sĩ đã tham gia công tác cải tiến đời sống dân nghèo đều là bọn vụ lợi cả, việc đó không ngăn cản nhiều kẻ vụ lợi khác được tả phái vui vẻ đón chào như anh em ruột thịt.

Trong số những ông dân biểu « nhà lá » đã gân cổ lên đòi chính phủ không được động tới những người chiếm ngụ nhà đất tư nhân một cách bất hợp pháp, thử hỏi có mấy ông thương yêu dân nghèo thực sự ? Nhưng tất cả những ông nghị nhà lá đi xe hơi đó đều được tả phái mặc nhiên thừa nhận là thuộc hàng ngũ mình. Phải chăng tinh thần căn bản của tả phái không ở nơi lòng thương xót kẻ hèn mọn mà chính là ở thái độ kinh chống với giai cấp thống trị giàu có, dù là kinh chống gián tiếp hoặc giả dối không thực lòng ?

Tới đây nghi vấn vẫn chưa chấm dứt bởi sự hiện hữu của một giai cấp đặc biệt cũng giàu có, cũng bóc lột mà tả phái dung thứ một cách vui lòng. Đó là giai cấp thứ lại ở các nước cộng sản. Sự cách biệt giữa thợ thuyền và nông dân đối với cấp lãnh đạo to lớn gấp mấy lần ở các nước Cộng-sản so với các nước tư bản. Người đảng viên lãnh đạo được hưởng những gì mà các nhà tư bản hưởng được, cũng ăn sung mặc sướng, ở nhà cao cửa rộng, cũng đi xe hơi kiểu vương giả nhất, cũng có kẻ hầu người hạ. Chỉ khác một điều là các tay tư-bản xây dựng cuộc sống sang trọng của họ trên số tiền thu lượm được từ các cuộc kinh-doanh trong khi đảng viên Cộng-sản thụ hưởng những biệt đãi nhờ ở chức vụ của mình trong guồng máy thống trị, một guồng máy càng củng cố thì càng được xem là mang nhiều tá tính. Dù khác nhau trên căn bản pháp lý, hai lối sống đó vẫn tương tự trên thật tế.

Sự mềm mỏng đối với Cộng - sản đã vượt qua khỏi khuôn khổ một cuộc nhượng tằm thường để biến thành một đặc tính cơ hữu của tả phái. Tả phái đã tự hiển mình làm bia đỡ đạn cho Cộng-

sản và không bao giờ cho phép một kẻ chống Cộng được tham gia hàng ngũ mình. Một cựu đảng viên Cộng sản Arthur Koestler, một đảng viên xã hội Suzanne Labin đã ráo nước miếng đánh chánh rằng mình không thiên hữu. Nhưng vô ích, không ai tin cả. Người ta nói khuynh tả gì mà chống Cộng dữ vậy. Những tác phẩm của A. Koestler, của S. Labin không bao giờ được một nhà xuất bản thiên tả nhận in. Đó đây trên khắp thế giới hàng trăm Koestler, hàng ngàn Labin đang còn sống để làm chứng rằng phần đông phe tả đã tự nguyện thần phục Cộng-sản và coi đó là một danh dự mà một người thiên tả chính thống không bao giờ được từ chối. Tả phái thăm định tư cách một cá nhân hoặc một tổ chức chính trị qua lăng kính của một kẻ luôn luôn muốn làm vừa lòng Cộng sản. Họ truyền rao khắp nơi tội ác của Phát-xít nhưng lại quên hẳn đi cái khối hàng triệu người chết dưới tay các lãnh tụ Cộng sản hoặc thiên Cộng ở khắp nơi, từ Âu-Châu, Á-Châu qua Phi-Châu, Mỹ Châu. Mà Phát-xít là ai nếu không phải là một đứa con vô thừa nhận của tả phái ? Phát xít giống tả phái đến nỗi nhiều đảng viên Cộng sản trước kia suýt có lần gia nhập. Phát xít Nhưng từ ngày Phát xít dùng vũ lực đối chọi với Cộng sản thì tả phái « biết » nó là kẻ thù không đội trời chung của mình và đẩy nó qua tuốt bên cực hữu.

Tinh thần thần Cộng của tả phái và chống Cộng của hữu phái khiến các khuynh hướng chính trị được xếp đặt theo một thứ tự thẳng hàng. Ở một đầu đường là đảng Cộng-sản được dùng làm nhóm đối chiếu để dựa theo đó mà sắp chỗ cho các nhóm khác. Đảng Cộng-sản được liệt vào khuynh

hướng cực tả và trong đảng Cộng-sản khuyển hướng khắc nghiệt nhất của Staline, của Mao Trạch Đông được suy tôn thành một thứ siêu-cực-tả. Kế bên cực tả gồm những người không phủ nhận Cộng sản nhưng không đủ can đảm làm những chuyện tày trời như Cộng sản. Những người không có nhiệt tình nhiều với Cộng sản được gọi là trung phái. Sau cùng ở cuối đường có khối hữu, một khối cực kỳ hỗn tạp bao gồm những kẻ vì một lý do gì đó không chen chân vào được các nhóm trên. Trong khối hữu có đủ mặt từ những người bảo hoàng, những người tranh đấu cho giai cấp tư-sản đến những thợ thuyền trong phong trào Phát-xít có xu hướng xã-hội, nhưng vì đã nhúng tay vào máu Cộng-sản mà bị dư luận đeo băng-hiệu cực hữu.

Lấy một đảng làm tiêu chuẩn để phân loại các khuynh hướng chính trị khác quả thật có vô lý nhưng đến nay đa số vẫn mặc nhiên cam chịu tình trạng thật tế kỳ quặc đó, một tình trạng có lẽ chỉ chấm dứt khi nào đảng Cộng-sản biến mất và không còn một đảng nào khác đủ sức thu hút sự chú ý của mọi người bằng những hoạt động ồn ào, khốc liệt trên một qui-mô quốc-tế và có tính cách toàn diện.

Lập trường của tả và hữu đối với Cộng-sản là điểm dị biệt nổi bật nhất không chối cãi được. Tuy nhiên điểm dị biệt đó không phải lúc nào cũng xử dụng được vì nhiều khi nó không bộc lộ ra ngoài. Một cá nhân hay một chính đảng nếu thẳng thắn cho biết thái độ của mình đối với Cộng-sản thì người ta có thể liệt họ ngay vào phe tả hay phe hữu. Thường thì ít ai công bố như vậy nên phải ấn định phương vị các đoàn thể chính trị bằng nhiều điều kiện bổ túc

khác. Một tiêu-chuẩn rộng rãi hơn gồm nhiều điều khoản đã được dư-luận ngầm chấp nhận (tiêu chuẩn này chỉ dùng trong thế giới tư bản thôi còn trong thế giới Cộng sản mọi việc đơn giản hơn nhiều. Ở đó cánh tả và cánh hữu của đảng Cộng sản chỉ khác nhau ở chủ trương nên siết chặt hay nới rộng tự do thôi). Như trường hợp tả phái, người ta thường xác định nó bằng ba yếu tính bất khả phân; bình vực kẻ nghèo hèn, ủng hộ người lao động và thân thiện với Cộng sản. Ba khối người được liên kết một cách độc đoán lại làm một. Thái độ đối với một khối phải kèm theo một thái độ tương tự đối với hai khối kia. Những ai phủ nhận một trong 3 điều kiện nêu trên đều kể như là thiên hữu.

Với một công-thức như vậy, nhiều sự việc có vẻ nghịch lý đã có thể giải thích được. Một người đòi hỏi công bằng xã hội nhưng chống Cộng kịch liệt không được đứng trong hàng ngũ tả phái vì tinh thần chống Cộng nghịch với điều kiện kiện thứ ba. Điều kiện này cũng biểu-lộ qua việc tả phái chỉ lên án bọn nhà giàu ở chế độ tư bản và hết sức khoan dung với bọn nhà giàu ở chế độ Cộng sản. Tả phái bình vực người nghèo nhưng nếu bạn đứng ra tranh đấu cho giai cấp tiểu công chức chẳng hạn, một giai cấp nghèo nhất Việt-Nam hiện nay, thì bạn sẽ không được gọi là khuynh tả vì khi làm như vậy bạn có thể phải kinh chống với các giai cấp khác trong đó có giai cấp lao động, một giai cấp mà điều kiện thứ hai hai trong công thức buộc tả phái phải tôn phò. Hơn nữa theo công thức đó thì giai cấp lao động đã được đồng nhất với giai cấp nghèo nên không thể chấp nhận — dù sự thật đã hiển nhiên — rằng một giai cấp khác đã tuột thang và

xuống chiếm chỗ của giai cấp lao động trong khi giai cấp này leo lên được một hai bậc trong nấc thang xã hội.

Nói thì nghe có vẻ nguy hiểm và khôi hài nhưng sự thực phải lý luận quanh co như vậy mới hiểu nổi tại sao tả phái có nhiều phản ứng không ăn khớp nhau, tại sao những đặc tính mà người ta tưởng là của tả phái đến khi phân tích tận cùng thì thấy không phải.

Sự mâu thuẫn trong tác phong của tả phái bắt nguồn từ tham vọng muốn gồm thâu mọi đức tính cao quý nhất mà nhân loại cần có để sống còn và tiến hóa. Tả phái vừa muốn làm thi sĩ than khóc trên nỗi đau khổ của những kẻ hèn mọn bị áp bức vừa muốn làm hiện thân dũng mãnh của một tương lai đầy hứa hẹn. Có một khi kia hai hình ảnh này hòa hợp và bổ túc

nhau, nhưng sau bao lần thời-thể biến đổi chúng đã rã ra rồi đối chọi lại nhau. Bởi thế mà ngày nay tả phái xuất hiện dưới một gương mặt càng nhìn kỹ thì càng mờ ảo, hỗn độn, khó nhận ra. Trong khi đó, hữu phái, mà lý do hiện hữu chính là tả phái, cũng bị vạ lây, cũng mắc cùng một chứng bệnh trầm kha là không tự tạo được một hình ảnh chính xác và thuần nhất.

Với sự xuất hiện của nhiều dữ kiện mới, ý-niệm về tả hữu càng ngày càng trở nên mơ hồ, dễ bị lợi dụng. Ngay từ bây giờ nên nghĩ đến việc bãi bỏ sự phân chia chính giới thành hai phe tả-hữu vì đó là một lối phân loại lỗi thời chỉ còn nhờ ở thói quen, ở tinh thần công thức mà tồn tại được.

HỒ DÃ TƯƠNG

'ASPRO'



Trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



PUB. YẾN-TRÍ

KN 226.8YT

nhà xuất bản AN TIÊM mời bạn đọc :

✧ **CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG**

của Hàn Mặc Tử

✧ **BIỂN ĐÔNG XE CÁT**

(Mythe de Sysiphe) của Albert Camus. Bùi Giáng dịch

✧ **SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT**

của Bồ Đề Đạt Ma. Trúc Thiên dịch

và cùng hát :

✧ **HÁT VÀO ĐỜI**

tập nhạc tuyển 14 bài «Hát Vào Đời» của Phạm Duy

✧ **NGÀY ĐÓ CHÚNG MÌNH YÊU NHAU**

tập nhạc tuyển «14 bài Hát Tình Yêu» của Phạm Duy (in lần thứ hai)

CA DAO đã phát hành :

✧ **ĐÔI BẠN CHÂN TÌNH**

của Hermann Hess. Vũ Đình Lưu dịch

✧ **TÌNH SẦU CỦA CHÀNG WERTHER**

của Goethe. Chơn Hạnh dịch

sắp phát hành :

✧ **KHÓC LÊN ĐI, ÔI QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU**

của Alan Paton. Nguyễn Hiến Lê dịch

✧ **KRISHNAMURTI**

VÀ CON NGƯỜI TOÀN DIỆN

của Carlos Suarez. Vũ Đình Lưu dịch

SỔNG MỖI phát hành



Nhức đầu

Nhóng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính Kỳ

KN 86/1211/BYT/QCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY:

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỞ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Mưa mùa đông trên tuổi thơ

Mùa hạ của phố Huế có nhiều hoa Phượng. Trên con đường vắng chạy dài dọc theo bờ sông, người đi đường đôi khi ngược mắt nhìn lên bao giờ cũng thấy những dải hoa đỏ rực rỡ kết đầy trên tầng lá cây xanh. Trong lớp học, cô giáo mệt nhọc đọc từng chữ cho học trò chép, Cô bảo rằng sắp đến kỳ thi lên lớp cuối năm rồi, các em phải cố gắng chăm chỉ thêm chút nữa, thi đỗ là một mùa nghỉ hè thênh thang tươi đẹp được trao tặng cho các em.

Nhưng hầu hết bọn học trò đều ngủ gục trên bàn, hơi nóng gắt gỏng của mặt trời và tiếng ve kêu vang um không đánh thức được chúng. Tôi cố gắng chống chọi với cơn buồn ngủ để làm một bài thơ. Thủa ấy có lẽ tôi được mười lăm tuổi. Vào tuổi đó, các cậu bé con chỉ có thể làm thơ tả cảnh đầm ấm trong gia đình hoặc làm thơ tình gửi đến cho những cô con gái trong mộng. Tôi làm một bài thơ tình và phải chăm chú nhìn cô giáo để diễn tả nét mặt của cô trong thơ.

Cô giáo của tôi tên là Dạ Thảo, đó là một cô giáo xuất sắc chưa hề thấy trên đời. Cô dạy môn văn chương nhưng bọn học trò con trai cả năm không biết một tí gì về văn chương cả, chúng chỉ mê mẩn ngắm thân hình mảnh mai của cô trong những chiếc áo dài mềm mại mà cô mặc thay đổi mỗi ngày. Khi thì áo màu tím, màu xanh, hay màu trắng, màu nào trông cũng thật quý phái. Mái tóc đen óng ả, làn da trắng, đôi mắt trong và nụ cười thắm của cô, tất cả đều dễ thương quá nên chẳng có đứa nào sợ cô cả. Lớp học

mỗi khi đến giờ cô dạy thật thú vị. Bọn học trò chia ra làm hai hạng : bọn có tâm hồn mơ mộng nhìn cô không chớp mắt, còn bọn có tâm hồn bằng gỗ đá cứ tự do chuyện trò, đọc chuyện kiếm hiệp hay chụm đầu chơi cờ ca rô với nhau.

Tôi thuộc vào bọn thứ nhất. Tôi lại ở trong hạng nhỏ con trong lớp nên được ngồi ở dãy bàn đầu, chỗ gần với cô giáo nhất. Vì thế tôi thuộc lòng những ý nghĩa trong mắt cô Dạ Thảo. Khi nào cô hài lòng điều gì, đôi mắt cô biến thành màu nâu dịu dàng, khi cô giận dỗi màu nâu ấy đổi sang màu đỏ. Nhưng màu nâu hay màu đỏ đều quyến rũ cả. Mỗi tuần, thằng nào làm được bài luận Việt văn cao điểm nhất, cô bảo nó đứng dậy đọc cho cả lớp nghe rồi cô xoa đầu nó khen ngợi. Cái trò đó quả thật tuyệt vời. Tôi dần dần bỏ bê hết tất cả những môn học nào ngoài môn Việt văn, suốt ngày chúi đầu đọc một lô sách truyện đủ thứ, tiểu thuyết tiên chiến, truyện trinh thám ái tình, truyện kiếm hiệp... để được « văn chương thấm vào người » như lời cô Dạ Thảo

nói. Rồi cái ngày thần tiên nhất của tôi cũng đến. Bài luận của tôi, tả một cảnh biệt ly trong gia đình được chấm nhất lớp. Trong khi đó tôi bị các ông giáo môn Toán chửi mắng thậm tệ vì tôi luôn luôn bó tay trước bất cứ một bài toán nào đầu dễ nhất.

Cô Dạ Thảo gọi tôi đứng dậy. tôi lắng nghe tên mình phát ra từ đôi môi dễ yêu của cô, và tôi run run đọc bài luận cho cả lớp nghe. Xong xuôi, cô khen tôi vài lời, nói rằng mong muốn tôi cứ xuất sắc mãi như vậy, rồi cô ban phần thưởng như thường lệ, nghĩa là dùng năm ngón tay trắng mềm mại xoa lên mái tóc tôi. Hạnh phúc làm người tôi nóng bừng, tôi lén ngược mắt nhìn lên và bắt gặp vội vàng đôi mắt của cô âu yếm lạ thường.

Thuở ấy tôi yêu cô Dạ Thảo vô cùng và tôi quả quyết với bạn bè là cô giáo cũng mê tôi như chết. Nhưng về sau, sự thực đã chứng minh ngược lại, không ai còn nghe được tiếng trách móc và lời giảng bài ngọt ngào của cô nữa. Cô giáo yêu dấu của thời tuổi thơ đã bỏ trường, bỏ học trò. đi lấy chồng. Ngày đó tôi hậm hực viết đầy trên trang giấy vở những chữ to tướng : *Cô giáo phản bội...* Những chữ ấy thật ghi đậm dấu vết trong tâm hồn tôi, nhưng giá có người nào đọc được, chắc họ sẽ cười bỏ lặn ra cả.

Một lần nào đó cô Dạ Thảo ngạc nhiên khi thấy tôi không làm bài luận nhan đề : "Tả một cảnh đầm ấm trong gia đình với cha mẹ và anh em". Tôi không biết gì về cảnh đó, tôi không được sống trong một mái nhà êm ấm, mà trẻ thơ nào cũng mơ ước. Tôi mất cha từ nhỏ, chưa hề thấy mặt người. Mẹ tôi yêu tôi nhưng thỉnh

thoảng bà cũng yêu một vài người đàn ông khác. Bà sống với một người chồng mới và muốn có tôi bên cạnh, nhưng tôi thích ở với bà ngoại tôi hơn. Trong ngôi nhà cổ kính có vẻ lạnh lùng của bà ngoại, tôi cảm thấy bình yên, vì ở đó không có người lạ. Hồi nhỏ, người ta sợ hãi những người lạ biết bao.

oOo

Người ta không yêu Huế vì mùa hạ. Mùa hạ nắng cháy trên da người như đè nặng cả một khung trời lửa. Tôi yêu Huế vì mùa Đông mặc dầu mùa thu là mùa dễ thương nhất, mùa thu lá vàng rụng nhiều làm buồn lòng người phu quét đường còm cõi. Tôi sẽ nhớ mãi hình ảnh mơ hồ của mùa đông ở Huế.

Hình như Huế là một thành phố mưa. Bầu trời, mái ngói, những ngọn cây đều là một màu trắng mờ chao động. Mưa kéo dài suốt tuần lễ, có khi suốt tháng trường, thỉnh thoảng mưa tạm dừng lại giây lát cho những cậu bé con chạy ào ra bờ sông, ao hồ để câu cá. Trường học đóng cửa vì «lũ lụt», nước ngập cao ở mọi con đường khiến thầy giáo và học trò đều không đến trường được. Nước sông lên cao chôn vùi. Đập Đá, những người đi xe đạp khi băng qua đập phải dắt xe đi chậm chạp từng bước, người nào không cẩn thận sẽ té nhào xuống sông và bị dòng nước cuốn phăng đi mất. Mực nước trong thành phố lên cao mãi. Những nhà cửa đã bị nước tràn vào sân và rồi nước ngập khắp các căn phòng. Bàn ghế, đồ đạc chồng chất lên nhau, trên chỗ cao nhất đặt một tấm gỗ làm nơi cư trú cho cả gia đình.

Ngôi nhà của tôi nằm trên một trũng đất thấp. Nước đã xâm chiếm khắp căn nhà, phá hoại hết khu vườn đầy cây trái và hoa cỏ, chuồng gà sau bếp cũng

mất tích theo dòng nước lũ. Người lớn lo âu vì gạo dự trữ sắp hết và không thể đi đâu được. Nhưng trẻ con khoái biết bao, được nghỉ học, được ngồi trên một con đò nhỏ và nhờ bác chèo ghe chở đi vòng vòng quanh nhà hay sang nhà hàng xóm mượn vài lon gạo. Tôi thích sang nhà trước mặt nhất vì nhà ấy có một cô gái tên Bích Ty; Bích Ty lớn tuổi hơn tôi nhiều, nàng học trường Đông Khánh nên sáng nào cũng thướt tha điệu bộ — đi học ngang qua nhà tôi. Ngày lụt lội, Bích Ty mất hết cái vẻ đài các, nàng mặc chiếc áo cụt tay thấm đầy nước mưa, quần xắn lên đến đầu gối để lộ làn da chân trắng nõn. Bích Ty đang mãi mê lội nước, tìm những cành cây trôi vạt vờ, đem về nhà nhóm bếp nấu nướng. Tôi bỏ con đò, nhảy xuống nước tìm củi giùm cho Bích Ty. Tôi phải bậm môi cố bấu chặt chân mình trên mặt đất mềm nhũn, rồi tôi cũng đem đến cho Bích Ty một bó củi to tướng. Nàng cười nói cảm ơn, nàng khen tôi dễ thương và nói rằng tôi khoan về nhà, cứ ở đây kiếm củi cho nàng, đến trưa ăn cơm ở nhà nàng luôn, mẹ nàng cũng mến tôi lắm. Nhưng tiếng kêu của bà ngoại tôi đã vang lên :

— Đông ơi, về nhà ăn cơm. Con đi đâu từ sáng đến giờ ?

Tôi vội vàng quay về ngay tuy trong bụng tiếc kinh khủng. Bích Ty dặn dò.

— Đông cần thận kéo nhào xuống ao nghe. Cứ theo đường thẳng này mà đi là đúng đường, còn hai bên đều là ao sâu cả đó.

— Yên trí. Tôi thuộc lòng vườn nhà tôi mà, cây ổi nào vừa có trái chín là biết ngay, huống gì hai cái ao to tướng. Chỉ tiếc không được ăn cơm ở đây thôi,

trưa nay nhà chị ăn cơm với gì đó ?

Bích Ty cười, nàng đưa tay vén lại mái tóc đen nhánh của nàng giờ đây đã ướt sũng nước.

— Nhà hết thức ăn rồi. Trưa nay mỗi người ăn một chén cơm với nước mắm ớt. Thấy nhà nghèo ghê chưa ?

— Nghèo gì ? Trời lạnh như thế này mà đóp một chén cơm nóng hổi... nghe nói đã chảy nước miếng.

— Thế nhà Đông ăn gì ?

— Có lẽ ăn cơm với mắm cà.

— Trời ơi ! Tuyệt quá.

— Qua tôi ăn cơm đi.

— Không được, mẹ la chết. Thôi Đông về đi. chiều qua chơi nghe.

Tôi vung vẩy chân dưới lòng nước, chảy siết, đi khó khăn từng bước một. Tôi cứ quay đầu nhìn Bích Ty mãi nên suýt chút nữa bị ngã nhào xuống ao. Khi bàn chân đạp trúng ngay bờ ao, tôi sợ tái người và vội vàng hụp cả thân người xuống nước, hai tay hối hả khoát hơi mạnh qua một bên. Áo quần ướt nhèm dính sát vào da thịt làm tôi lạnh cóng, tôi đứng run lẩy bẩy như một con gà con bị thả vào hồ nước. Mái ngói của ngôi nhà trước mặt mà bây giờ sao thấy quá xa, tôi bỗng thêm ghê lắm một lò lửa có những thanh củi cháy hồng nõn tí tách.

Buổi trưa, cơn bão tố từ đâu kéo về thổi ào ào như muốn nhổ bật cả khu xóm. Tiếng gió réo và tiếng những cành cây gãy nghe thật bồi hồi.

Buổi chiều mưa ngớt hạt, một vài chiếc đò chèo đến trước nhà rao hàng. Bà ngoại mua một ít gạo và cá khô để dành cho những ngày sắp đến. Khi bà ngoại quay vào trong nhà, tôi leo lên

đông trên cánh cửa sổ, mực nước bây giờ đã lên ngang bằng cánh cửa. Tôi kêu lên khi người lái đò sửa soạn nhổ cây sào để chèo đi.

— Bây giờ bác còn chèo đi đâu nữa?

Người lái đò hất đầu hướng về những mái nhà hàng xóm đang chìm ngập trong biển nước, chiếc nón lá trên đầu của bác ta rách toí tã dưới cơn mưa.

— Còn phải đi bán cho mấy nhà khác, có lẽ tối mới về nhà.

— Bác chờ giùm tôi qua nhà trước mặt một chút đi. Bác qua bên đó bán cho người ta luôn, họ cũng hết thức ăn rồi.

Người lái đò gật đầu, chờ tôi leo xuống đò xong. bác ta mới nhổ cây sào ra khỏi mặt đất và một nhọc chống sào xuống dòng nước để con đò trôi chậm chạp từng bước ngắn. Khi đò trôi vào cổng nhà Bích Ty, tôi đã thấy nàng ngồi trên cửa sổ, khuôn mặt nàng không hiểu sao trông thật buồn bã, bàn tay đang buồn thả những tờ giấy màu xanh rơi lả tả trên mặt nước. Bích Ty ngẩng đầu lên.

— Tôi buồn quá Đông ơi.

Nàng làm tôi ngạc nhiên. tôi nhìn thấy đôi mắt nàng hơi đỏ vì hình như đã khóc.

— Tại sao buồn? Trời lụt được nghỉ học mà còn buồn gì nữa. Bộ nhà hết gạo ăn rồi hả?

— Không phải. Tại vì tập thơ của tôi, tôi mất hết tập thơ rồi.

Bích Ty nói món đồ nàng quý nhất là tập thơ chép tay của nàng. Nàng đã mua mấy trăm tờ giấy pelure màu xanh khâu chỉ đông lại thành một tập dày, có đóng bìa cứng cẩn thận. Trên những trang giấy đó nàng đã chép biết bao

bài thơ thật hay, trích từ những tờ báo hay sách mà nàng mượn của bạn bè.

— Tôi cất kỹ nó trong hộp, lúc bạn dọn dẹp đồ đạc bỗng quên mất nó đi. Đông xem, giờ còn gì nữa đâu, ước đã thấm ướt hết, rách nát hết rồi... chỉ còn có vài tờ.

Tôi cầm lấy một tờ giấy màu xanh từ tay nàng, trang giấy ướt mềm nước dơ bẩn, những dòng chữ viết bằng mực tím của nàng bây giờ trông nhoè nhoẹt, có chữ vì xóa mờ hẳn đi. Một bài thơ nào đó không còn toàn vẹn.

Bích Ty cứ ngồi âu sầu một chỗ mãi. Tôi nghĩ rằng có lẽ nàng cứ ngồi lặng yên như thế, cho đến khi biến thành một hòn sỏi lăn xuống nước, và tôi làm thế nào tìm được một hòn sỏi nhỏ bé trong sóng nước mù mịt này. Con gái khi buồn trông thật đáng yêu, tôi muốn mình cao lớn thêm thật nhiều, lớn thêm vài tuổi nữa để có thể vuốt ve mái tóc đỏ dành nàng. Tôi có một cách riêng để an ủi con gái, lúc đầu là chọc cho nó giận dữ thêm để khóc òa và sau cùng là dỗ dành thực sự cho cô nàng hết khóc.

— Thôi đừng buồn nữa. Mùa lụt này có khối người mất hết nhà cửa ruộng vườn, chỉ mất một xấp giấy vở văn mà cũng bày đặt buồn.

— Đông không có tâm hồn; Đông không biết yêu văn chương gì cả.

— Đừng đùa. Trong lớp tôi đứng nhất về môn Việt văn đó.

— Vậy tại sao Đông không tiếc giùm tôi? Mấy trăm bài thơ chép cả hai năm nay bây giờ mất hết. Giờ có muốn chép lại cũng không mượn đâu cho có đủ những bài thơ đó.

Tôi bắt đầu trò đùa của tôi.

— Chép lại làm gì cho mất công. Bây giờ lo đề dành tiền mua sách về tâm lý đàn ông, tâm lý ái tình mà đọc. Nay, nói thật cho chị biết, chị lớn rồi nghe không, lo kiếm chồng là vừa chứ không phải lúc nào cũng thơ thẩn mãi được.

Bích Ty đỏ bừng mặt, nàng kêu lên.

— Đông nói gì kỳ cục vậy ?

— Con gái lớn rồi phải đi lấy chồng chứ có gì mà kỳ cục. Mấy lúc này thấy có nhiều ông nào lượn quanh nhà chị hoài, chọn đại một ông đi.

Bích Ty bĩu môi. Mặt nàng trở nên nghiêm trang, đôi mắt nhú lại khó chịu nhìn tôi.

— Đông vô duyên quá. Khi không đề ý vào chuyện người khác làm gì vậy.

Tôi đứng sững lại, mặt nóng bừng vì sượng sùng. Cái chữ « vô duyên » quá nặng nề đối với tôi, và bất cứ một ai nói với tôi câu đó đều làm tôi sợ hãi. Khuôn mặt của Bích Ty bây giờ hết vẻ tội nghiệp, đôi mắt nàng thật xa lạ lạnh lùng, nàng đã không khóc như tôi chờ đợi và trái lại, bây giờ tôi có vẻ là người muốn khóc hơn cả. Tôi đứng yên, ngẫm nghĩ mãi về mình và nghĩ rằng có lẽ mình vô duyên thật, điều đó làm tôi buồn bã vô cùng. Bích Ty càng thêm vẻ thờ ơ, nàng không nhìn tôi, không nhìn ra ngoài bầu trời mưa nữa, nàng đã buông hết những tờ giấy màu xanh xuống nước và nàng dùng những ngón chân của nàng đùa nghịch trong làn nước sóng sánh.

Con đò đã bỏ đi từ hồi nào tôi chẳng hề hay biết. Những hạt nước mưa tuy không còn rơi mạnh mẽ nhưng cũng thấm ướt trên đầu và thân người tôi từng giọt thật lạnh băng. Hôm nay lại

thêm một bữa tắm mưa lạnh gần chết được. Tôi quay về nhà, nhìn khuôn mặt mình không còn ra hình dáng gì nữa dưới làn nước đục ngầu một màu bùn đỏ.

Tôi cảm thấy giận Bích Ty lạ lùng. Nếu tôi là người luôn luôn sẵn sàng đổ dành con gái, thì trái lại, cóc có một cô nào chịu khó đổ dành tôi cả. Bích Ty không nói thêm một tiếng, nàng thản nhiên nhìn tôi bỏ đi.

Cứ mỗi buổi chiều xẩm nắng nê, nước bao la dưới chân và gió lạnh nhiều, tôi thường nghĩ đến một lò lửa ấm áp. Nhưng rồi khi nằm bên cạnh lò lửa trong nhà, lại mơ tưởng đến bầu trời cao ngoài kia xanh bát ngát.

Ba ngày sau, mực nước xuống nhiều, chỉ còn cơn mưa tầm thường mà bất cứ thành phố nào cũng có thể có, trời thôi không còn gió bão. Nước lũ lướt rút đi khỏi ngôi nhà và khu vườn, theo ao và đường cống hai bên đường chảy ra sông. Khu vườn bây giờ là một miếng đất xác xơ, đám ớt xanh, bắp cải, những cây rau quế, rau dền, rau khoai hư nát hết. Vườn hoa hồng và hoa huệ mà sớm mai nào bà ngoại cũng thức dậy tưới nước bắt sâu, bây giờ ngã rạp nhàu nát trên bùn đất, trông buồn bã như những xác người chết.

Tôi thức dậy sớm vì nghe tiếng gọi tên mình từ bên nhà hàng xóm, thoát đầu tưởng chừng như tiếng gọi của Bích Ty, nhưng khi vừa dụi mắt mới biết là không phải. Tôi nhận ra khuôn mặt quen thuộc của anh Đào. Anh Đào đang đứng co ro mình trong chiếc áo mưa nhà binh bạc màu, đầu anh đội một chiếc mũ cát kết như những tay

thợ săn, chân đi giày ba ta rách bươm, Tôi chỉ bằng tuổi mấy đứa em của anh Đào nhưng anh thường rủ tôi đi chơi với anh trong những vụ tắm sông hay đạp xe lên các lăng tẩm. Anh Đào đưa hai bàn tay trước miệng làm ống loa rồi la lên.

— Ê Đông ơi, thức dậy đi lội nước với tao.

— Trời còn mưa nhiều không?

— Còn. Mưa mới khoái, mây kiếm cái áo mưa với bộ đồ nào dơ nhất mặc vào rồi qua đây nhanh lên. Đi ra bờ sông coi người ta câu cá.

Tôi vùng dậy ngay. Đi chơi lang thang dưới cơn mưa thật tuyệt, dù người tôi đang run lên vì lạnh tôi cũng không thề nào bỏ qua được. Tôi vội vã tìm ba chiếc áo sơ mi thật dày mặc chồng lên nhau vì trời còn lạnh, cõ quần khăn kín mít. Tôi may mắn tìm được đôi giày ba ta há mồm nhưng thiếu chiếc mũ thợ săn như của anh Đào, cuối cùng tôi đành trùm lên đầu chiếc mũ to tướng của ông cậu tôi. Tôi chạy nhanh ra khỏi cổng nhà, anh Đào đứng chờ trước cửa nhà anh. Anh đang hút thuốc, khi thấy tôi anh nhe răng ra cười để lộ hàm răng thiếu một chiếc ở giữa. Vì sợ răng, nên anh có thể làm một trò rất thú vị là gắn điếu thuốc lá vào hàm răng anh, giữa kẽ hở nhỏ xíu. Tôi bật cười, anh Đào vỗ vào vai tôi.

— Mấy bữa nay mày đi đâu mất tao tìm hoài không thấy?

— Qua nhà chị Bích Ty chơi.

Anh Đào tỏ vẻ ngạc nhiên nhìn tôi.

— Bên đó có gì vui đâu?

— Chị Bích Ty dễ thương lắm.

Đôi mắt của anh Đào mở tròn kinh

ngạc, anh nhún vai và vút điếu thuốc xuống đất.

— Dễ thương? cái con nhỏ chua ngoa nhất xóm này mà mày bảo dễ thương? con nhỏ có bộ mặt dài như ngựa mà lúc nào cũng vênh lên, tưởng mình đẹp ác lắm.

Đến lượt tôi ngạc nhiên.

— Mặt vậy mà bảo là dài? Chị ấy đẹp quá trời đi, lại văn nghệ ghê lắm. Anh biết không, chị Bích Ty có một tập thơ quý lắm, chép nhiều bài thơ xưa thật hay.

— Bộ mày mê con Bích Ty đó rồi phải không?

Tôi gật đầu, tôi không dấu diếm điều gì với anh Đào, nhất là những chuyện tình cảm bởi vì anh Đào là ông giáo đầu tiên dạy cho tôi những bí quyết chinh phục con gái, đầu tôi không bao giờ thấy anh Đào quen với một cô nào cả. Tôi buồn buồn thú nhận với anh Đào là tính tôi đơn giản đến nỗi yêu hầu hết những người đàn bà nào tôi quen biết hay chỉ vừa gặp. Tôi lại biết điều khiến giấc mơ của mình thật tài tình. Mỗi đêm trước khi đi ngủ, tôi dành chừng nửa giờ để nghĩ đến người con gái nào là khi thiếp đi, tôi sẽ gặp nàng trong giấc mơ.

— Đêm qua mới nằm mơ thấy chị Bích Ty. Nhưng hơi kỳ lạ... thấy chị ấy đi lấy chồng rồi ông chồng nào cũng bị rơi xuống giếng chết đuối cả. Có chừng mười người chết như vậy nên rốt cuộc không ai dám lấy chị cả. Đến năm 90 tuổi, chị Bích Ty vẫn góa chồng... nhưng thật kỳ cục, già như thế mà nước da chị vẫn trắng như tuyết...

Anh Đào bực mình ngắt lời tôi.

— Thôi dẹp chuyện mơ mộng của

mày đi. Nếu tao có khá tiền tao sẽ dẫn ngay mày đến một ông bác sĩ trị bệnh thần kinh.

Anh Đào nắm tay tôi lôi đi. Trên mặt đường, nước mưa chỉ còn lúp xúp ngang mắt cá chân, vừa đủ để tôi nhúng đôi chân trong làn nước mát lạnh và đá văng tung tóe những hạt nước văng lên cao. Mưa rơi từng giọt lộp bộp trên đầu nghe thật vui tai, đôi khi một cơn gió mạnh thổi qua, cành cây nhỏ nào đó rơi trúng vào vai làm tôi giật mình. Tôi với anh Đào đi dọc theo trên bờ sông Hương. Trên bờ sông, cứ cách một quãng ngắn là một lão già đang đội mưa giăng lưới. Hình như tất cả những cậu bé con của thành phố đã đổ xô ra những bờ sông, đưa đứng nhìn, đưa vút mạnh lưới câu xuống dòng nước. Những đứa nào mới tập tành câu cá thì ra những bờ ao và ruộng cạn, ở đó có rất nhiều cá bống và cá rô, thứ cá dễ ăn mỗi nhất.

Tôi nhìn thấy những chiếc thuốc bốc khói xanh thật đẹp cứ liên tiếp đốt trên môi anh Đào, tôi xin một chiếc nhưng anh không cho. Tôi cố gắng nói và nghĩ rằng nếu tôi không nói lên được chắc người tôi sẽ chết công.

— Anh Đào ơi, xin chiếc thuốc hút cho ấm bụng.

— Nói lớn lên... tao không nghe gì cả, trời mưa lớn quá.

Tôi nài cáu gân cổ la lên.

— Xin chiếc thuốc !

— Không được. Mày còn nhỏ đừng bày đặt.

— Mười lăm tuổi rồi chứ còn nhỏ gì ?

— Nói lớn lên... tao không nghe gì cả.

— Mười lăm tuổi rồi !

— Đợi sang năm mười sáu tuổi rồi hút thuốc.

Tôi thêm một chiếc thuốc lá quá chừng. Tôi lăm lăm đi nhanh, bàn chân bực dọc đá văng tất cả những cành cây gãy gãy phải trên đường. Hai người đi qua cầu Trường Tiền và tôi phải bám chặt vào thành cầu để khỏi bị gió thổi bay xuống sông. Anh Đào đi còng lưng như người già, anh đưa hai tay giữ chặt chiếc mũ thợ săn và mặt nhăn nhó vì những hạt nước mưa thi nhau quất vào mặt. Anh nói lắp bắp.

— Mày thích vô tiệm ngồi cho ấm không ?

Tôi giả vờ kêu lên ;

— Nói lớn lên... Trời mưa quá, không nghe gì cả.

Tôi nhìn thấy anh Đào há miệng thật lớn, chắc nước mưa đã bay vào đầy cổ họng anh.

— Thích vào tiệm không ?

— Không, Anh đi một mình đi, tôi về.

— Đừng đùa. Mày về một mình rủi nhào xuống sông chết đuối, tao biết nói sao với bà ngoại mày ?

— Mặc kệ. Tôi về đây.

Anh Đào hoảng hốt nắm chặt lấy chiếc áo mưa của tôi, anh nấn nì.

— Thôi đi với tao vào tiệm rồi tao cho hút thuốc lá.

— Nói lớn lên... không nghe gì cả.

— Thằng quỷ ! Tao cho mày hút thuốc, khỏi đợi đến sang năm nữa.

Tôi cười sặc sụa vui thích, cùng với anh Đào chạy nhanh qua cầu để đến tiệm cà phê. Chắc anh Đào cũng thêm uống một ly nước gì đó như tôi, vì cả hai vừa hét quá nhiều đến khan cả cổ,

Quán ít người, người nào cũng co ro trong chiếc áo đi mưa và một miếng thuốc lá trên miệng. Mưa tạt vào những bàn ghế đặt ngoài quán nên anh Đào phải tìm một chỗ kín nhất trong góc quán. Anh Đào vẫn đội chiếc mũ thợ săn thật đẹp của anh còn tôi vội vàng lột chiếc mũ to tướng và lộ bạch của tôi ra. Người bồi tiến lại trước mặt anh Đào.

— Cho tôi một ly cà phê sữa... còn chẳng này, mày uống gì? một ly chè trái cây hay chè đậu xanh nhé.

— Trời ơi, lạnh như thế này mà uống cái thứ dành cho trẻ con đó!

Tôi nói với người bồi bằng cái giọng thản nhiên và thành thạo như đã vào quán này cả ngàn lần.

— Anh cho tôi một ly cà phê đen với một "lon" Ruby.

Anh Đào nhún vai, lắc đầu nhìn tôi rồi nhìn ra ngoài đường. Đường phố mờ mịt trong cơn mưa, một vài người vội vàng đi qua lại. Chiếc máy hát trong quán rè rè chạy một bản nhạc ăn khách nhất lúc này, bài Bambino do giọng hát có vẻ ma quái của Dalida trình bày. Lát sau người bồi trở lại với hai ly cà phê bốc khói thật ấm, và một lon sữa bò trong đó đựng năm miếng thuốc lá hiệu Ruby Queen. Tôi châm một điếu trước tiên, không thấy ngon lành gì cả, khói nóng nặng nề trong miệng và cay

xè đến chảy nước mắt. Trời đã mờ vì mưa, đôi mắt lại bao phủ thêm bằng một vài giọt nước mắt nên khi tôi nhìn sang bên kia đường, cảnh tượng hết sức mờ nhạt như một khúc phim bị hư. Rạp chớp bóng vừa mới vãn, khán giả chen chúc đi ra đường phố, có những đàn bà mặc áo đi mưa màu xanh, đỏ hay tím trông thật vui mắt.

oOo

Đến ngày cuối tuần, cơn mưa hoàn toàn chấm dứt. Nước đã khô trên đất, chỉ còn những ao sâu hai bên đường là vẫn còn đầy ắp giòng nước chảy xiết. Mặt trời đã lâu không ai nhìn thấy, bây giờ hơi ửng một chút hồng hào như má con gái. Và dần dần, tia nắng đỏ rực rỡ trên mái ngói và những cành cây chỉ còn một ít lá xanh. Ban đêm tôi sang nhà Bích Ty đề xin vài viên thuốc cảm, người tôi bây giờ lúc nào cũng lạnh run từ trong da thịt vì những vụ đội mưa đi chơi vừa rồi. Tôi chăm chú nhìn khuôn mặt của Bích Ty đề xem mặt nàng có dài như mặt ngựa không, nhưng tuyệt không, khuôn mặt nàng vẫn tròn và trắng xanh che lấp sau mái tóc đen nhánh.

— Đông thấy tóc tôi đẹp không? Mời gọi đầu với bồ kết đó.

— Ừ.

— Đông có giận gì tôi phải không?

— Không.

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

— Thế sao mấy ngày này không qua đây chơi ?

— Bạn đi chơi với anh Đào, anh ấy vui vẻ hơn chị nhiều.

Bích Ty mở tròn mắt ngạc nhiên, tôi lại nhớ đến nét mặt của anh Đào khi nghe nói về Bích Ty.

— Chơi gì với cái thằng rãng sún dễ ghét đó ?

— Đừng nói bậy, anh ấy dễ thương lắm.

— Dễ thương ? Cái thằng ăn bận như cao bồi, sáng nào tôi đi học cũng bị nó chặn lại ở góc đường chọc ghẹo.

— Anh ấy đâu có thèm chọc chị làm gì. Chị tưởng chị đẹp lắm sao ?

Tôi ra về. Bây giờ nước đã cạn khô, con đường, gạch đá hay ao sâu đều hiện rõ nên Bích Ty không dấn dò tôi phải đi cẩn thận nữa. Bích Ty chỉ kêu nhỏ.

— Đông có hơi giận tôi phải không ?

— Phải. Nhưng giận ít thôi.

— Vậy làm sao cho Đông hết giận ?

— Đừng làm gì cả. Cứ để tự nhiên rồi hết.

Bích Ty bật cười. Tôi không quay lại nhưng vẫn thấy rõ ràng trong trí não đôi môi nàng đã hồng tươi thắm, trời bây giờ có nắng ấm nên môi của

nàng không còn tái xanh nữa.

Đêm khuya, tôi nhìn sang nhà Bích Ty, phòng nàng vẫn còn thấp ánh điện vàng. Chắc nàng đang sửa soạn lại bài vở và ủi chiếc áo dài trắng. Tôi lấy chân đắp kín người, để đôi mắt mở ra vẫn không nhìn thấy gì cả. Sáng mai, trên đường sẽ có nhiều người đi. Bích Ty sẽ trượt tha trong chiếc áo dài trắng, khuôn mặt nàng sẽ nghiêm trang như thường lệ, có thể nàng làm lơ khi thấy tôi hay chỉ nhếch mép cười mỉm rất nhanh. Dầu sao tôi cũng mong con đường của nàng đi sẽ đen nhánh, lóng lánh như hột nhãn sau những ngày nước mưa quét sạch bụi bặm. Nếu thỉnh thoảng trên đường có một vài màu xanh lấm tấm, đó là màu xanh của những trái sầu đông đã rơi vội vàng trong mùa mưa bão.

Người nữ xướng ngôn viên của đài phát thanh loan báo theo một nguồn tin của Sở Khí Tượng, cơn bão lụt ở thành phố Huế đã chấm dứt. Xe buýt đã chạy như thường lệ, và bắt đầu từ sáng thứ hai, học trò sẽ lại cắp sách đến trường.

Như thế là cơn mưa mùa đông trên thành phố này đã qua đi. Khi Huế hết mùa mưa, tôi thấy bớt yêu Huế nhiều hơn.

5 - 69

HOÀNG NGỌC TUẤN

REGAST

— Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.

— Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

CAPSTAN

MEDIUM



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÂN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÂN

SINH LÊ

Thơ NGUYỄN - NGU - Í

Gởi M

Tặng em một quả địa cầu
có diên, có đới, có đầu ngọn ngang
Tặng em một dải giang san
có thù có hận có dần độn ngu
Tặng em một hoa mùa Thu
có sâu có nhặng có hư lẫn đừ...
Tặng em một khối ốc bư +
một tim sắt đá = một lư hương tàn

oOo

Tặng em xiềng xích hai chân
bước đi nghiêng ngửa chẳng cần đếch chi
Tặng em đôi bàn tay chì
siết nhau nát ngấu sá gì anh em
Tặng em, anh còn tặng thêm
đôi bầu vú Mẹ dưới kèm lửa ai
Tặng em một xác xé hai
nửa đeo bom nổ, nửa gài mìn tung

oOo

Tặng em, anh tặng sau cùng
một Thiên-đàng trống, một vùng Quỷ-Ma

oOo

Xin em đừng nửa tiếng la

Nông trại Thế-Dung chạng vạng 2-5-69
Trích tập "thơ Diên thứ thiệt"
sắp xuất bản

mỗi tình đầu

Thơ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Anh là một trong năm mươi
Đưa con theo Mẹ ngược vời sông Thao.
Em xuôi giòng máu người Dao
Đồ về đây... mấy tầng cao Ba - Vi.

•
Đất lành có hợp không ly
Mỗi xuân sang một dậy-thì ngát hương.
Vòng eo Thái nước da Mường
Sớm khuya lòng suốt mở gương chứa đầy ;
Thấm vào cho bóng càng say,
Bóng em = cô gái Dao này — đó anh !

•
Gặp nhau nghiêng hồn rừng xanh
Thịt xương có dựng loa - thành cũng xiêu.
Má đào em lửa nào thiêu
Cháy loang tận gốc... đây điều đứt phăng.
Giống Rồng-Tiến, phải anh chăng ?
Mới truyền mới tới em rằng : Nòi Thơ !

•
Cánh Hồng bay nát mưa tơ
Nẻo vu-phi hái giắc mơ dọc đường.
Tản-Viên này bóng mây giương
Kìa non Bạch-Hạc trải giường bình khung.
Anh ơi, màn vẩy chưa xong,
Đu tiên ta đánh mấy vòng đã nao !

GHI CHÚ Chữ Dao trong bài này cũng có chỗ viết là Yao
— Việt-Thuởng là một danh-hiệu cũ của nước ta ; chữ «thuởng»
có nghĩa là «cái xiêm».

Sông Đà sông Lô sông Thao
Cùng sông Nhị đầy lên cao tiếng hò.
Núi rừng hang suối tung hô
Dài hơi Ba-Bể sông hồ vang xa...

Chung nhau ngày Mười tháng Ba
Những ai xuống biển theo Cha khác gì.
Khỏi mây Hùng-Lĩnh còn si
Tâm tư còn nét chàm ghi : Việt-Thường...
Chơi xuân nhớ Tổ Hùng-Vương
Nhịp đu còn bổng tình thương chưa chìm.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Saigon ngày giỗ Tổ năm Kỷ Dậu 1969

CHIẾN - TRANH và HÒA - BÌNH

cuốn III và IV

của LÉON TOLSTOÏ

NGUYỄN-HIẾN-LÊ giới thiệu, dịch và chú thích

LÁ BỐI xuất bản và phát hành

Giá mỗi cuốn : 300 đ.
tại Saigon

ĐÃ CÓ BÁN :

TẠP BÚT 1, 2 và 3

của VŨ-PHIỄN

tái bản
đóng tập

Giá 180 đ.

TÌM ĐỌC :

**NGỤC TỐI
CỦA LÒNG MÌNH**

truyện dài
ĐỜI MỚI

LAN-ĐÌNH
xuất bản

NGÕ CAO

Đêm nào cũng như đêm nầy tôi trở về rất khuya. Có thể vì lý do mưu sinh mà cũng có thể là để trốn những buổi tối ở nhà. Đêm nào thì đầu óc tôi cũng tối mù mù với hơi rượu và khói thuốc. Ra khỏi chỗ làm tôi phải đứng lại một chút—như tìm lại chính mình—thở một chút, cái không khí mát mẻ hiem hoi của thành phố. Về bằng taxi hay xe của một người khách, một người bạn (quen hay lạ cũng thế mà thôi) tôi đều muốn được ngủ vùi trên quảng đường. Tôi xuống ở đầu ngõ, để trả tiền hay tạo một nụ cười thật đẹp cảm ơn người đã đưa mình về. Nụ cười thật đẹp càng làm tôi mệt mỏi và càng làm tôi không còn nhớ anh ta là ai. Con ngõ sâu hút đưa tôi về, chênh vênh cái cao ốc nơi tôi ở bằng năm ngàn đồng hàng tháng, một phòng ở tầng lầu tư. Số tiền nhà mà Thụy vẫn bảo bằng số lương chuẩn-úy của anh. Đó cũng là đầu mối của bao nhiêu vấn đề tôi và Thụy tính mãi không xong, rồi êm luôn. Mấy năm trước Thụy làm ở Thủ Đức, ở một trung tâm huấn luyện. Anh muốn thuê nhà dưới đó, tôi hỏi Thụy làm sao tôi đi làm được. Thụy ngần ra một chút rồi thở dài. Tôi hiểu tại sao anh thở dài, vì anh không đủ khả năng lo cho gia-đình trong thời buổi này. Hơn năm ngàn bạc một mình anh ở đơn vị chưa chắc đủ. Anh không trông cậy được vào một nguồn lợi tức nào khác, kể cả gia-đình anh. Khi Thụy lấy tôi — Khi sống công khai với nhau thì đúng hơn—thì những liên-hệ tình cảm giữa anh và gia-đình hầu như bị cắt đứt. Chỉ vì tôi là vũ-nữ, mà đó là danh từ chẳng mấy đẹp đối với gia đình anh. Nhiều khi Thụy hỏi tôi em có buồn không ? có oán trách không ? Tôi vẫn trả lời buồn thì có buồn nhưng em không oán trách. Anh hỏi tại sao như vậy, tôi không trả lời vì tôi nghĩ đó là những lý do Thụy không nên hiểu. Tôi không oán trách gia-đình anh dù tôi không nhận được gì, không có gì ở nơi anh. Tôi đã không có một chiếc xe hoa, về với anh để bạn bè hay ít nhất một nhân chứng chúc mừng. Tôi không có đến cả buổi trình diện trước mặt Chúa trong lời thánh-ca ngọt ngào, huyền diệu. Tôi vẫn về với anh bằng đầy ắp tâm hồn, đến với anh khi anh tay trắng và vẫn mong sống mãi với anh dù anh sẽ nguyên vẹn hay sẽ mất mát, hôm nay hay khi cuộc chiến đã tàn. Dù muốn dù không, Thụy cũng trôi buộc, cũng dính dấp vào cuộc chiến tranh này để dằng co cả tôi nữa, bằng chứng là tôi thấy mình vẫn lo nghĩ từ khi yêu anh. Lo nghĩ về những viễn-ảnh tối tăm của thân phận. Trong đó có tôi, có Thụy, tôi không nghĩ đến điều gì khác cũng như không hiểu về cuộc chiến ngoài Thụy. Anh là một phần tham dự trong đó, tôi thì ràng buộc với anh như một sợi giây xích bằng thép tôi vẫn khàn-nguyên đừng có

mắt nào đứt cả. Chỉ cần một mắt là sẽ tung một đoạn đời. Sự rõ ràng sẽ không gần được mà được chẳng nữa nó còn nguyên vẹn không tí vết gì chẳng? Tôi chỉ lơ mơ hiểu những bản khoán, những lo sợ khi Thụy không có ở nhà. Tôi cũng nhìn thấy niềm lo-sợ-đàn-bà này (Thụy vẫn thường bảo như vậy) khi tôi đi làm vào bảy giờ tối, về vào mười hai giờ khuya ở ngay trên cột đèn đường đầu ngõ, những vết đạn cày phá, sứt mẻ từ Tết Mậu Thân người ta như đã quên đi. Có những vết tích dù cũ nhưng chắc chẳng quên được, giống như niềm lo-sợ đàn-bà của tôi. Giống như con ngõ vừa đẹp vừa sâu vừa cao vừa tối, tôi về vào nửa đêm, như muốn lấn ép lấy thân thể khiến tôi rời rã. Khiến tôi có cảm giác nghẹt thở. Tôi không dọn nhà đi nơi khác đã là một điều lạ. Tôi không trở về không được là một điều lạ hơn. Về để bị cuốn hút đến nghẹt thở. Không ai chờ ở chân cầu thang xoáy. Không ai chờ ở sau khuôn cửa tầng lầu tư. Tôi chỉ thấy tôi bỗng bồng bềnh trong bóng tối đầu tường ngõ một mình. Tôi chỉ thấy tôi bước lên cầu thang chóng cả mặt. Những bước chân như đi bằng chân ai. Khi tôi cắm chiếc chìa khóa vào ổ khóa. Có lẽ đó là âm thanh duy nhất vui mừng thấy mình đã tới, thấy mình sắp được ngủ. Sau khi rửa mặt thoáng nhìn qua gương, tôi bảy giờ mới thực ở đó. Thực như niềm xót xa mấy năm rồi. Nhìn lâu vào gương sẽ xót xa hơn. Tôi vẫn tự nhủ như vậy; đừng tìm những dấu vết đã mất hay vừa đến trên khuôn mặt mình. Sự ghê tởm nhất của thời gian nó nằm lì ở đó. Không cứu vãn được. Không thách đố được.

Tôi cứ tưởng tôi ngủ được ngay nhưng rồi thế nào tôi cũng phải hút một điếu thuốc dù buổi tối tôi đã hút nhiều. Tôi vẫn còn chịu ảnh hưởng những thói quen của Thụy. Anh bảo lên giường hút thuốc lá cho nó tù mù đầu óc một tí để ngủ lắm. Một lần khác anh cười tinh quái bảo còn một thứ khác làm người ta dễ ngủ hơn là thuốc lá. Tôi lơ đãng thì uống thuốc ngủ chứ khó gì. Không phải đâu em, còn thần tình hơn thuốc ngủ nữa. Tôi hỏi vậy cái gì anh? Thụy không trả lời xiết chặt lấy tôi. Tôi nghe hơi thở của anh nồng nàn như sưởi ấm da thịt tôi. Như hôm đầu tiên tôi và anh đi Đà Lạt vào ngày lạnh nhất trên đó. Tôi thấy như mình đang ôm một vùng ánh sáng, vùng ánh sáng quay cuồng. Tôi thấy cả sự co quít của tôi, sự co quít của một loài hoa muốn nở bung ra mà không nở được. Quả thật anh ngủ dễ dàng. Giấc ngủ mềm như hơi thở của anh thấm lên tóc tôi. Đó là đêm quý giá nhất của tuần lễ. Đêm anh đi phép. Nếu tình hình lộn xộn có khi cả tháng anh không về dù Thụy ở không xa quá hai chục cây số, dù là đơn vị Huấn luyện không tác chiến. Rồi anh lật đật dậy vào sáu giờ sáng hôm sau. Tôi cũng lật đật dậy pha cà-phê cho anh. Bây giờ nhiều lúc tôi tự hỏi sao tôi có thể thức sớm thế được. Tôi đưa Thụy ra cửa. Thụy hôn vội vàng lên trán tôi, vội vàng xuống thang lầu. Bóng anh khuất thật mau như chìm xuống chiều sâu của bậc thang xoáy tròn ốc, tôi chỉ vào ngủ lại khi hết nghe tiếng chân Thụy ở bậc thang cuối cùng, vắng lại tiếng xe gắn máy cũ kỹ của anh. Thụy và tôi đều quý chiếc xe ấy dù nó đã ọp ẹp lắm. Tháng nào nó cũng đòi tiền của Thụy hay làm anh bức mình vì những bệnh hoạn bất tử của chiếc xe quá cũ. Tôi thấy thương Thụy thật nhiều những lần anh về trễ vì xe hư dọc đường. Khuôn

mặt anh cái kính, mồ hôi lấm tấm, chân tay dầu nhớt bần thiêu. Tôi bảo hay bán đại đi anh, con Loan chỗ em có chồng Mỹ, thằng nhỏ về nước đề cho nó cái xe TOYOTA. Nó bảo em lấy nó đề rẻ cho. Thụy nhăn mặt. Thôi xin cô, cố mà mua lấy cái nhà tạm tạm đã. Cái lý-tưởng-lớn của anh—Nói chung là đũa nào trên trại cũng thế—là có một mái nhà cho riêng mình. Đời lính tráng bấp bênh thời buổi này ít ra mình cũng phải cố tạo cho mình một cảm tưởng mình có một đời sống cố định ở chỗ nào đó. Mình từ đó bước ra và sẽ trở về đó. Giốc tiền ra mua xe mang số X... Tiền đâu đóng thuế nhập nội đăng bộ... Anh mặc nhà binh lái đi làm ai hỏi mà sợ, mình mua hợp pháp chứ bộ ! Thụy vẫn cương quyết không bằng lòng. Thôi lỡ gây tai nạn lằng nhằng lắm, hơn nửa cha Thiếu-Tá xếp anh hẳn không ưa gì anh. Hẳn đi chiếc Dauphine cũ mềm đời NBK, NBH gì đó. Thấy mình đi xe hách hơn hẳn ghét thêm. Tôi chợt bực tức vì luận điệu của anh. Sao vô lý vậy mình muốn đi xe gì mặc kệ mình chứ ! Anh xua tay giảng hòa. Lấy nước cho anh rửa mặt đi, nhà binh có những điều vô lý vậy đó. Những điều vô lý mà thật hữu lý. Ngược lại có những cái hữu lý mà nó vô lý không tưởng tượng được. Em thắc mắc làm gì, ngay cả anh đôi khi anh cũng không thể hiểu nổi nữa. Còn chiếc xe cũ của anh, dù có mua xe mới anh cũng không bán nó đâu. Điều này làm tôi cảm động, chiếc xe ấy là chứng nhận tình yêu của Thụy và tôi. Những ngày Thụy còn đi học, tôi còn đi học. Những ngày ba tôi chưa mất, mẹ tôi chưa già, em tôi chưa khôn lớn. Những ngày tôi đến trường bằng bước chân chim và tâm hồn ngán nấp như bàn ghế. Tôi gặp Thụy và tôi yêu anh. Tôi yêu anh và không bao giờ tìm hiểu tại sao (đến bây giờ cũng vậy). Từ những cái ngang ngược, bướng bỉnh của anh. Từ những cái nhỏ bé nhất đến rộng nhất. Từ những cái tôi hiểu và cả từ những cái tôi không hiểu ở tâm hồn anh. Tôi trở nên vị kỷ, trở nên lo sợ cũng vì anh. Tôi đã khóc ba tôi. — Chỉ khóc trên lá cờ phủ thân xác ba tôi—tôi lo sợ phải khóc anh vì tôi chỉ là đàn bà, đáng lẽ tôi được đứng ngoài, bình yên để được tạo nên, vun vén những mầm sống, những đời sống mai hậu. Làm sao tôi không sợ hãi được khi tôi phải ở cạnh anh, nhập thể hòa đồng vào đời sống của anh. Trong khi tôi phải gánh chịu những sầu tư, lo lắng và thui chột âm thầm. Một lần tôi nói với Thụy em muốn có đứa con chắc là vui anh nhỉ. Anh dịu dàng : Anh cũng mong lắm chứ ! Em thích con trai hay con gái. Dĩ nhiên là con trai rồi. Anh thích con gái. Con trai lớn lên như anh khổ lắm. Tôi không biết phải hiểu ý kiến của anh trên khía cạnh nào. Tại sao lớn lên lại khổ như anh. Tôi chỉ hiểu Thụy mang một điều âm thầm nào đó. Có thể là không hài lòng với hiện tại. Có thể là những suy tư quay quắt : anh không nói ra với tôi nhưng tôi biết nó hiện hữu ở trong anh. Nó thường tạo cho Thụy những bực dọc vô lý. Đôi khi ngay cả tôi cũng khó chịu về những sự cáu kỉnh không đầu của anh dù tôi hiểu anh đang bị khủng hoảng gì đó, cuộc sống hay công việc.

Một lần khác anh Đông đến thăm. Hai người thân nhau từ hồi còn trong đường Thủ-đức, ra trường về chung một đơn-vị. Tôi nghe lóm được chuyện của

hai người. Giọng Thụy gay gắt. Anh đã bực tức gắt gỏng ngay từ buổi chiều. Tao nhất định không ký vào cái lệnh phạt tám ngày. Mày thấy có vô lý không. Đại đội tao đi học về là năm giờ chiều rồi. Hắn bắt ra đào gần trăm thước giao thông hào đất cứng cuốc toé lửa. Đào đến gần nửa đêm mới xong được hơn nửa. Lính mệt quá tao phải cho nó nghỉ chứ. Hắn khép tao vào tội không hoàn thành nhiệm vụ giao phó. Dù muốn dù không tao phải cãi, muốn đến đâu nó đến. Tôi thấy Đông bình tĩnh hơn. Đến giờ mày vẫn chưa có thái độ nhập cuộc. Chống đối hắn làm gì. Không có lợi cho mày. Thụy buồn buồn. Tao hiểu mày muốn nói gì nhưng có những sự việc, những cá nhân chung quanh đã tạo cho tao những nghi ngờ, những thất vọng nào đó.

Tôi thương Thụy thật nhiều. Những xót xa đời sống của anh nó cũng xót xa như của chính tôi. Nó chiếm lấy hết cả anh mà anh không bao giờ nói. Anh không muốn nói với tôi. Tôi nghĩ rằng anh vô lý hoặc giả anh có lý do âm thầm của anh. Lý do riêng của đàn ông. Có thể nó lộ ra ở sự thèm nhở nhỏ nhoi của Thụy. Một đêm ngủ được dậy trễ. Một sự thanh toán của tâm hồn. Những lúc như vậy tôi cứ có cảm tưởng không giúp được gì anh khi anh như có nhiều ràng buộc khác ngoài tôi trong đời sống hiện tại. Mà anh không muốn tôi nhìn thấy khuôn mặt thật của đời sống này đến lần thứ hai. Chỉ một lần và cũng là cuối cùng, một đêm tôi ở trại anh. Một đêm có nhiều sương mù về gần sáng. Đêm văn-nghệ Đại-đội tân-binh của anh mãi khóa học. Trên khoảng sân cát rộng mênh mông đầy gió. Tôi tưởng ra được ban ngày mùa hè ở đó như thế nào. Khi ông Thiếu-tá trưởng đơn vị của Thụy châm lửa vào đồng củi là giờ khai mạc đêm văn nghệ. Không biết phải vì ấn tượng sẵn có hay cái tưởng lùn xùn, phức phịch và đi chân chữ bát mà tôi cũng cảm thấy ghét ông ta. Ngọn lửa cháy bùng lên dữ dội, theo gió muốn dâng lên cao. Tôi thấy chóng cả mặt. Tôi chỉ sợ nhìn vào đó— cái màu lửa hung bạo—như nhìn vào ngày mai của tôi, của Thụy. Anh không là ngày mai của tôi là gì? Tôi không nói với anh điều tôi vừa nghĩ vì anh ít khi nói với tôi về ngày mai của anh. Anh bảo cần gì anh phải nói em mới hiểu. Người đàn bà ốm nhom, khô đét ngồi cạnh thiếu tá N. chắc là vợ của ông ta. Thụy nói: Tụi sĩ quan ở đây nó gọi là «Trai anh hùng gái thuyền duyên». Đông cười giải thích cho tôi sở dĩ họ nói thế vì có một số anh em đi lính với ông ta từ thời Pháp thuộc. Chàng là một ông đội xếp Partisan đóng đồn, nàng là cán bộ Vem. Chàng bắt được nàng rồi tình yêu nó đến lĩnh kinh ra sao đó, chàng cảm nàng, xin Tây tha cho nàng và nàng đang là tù nhân lên làm bà đội xếp. Tôi phải cố nhịn

TIN MỪNG

Xin chân thành chúc hai bạn :

NGUYỄN-VĂN-PHAN (bút hiệu CAO-PHAN)

và VÕ-THỊ KIM-LIÊN trọn đời Hạnh Phúc

ÔB. TRẦN-HUIỀN-ÂN

cười vì cái giọng tếu của Đông — Thụy nói thêm bây giờ ngược lại chàng là tù nhân của nàng. Anh kể chuyện mới xảy ra hồi chiều. Đại đội anh mượn khóa mua tặng lưu niệm cho ông N. một bức tượng khỏa thân bằng thạch cao. Bức tượng mà hôm anh đưa Trinh đi mua đồ ở TAX anh khen đẹp đó nhớ không ? Bà ấy lên, nôi cơn đập bức tượng vỡ mất cái đầu và một cánh tay. Ông ấy lại phải gọi anh sang nói thôi cậu mang về phòng cậu đi, còn bà ấy nhìn anh hằm học lắm. Đông xen vào : Tụi nó bảo cậu gần đi nên cậu xỏ ông ấy một cú. Tao chưa bao giờ có ý định ấy dù mai tao đi. Tuổi trẻ của mình không cho phép mình làm những chuyện bần. Tôi chợt hốt hoảng như bị rơi lũng trong khoảng không. Anh nói cái gì ? Anh sắp đi đâu ? Thụy không trả lời, anh thở nhẹ nắm chặt tay tôi.

Chương trình văn nghệ đã bắt đầu. Tôi ở lại trại Thụy đêm đó. Đêm có sương mù bay bay thật đẹp anh bảo sương mù ở đây là thường, có lẽ lâu em mới thấy nên lạ, Đông mang mừng mền đi, tôi hỏi anh Đông đi đâu vậy ? Đông cười hóm hỉnh. Hôm nay tôi trực phải lên phòng trực ngủ. Thụy không nói gì ngồi hút thuốc cười ruồi. Được một lát tôi nghe tiếng Đông cười hô hố cách đó mấy căn. Hình như họ đang đánh xì phé, hẳn Đông vừa lật tẩy được của người nào định cạy anh. Đêm đó Thụy nói với tôi về việc xin đi của anh. Thụy bảo nếu anh không xin đi tác chiến thì lão N. lão cũng kiếm cách thuyết chuyển anh vì anh cũng những cái tham nhũng, ti tiện của lão. Tôi và Thụy có một tuần thật nhàn rồi. Tuần anh nghỉ phép trước khi đáo nhậm đơn vị mới, cũng là tuần mà tôi báo cho anh một tin mừng. Không biết có hẳn như thế không, khi tôi thấy Thụy vừa mừng vừa buồn Thụy ôm đầu tôi âu yếm. Có chắc không Trinh ? Anh ít khi gọi tôi bằng tên, lúc gọi tôi thế là lúc tôi hiểu anh thương yêu tôi nhất. Chắc chắn chứ anh. Sáng nay em đi Bác-sĩ xác nhận rồi. Anh mong nó sẽ là con gái. Trinh đặt thử tên xem nào. Tôi đã nghĩ từ lâu về điều này nên chẳng cần phải tìm tòi. Nguyễn-Trần-Thụy-Du được không anh ? Anh hôn tôi thật ấm như một câu trả lời trọn vẹn. Thụy dặn tôi phải cẩn thận đủ thứ. Ngay cả việc lên xuống cầu thang. Anh muốn thuê nhà khác, nhà triệt cho tiện. Tôi bảo có một mình ở đâu chẳng được với lại anh tưởng tìm nhà bây giờ dễ lắm hả. Người ta chạy giặc đồ dòn cả về Sài Gòn. Những nhà đầy đủ tiện nghi thì mình lại không đủ khả năng mà có tiền để trả chẳng nữa người ta cũng không muốn cho mình thuê. Cho Ngoại-Kiều mượn được giá hơn lại dễ đuổi.

Chiều cuối cùng Thụy lên trại nhận Sự-vụ-lệnh còn tôi đi mua vài món cần thiết cho anh. Tôi chợt nảy ra ý muốn mua tặng anh một món gì đó. Tôi chọn lựa mãi mà không biết phải mua cho Thụy thứ gì. Mua đồ cho đàn ông khó thật. Cuối cùng tôi mua cho Thụy hộp đựng thuốc lá bằng bạc. Tôi thuê khắc mấy giòng lên đáy hộp «Nơi hơi thở của em». Anh thợ khắc chữ cầm mảnh giấy ngơ ngác nhìn tôi. Tôi hỏi khắc được không anh ? Anh nhìn mảnh giấy lần nữa đáp : Dạ được chứ cô ! Hẳn là anh ta thấy tôi khắc những chữ chẳng có ý nghĩa gì với anh ta cả. Miễn là Thụy hiểu, miễn là tôi hiểu. Như hơi thở của em... Như hơi thở của em. Thụy đã đi, quả thật tôi như cạn hơi thở. Khi anh đã đi thật xa, khi anh đã đi vào nỗi lo sợ mỗi đêm nghe

tiếng súng nhỏ súng lớn thật gần, tôi mới thấy sự cần thiết của Thụy. Sự cần thiết không rõ ràng nhưng tràn đầy chung quanh. Như chiếc gạt tàn thuốc trên bàn ngủ nguội lạnh. Như cái lọc cà phê mốc meo. Như đôi dép nhật quá khổ đối với chân tôi. Tôi vẫn lệt bệt đi trong nhà để nhớ anh.

Anh về lần cuối cách đây gần 3 năm, không phải để thăm gia-đình anh, thăm tôi. Anh về để yên nghỉ vĩnh viễn như ba tôi. Như mọi người. Anh về làm đám mưa mù cho tôi không còn rõ ngày đêm. Tôi không đi đưa anh. Đông nói chị bụng mang dạ chửa thể này đừng nên xúc động quá. Một hai bữa tôi đưa chị đi. Nhưng tôi vẫn không thăm Thụy được cho tới lúc tôi lành mạnh sau khi xảy thai. Đứa bé mất như niềm hy vọng mất — Hy vọng là tương lai — Nhưng nó vẫn mang tên Thụy-Du. Tôi không muốn ai nhắc đến Thụy, nói đến Thụy. Cần gì ai phải nhắc, cần gì ai phải nói. Ngõ sâu hút chênh vênh ép nghẹn đỉnh vai là niềm đau xót về Thụy. Chiếc cầu thang xoáy tròn, chóng mặt như muốn hút tôi chìm xuống, mời tôi lao đầu xuống bao nhiêu lần không phải là Thụy sao? Hộp đựng thuốc lá bằng bạc nữa, còn để nguyên trên mặt tủ đồ méo mó và bề mặt một góc vì vết đạn. Tôi vẫn ở gần Thụy hay ngược lại. Một ngày nào đó tôi sẽ xa Thụy không có nghĩa là tôi quên. Tôi dời bỏ nơi này, thành phố này và có thể quê hương này cũng có thể vì tôi yêu Thụy. Tôi không muốn nhìn thấy cái đời sống đã tạo ra anh rồi giết chết anh.

Tôi đang tiếp chuyện William thì Đông đến thăm. Để đến hơn năm Đông mới tới. Tôi cũng không mong những người bạn của Thụy đến đây. Đôi khi tôi thấy oán ghét họ. Như oán ghét những sự nhắc nhở xót đau nào đó. Đông bắt tay William nhưng không mấy vẻ thiện cảm với anh chàng người Mỹ da nâu trẻ tuổi này. Một lát sau William về. Anh ta nhắc tôi. Tôi mong Trinh trả lời tôi nội trong tuần này. Còn một tháng nữa tôi về nước như thể là gấp rút vấn đề thủ tục lắm rồi. Riêng tôi đã hoàn toàn nhận chịu điều kiện của Trinh. Đông nhìn tôi đầy vẻ dò hỏi, thất vọng. Tôi kể cho Đông nghe. Điều anh nghĩ đúng đó. Có lẽ tôi lấy William và đi Mỹ với anh ta. Hắn theo đuổi tôi đã lâu và cũng giúp đỡ gia đình tôi nhiều. Đông cắt ngang. Tôi cũng nghĩ vậy. Tôi vẫn cố bình thần trước câu nói có vẻ cay độc của Đông. William hiện giờ là Trung sĩ ngành tiếp vận làm trưởng kho hàng ở Newport. Như vậy anh ta kiếm tiền khá lắm phải không chị? Tôi chắc là hắn có làm ăn gì đó vì hắn tiêu xài hoang phí mà vẫn có một số vốn đáng kể. Đông giải thích. Làm ăn là cái chắc. Hàng hóa xuất nhập kho anh ta ký. Trên giấy tờ thì hàng vào kho rồi nhưng trên thực tế những xe đó đồ bán ở ngoài. Dọc xa lộ có hàng chục băng làm ăn như thế. Người ta cứ bảo dân Việt-Nam ăn cắp mà không truy nguyên ra tại sao có thể lấy ra được. Hoặc có thể họ cũng hiểu nhưng vì lý do tai tiếng nên im luôn. Hàng hóa mất họ không biết sao anh?. Tiếp-vận của họ như nước kiểm soát sao nổi. Họ chỉ căn cứ trên giấy tờ thôi. Nguyên tắc mà! Tôi móc Đông một câu: Anh Đông có vẻ rành quá chắc cũng làm ăn dữ lắm. Đông đỏ mặt: không dấu chị cũng xoay sở mua đi bán lại chút đỉnh. Nhà binh lúc này rách lắm, tôi lại vừa lấy vợ. Nhà tôi cũng sắp sanh rồi. Lấy vợ sao kín tiếng thế anh Đông? Chúng tôi lấy nhau gần như tự động chị tính đào đâu ra một vài trăm ngàn để làm một đám cưới sê xua. Vợ tôi cũng phải đi làm đấy chứ! Trông vào lương tôi là ngáp ngay. Chị ấy làm ở đâu thế anh? Nhà tôi làm cho một cơ sở Mỹ ở Long Bình. Anh không ngại sao? Ngại gì chị? Tôi thấy mấy ông có vợ làm cho Mỹ hay ngại lắm đúng thế không anh? Đông thở dài. Biết làm thế nào được chị! Làm công tư sở thì lương chết đói. Buồn đường bán chợ thì họ dị nghị vợ ông Trung-úy này, vợ ông Đại-úy kia. Vợ chồng chỉ còn yếu tố tâm hồn để tin cậy lẫn nhau thôi. Chị đã quyết định đi chưa?

Có lẽ tôi đi anh ạ ! Các em tôi đã khôn lớn. Chúng nó có thể lo cho mẹ tôi được rồi, hơn nữa William đã bằng lòng điều kiện của tôi là để cho mẹ tôi một số vốn khoảng một triệu đồng trong banque. Tôi chưa xót thêm : Anh Đông thấy tôi cũng được giá đấy chứ ? Đông không trả lời, tay mân mê hộp thuốc lá vớ của Thụy. Giọng anh buồn buồn : Như vậy chắc là chị đã quyết định rồi, tháng sau chị đã đi tôi sợ không gặp chị được nữa, tôi muốn nói với chị một điều về Thụy, tôi chỉ sợ chị đau lòng... Tôi cố trấn tĩnh : Vâng anh cứ nói biết đâu lại không là một niềm an ủi trước khi tôi lìa bỏ tất cả. Đông lắc đầu, cũng không nhìn tôi, hai tay vẫn mân mê hộp thuốc lá vớ. Điều tôi muốn nói về Thụy là hộp thuốc lá này. Viên đạn AK bắn xéo từ phía phải tôi trúng vào hộp thuốc lá Thụy để ở túi ngực trái. Sự va chạm này làm viên đạn xẹt ngang sâu vào lồng ngực Thụy. Tôi hiểu nói ra chị sẽ đau lòng lắm. Chẳng qua vì sự tình cờ, thật là vô lý phải không chị ? — Tôi cảm thấy trống rỗng đến kinh ngạc trong tâm hồn mình. Muốn bật khóc mà không khóc được. Tôi là đàn bà đáng lẽ tôi không cần hiểu về chiến tranh. Thật là vô lý ! Thật là vô lý ! Nếu tôi biết ngay khi ngày Thụy mất có lẽ tôi đã lao đầu từ lầu tư xuống rồi, bây giờ tôi hèn yếu không còn can đảm ấy nữa. Tôi nói với Đông : Cám ơn anh đã cho tôi biết thêm một điều về Thụy. Tôi đã đau đớn nhiều, đau đớn vượt mức chịu đựng bây giờ chỉ còn lại sự im khô. Giống như âm thanh khi lên cao, lên cao mãi sẽ không còn nghe thấy nữa mà chỉ cảm nhận được thôi. Tôi sẽ đi anh Đông ạ ! Anh có thể cho đó là sự hèn yếu, trốn chạy. Còn tôi, tôi cho đó là sự trả nợ, sự dâng hiến những gì mình đã có, đã mất. Anh hiểu tôi là đàn bà, tôi được đứng ngoài nhưng ngược lại tôi mất mát nhiều nhất. Tôi thấy như thế đã quá đủ với một người đàn bà. Cha tôi, chồng tôi, con tôi là những gì tôi để lại dâng hiến cho một mai khi hòa-bình tới,

Tôi tiễn Đông ra cửa. Tôi lại thấy chóng mặt khi nhìn sâu xuống cầu thang. Tôi cũng nghe bước giầy Đông vội vã và im bật ở bậc thang cuối cùng vừa lúc tôi bật khóc nức nở.

ĐÌNH-NGUYỄN

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.

Đời không bằng mộng

Thơ ĐÔNG TRÌNH

*ta mê loạn trong bập bùng ánh lửa
hồn cũng no căng như mặt trống đồng
xin bàn tay anh em đều nhịp vỗ
hát nữa lên cho lời chuyển non sông*

*em dáng kiều ngàn năm mềm lụa trái
thơm đồng xanh quê mẹ mượt cánh cò
mây diu bước về đây tham dự hội
giữa lưng trời chim nhả nhạc tuug hô*

*chị từ lâu vốn lẽ tình góa bụa
tay ôm con thân tượng đá mong chờ
phép lạ nào chiều nay trên lối cũ
người trở về tóc thơm gió đông đưa*

*mừng hội lớn anh em còn đủ mặt
thân thể vẹn toàn ngày mới hồi sinh
những người đi xa tưởng đâu đã mất
trong mạch hồng nay máu bỗng lung lạnh*

*vòng tay lớn ta nối qua rừng núi
nhịp chân xa động vỡ cả non ngàn
lời reo vui tưởng nổ tung buồng phổi
hát lên anh cho thù hận tan hoang*

*ta thức dậy trong bập bùng ánh lửa
tình cũng no căng như mặt trống đồng
nào anh em hãy cho đều nhịp vỗ
hát nữa lên cho lời chuyển non sông.*

MẸ QUÊ XA

Thơ TƯỜNG-LINH

Mẹ ở ngoài kia cách núi sông
Con chưa kịp gửi áo mùa đông
Không thư về mẹ mừng năm mới
Nghe gió xuân reo khắc khoải lòng

Con, đưa con đầu của mẹ đây
Một ngày thu cũ, vọng trời mây
Như chim tung cánh theo chiều gió
Bay mãi trong mùa bão tố vầy

Mười bốn năm làm kẻ mất quê
Đêm đêm con gửi nhớ thương về
Nhà xưa giữa ấp Cà-Tang-hạ
Lối ngõ chiều im mát bóng tre

Con bỗng thèm như kẻ thiếu ăn
Dĩa rau mới luộc thoảng mùi măng
Bát canh hoa lý thơm ngào ngọt
Mỹ vị nào đâu dễ sánh bằng ?

Quanh ngọn đèn đêm, sáu mái đầu
Mẹ thường toan tính chuyện mai sau
Năm con sẽ được nên người cả
Khỏi bỏ công lao mẹ dãi dầu

Mai sau... nếu phải là bây giờ
Đã thấy gì như mẹ ước mơ ?
Năm con : đưa ngủ trong lòng đất,
Bốn đứa vùi xà bốn hướng mờ

Lửa chiến chinh xua mẹ khỏi làng
Tạm cư trên bãi cát Hoà-Vang
Lều lôn hút nóng lừng trưa nắng
Đêm lạnh khôn ngăn gió Cửa Hàn.

Hai-mươi-bốn hiểu, gương người trước
Mẹ kể con nghe đã thuộc lâu
Đọc sách, con khinh phường bất hiểu
Bây giờ con được « hiểu » nào đâu !

Xuân chẳng chờ ai, xuân vẫn sang
Mẹ thêm cần cỗi với thời gian
Sầu dâng choán ngập hồn nguyên đán
Mây cuối trời bay cũng vội vàng

Sực nhớ là trai, đã kịp ngừng
Không cho lòng khóc buổi đầu xuân
Con nhìn ảnh mẹ, buồn da diết
Giữa một mùa vui của thế nhân.

T.L.

Nên có trong tủ sách gia đình :

Ba bộ Binh thư cổ của Trung-Hoa rất có giá trị

KHÔNG MINH BINH PHÁP 200 đ.

TÔN NGÔ BINH PHÁP 150 đ.

THÁI CÔNG BINH PHÁP 80 đ.

Bản dịch của Mã-Nguyên-Lương và Lê-Xuân-Mai

Bán tại : Nhà sách Khai-Trí

62 Lê Lợi Saigon

THÁI ĐỘ đã phát hành tháng sáu :

KỸ THUẬT TUYÊN TRUYỀN CHÍNH TRỊ

nguyên tác

J.M. DOMENACH

bản dịch

THẾ UYÊN

Hai nguồn gốc của tuyên truyền — Tuyên truyền kiểu Lénine — Tuyên truyền kiểu Hitler — Các qui luật và các kỹ thuật tuyên truyền — Cách phản tuyên truyền — Huyền thoại, dối trá và sự kiện — Dư luận và Tuyên truyền — Dân chủ và Tuyên truyền.

Cuộc chiến tranh quân sự đã đến giờ tàn lụi, cuộc chiến tranh chính trị đã bắt đầu. Dù bạn gia nhập đảng chính quyền hay đối lập, dù bạn là Đại Việt hay Việt quốc, dù bạn là Đại Đoàn Kết hay Ấn Quang, dù bạn xa lánh mọi chính trị..., tất cả đều cần đọc và hiểu kỹ thuật tuyên truyền, đề chiến đấu, đề tự vệ hay chỉ đề thoát vòng lưới của chính trị.

Tủ-sách-binh-thư-quân-chính.

GIÁ 170đ.

TÌNH DỤC

tuyển tập biên khảo về tình dục của E. Mounier, triết gia chủ xướng thuyết nhân vị, A. Koestler nhà văn quốc tế, và 9 bác sĩ cùng học giả các nước Do Thế-Uyên dịch.

Sự thực bắt đầu từ hai người — Giống đực và giống cái — Tâm lý tình dục phụ nữ — Tình dục — Ghen — Văng bóng ghen tuông — Cầu kiếm yêu đương — Sinh vật học về tình dục — Các cơ quan sinh dục — Các kích thích tố tình dục — Cường lực tính dục — Khoái lạc cực độ — Post coitum omne animal triste.

Tủ sách xã-hội-mới

GIÁ 195 đồng.

QUÊ HƯƠNG RÃ RỜI

truyện NGUYỄN QUANG TUYẾN.

Tại người Mỹ tung đô-la ra mua gái Việt, hay tại gái Việt ham tiền tự nguyện bán thân lấy đô-la xanh đỏ ? Tại người Mỹ nên đạo lý ta suy đồi hay tại quê hương ta đã rã rời, dân tộc ta bán linh hồn đi lấy viện trợ đủ loại và hàng PX ? Những người còn là người Việt hãy soi bóng lương tri mình qua tấm gương « quê hương rã rời ».

Tủ-sách-văn-nghệ-xám

GIÁ 95 đ.

HỒNG-Y SUENENS LÊN TIẾNG VỀ :

cách làm việc hình thức, háo danh và lỗi thời của đình thần La-mã

Tờ « Thông tin Công Giáo Quốc tế » (I.C.I.) số 15 tháng Năm 1969 vừa phổ biến một cuộc phỏng vấn quan trọng do Hồng Y Suenens dành cho tập san đó. Và H. Fesquet chuyên viên của nhật báo « Thế giới » (Le Monde) ở Paris đã trích đăng những phần quan trọng hơn trong số ra ngày 17 tháng Năm 1969. Sau đây là những đoạn do báo Thế giới trích đăng.

Hồng Y Suenens (Bỉ) là một trong những vị có uy tín nhất trong số các nhân vật Công giáo hoàn cầu. Ngài được coi như một lãnh tụ của phe đa số các Nghị phụ Vatican II. Nhân đó Ngài được chọn vào Ủy ban điều hành công đồng cùng với 3 Hồng Y khác.

Mấy năm nay, sau khi Vatican II kết thúc, một không khí khó chịu dần dần trở nên nặng nề trong Giáo Hội. Nhiều tin tưởng, nhiều mong chờ người ta đặt nơi những cải cách cần thiết đã phần nào phai nhạt, nếu không nói là tan bay. Những thái độ cố chấp và bảo thủ của Đình thần La mã, những vụ lên án hoặc đe dọa các nhà thần học trừ danh của Công đồng v.v., tất cả tạo thành một bầu không khí khó thở...

Trong khi « đại đa số các Hồng Y và Giám Mục còn giữ một sự im lặng dè dặt đối với Triều đình La mã, thì vị Hồng Y giáo chủ Bỉ không ngần ngại nói thẳng thắn và rõ ràng về trách nhiệm của Trung Ương Công giáo ». Lời khuyến cáo của Ngài nhất định sẽ có tiếng vang sâu rộng và ảnh hưởng cải tiến trong Giáo Hội.

T. T. Đ.

Về tính cách tập trung quyền bính của Vatican, Ngài nói :

« Sự căng thẳng giữa trung tâm và ngoại biên là điều có thực và đang gây nên một tình trạng khó chịu trầm trọng. Tôi tưởng vấn đề căn bản chia rẽ chúng ta một cách hữu thức hay không, là một vấn đề thần học, tức cái nhìn khởi đầu của ta về Giáo Hội, nhất là dưới khía cạnh tính chất duy nhất của Giáo Hội...

Ngay cả sau Vatican II, khuynh hướng được coi là trời vượt ở trung tâm (La Mã) vẫn thường là cái nhìn có tính chất hình thức, cứ chiếu luật mà làm. Họ nhìn Giáo Hội như một xã hội « hoàn toàn » với một uy quyền tối cao được xác định rõ ràng, với những luật lệ có giá trị phổ cập, cho nên họ có xu hướng

nhìn vào Giáo Hội hoàn cầu nói chung trước khi xem đến những Giáo-Hội từng địa phương. Hơn nữa, họ coi những Giáo Hội này như những thành phần cần phải hết sức thống nhất lại với Trung tâm, do một hệ thống chặt chẽ những chỉ thị chỉ tiết.

Đó là huynh hướng tập trung quyền bính, một khuynh hướng có tính chất chiều luật, an nghỉ, giấy tờ, công chức, và tất nhiên là hình thức. Đó là thái độ của những người lo nghĩ cho quyền bính và cho quá khứ hơn là lo cho những đòi hỏi của tương lai. Họ gần Vatican thứ nhất hơn là gần với năm 2.000. Họ lưu tâm đến áp những lạm dụng hơn là đề tâm tìm hiểu và cổ võ những giá trị và những nguyện vọng mới đang nảy nở trong Giáo Hội cũng như trong thế giới.

Mặc dầu họ chối cãi, nhưng thực sự họ có khuynh hướng coi các Giáo Hội địa phương như những quận hành chánh, các Giám mục như những ủy viên thừa hành chức vụ do Trung Ương ủy cho, nhân đấy họ coi sự bãi bỏ tình trạng tập trung quyền bính như là bước đầu dẫn tới một thứ ly giáo (schisme) ngấm ngấm.

Cái nhìn từ ngoại biên hướng về trung tâm thì khác hẳn. Theo hướng nhìn này, một cái nhìn vừa có tính chất Phúc-Âm vừa có tính chất lịch sử, người ta nhìn vào các Giáo-Hội địa-phương trước đã... Rồi từ đó, người ta mới nhìn thấy cơ cấu của Giáo-Hội như một hiệp thông giữa nhiều Giáo Hội địa phương, cùng nhau hợp lại nơi trung tâm là Giáo-Hội La-mã và nơi vị Giáo chủ của Giáo Hội này.

Đó cũng là hướng nhìn của khoa Giáo hội học Đông phương, cũng như đường hướng lịch sử sự phát triển của Giáo - Hội, và đó còn là hướng đi duy nhất của thần học khả dĩ mở lối cho một cuộc đối thoại « hiệp nhất ». Theo tôi nghĩ, đó là cái nhìn đích thực duy nhất... Giáo Hội là một hiệp thông giữa nhiều Giáo Hội.

Về chức vụ Giáo Hoàng, Ngài nói :

« Công đồng Vatican II đã không tuyên bố gì hết về những hậu quả của tính chất tập đoàn » (collégialité) trong mối tương quan giữa Đức Giáo Hoàng và các Giám mục. Đó là một thiếu sót trầm trọng mà hiện nay chúng ta phải khờ tâm. Vì lý do hiệp nhất cũng như vì lý do thần học, ta phải tránh nói đến vai trò của vị Giáo Hoàng như kiểu tách rời Ngài khỏi Tập đoàn các Giám mục mà Ngài là chủ tịch. Khi người ta nói Ngài có quyền hành động hoặc tuyên bố « một mình », thì chữ một mình đây không có nghĩa là « riêng rẽ » hoặc « đơn độc ». Cả khi Ngài hành động không có sự cộng tác quy củ của Tập đoàn Giám mục, (mà Ngài có quyền làm thế), thì Ngài vẫn hành động theo danh nghĩa Chủ tịch của Tập đoàn. Chúa Kitô đã ủy thác Giáo Hội của Ngài cho Phêrô và cho Mười Một Sứ đồ bằng những cách khác nhau, nhưng là một cách bất khả phân ly : Mỗi dây liên lạc nối kết Mười Một với Phêrô cũng là mỗi dây nối kết Phêrô với Mười Một và với dân Thiên Chúa.

Không bao giờ chúng ta nhấn mạnh đủ về tính chất duy nhất cốt tử của Tập đoàn sứ đồ. Sự Chúa quan phòng hứa nâng đỡ Phêrô và các vị thừa kế không có nghĩa là một ơn linh ứng cá nhân, nhưng chỉ có nghĩa là ơn trợ lực đặc biệt trong việc điều hành thường tình cái bộ máy của Tập đoàn.

Để bảo đảm sự đón nhận về niềm quy phục thực tình của dân Thiên Chúa, thì một điểm tâm lý rất quan trọng là các Thông điệp và các văn thư có tầm quan trọng do Tòa thánh ban bố đều được trình bày như là thành quả của một sự cộng tác rộng lớn giữa La mã và các Giáo Hội địa phương».

Sau đó, Đức Hồng Y lên án tờ *OSSERVATORE ROMANO*, cơ quan thông tin và nghị luận của Tòa thánh như sau :

«Tờ *Osservatore Romano*, do cách thông tin một chiều, do thái độ háo danh kiêu kỳ mà Công đồng đã tố cáo, và nhất là do lập trường chỉ dành những cột báo, cho cái thứ thần học ít khuynh hướng Tập đoàn, đã phục vụ các vị Giáo Hoàng một cách tai hại. Độc giả ước mong được biết đến những thần học khác, cũng đầy đủ giá trị như thế, giữa lòng một đức tin duy nhất. Ai chỉ nghe một tiếng chuông, thì chỉ nghe thấy một thanh âm : mà chúng ta thỉnh thoảng cũng thích nghe cả một bộ nhiều chuông ».

Về các Giám mục, Ngài nói :

« Chính vị Giám-mục cũng phải từ bỏ kiêu sống xa vời của thuyết phụ-mẫu. Ngài phải chấp nhận một thể thức mới trong việc thi hành quyền bính bằng cách dùng những phương pháp dân chủ hơn, điều này không có thay đổi gì bản chất của quyền bính. Chính Vatican II đã minh nhiên cầu mong như thế.

Theo dòng lịch sử, cách thi hành quyền bính đã thay đổi nhiều theo mỗi thời. Chúng ta phải gấp rút nhận thức rằng chế độ cũ đã qua rồi: mặc dầu không vì thế mà ta phải rơi vào thuyết đại nghị (parlementarisme).

Sự căng thẳng giữa các Giáo-Hội địa-phương và Đình thần La-mã (Curie romaine) chỉ có thể càng ngày càng gia tăng, nếu La-mã cứ khư khư ôm lấy các quyền hành của mình và cứ kìm hãm sự tự-do hành động của những người có trách nhiệm trong những lãnh vực mà họ là những người có thẩm quyền nhất để thẩm định. Đó là tình trạng bi thảm đang làm trì trệ sự tiến hành của công việc mục vụ hậu công đồng và đang tăng cường cho những trào lưu chống đối : những phong trào này hành động một cách bất chấp và chủ trương chính sách « sự việc đã rồi ». Một đảng, cần phải có trật tự và những luật lệ trong Giáo-Hội để khi có trường hợp cố phạm thì áp dụng những hình phạt tương xứng, những hình phạt cần được cân nhắc lại chung với nhau theo tinh thần những xã hội biết tự trọng. Đảng khác, đời sống không có chờ đợi... Quãng đường còn dài mới tới chỗ Giám-mục có thể đảm đang một cách đầy đủ và tại chỗ tất cả các trách nhiệm của mình ».

Về giáo luật, Ngài than phiền tính chất lỗi thời như sau :

« Con người và người giáo hữu năm 1969 không chấp nhận một số những thể

thức hoặc cách làm việc thiếu thể thức, và đòi hỏi rằng mỗi khi bị tổ tụng, đương sự phải được xét xử bởi những đồng viên của mình (ses pairs) và xét xử giữa thanh thiên bạch nhật. Chỉ cần nhắc lại sự công phần nhất loạt của báo chí thế giới đối với bản câu hỏi đặt cho linh-mục Illich, cũng đủ thấy phương thức làm việc (của Bộ đức Tin) phản ảnh phương pháp của một thời xa xưa.

Coi một tỉ dụ này cũng cho ngón tay ta sờ thấy tính chất ức hiếp của Bộ giáo luật cũ trong vấn đề tổ tụng. Biết bao nhiêu là những định chế kiểu thánh luật (talmudiques), bao nhiêu giải đáp và vấp ngã do Triều đình La mã tự quyền đặt ra và kiểm soát áp dụng đôi khi từng nhiều thế kỷ, và ngày nay chúng ta thấy là không thể tưởng được!

Chúng ta có thể làm một bản thống kê kinh sợ ghi lại những luận đề được giảng dạy trước đây và hôm qua đây ở La mã như là những luận đề duy nhất có giá trị, và đã bị các Nghị phụ gạt bỏ.

Ai cũng thừa biết con đường thập giá quá dài của những nhà thần học ưu tú nhất của chúng ta, bị ngờ vực, nếu không phải là bị lên án nhân danh cái thứ thần học kia (của Triều đình La mã) : Rahner, Congar, Marray, De Lubac... »

Đề cơ cấu của Giáo hội bảo đảm sự tự do của chính Tập đoàn Giám mục và của Công đồng, Ngài quyết và nhấn mạnh :

« Phương thức chọn các Hồng Y, tự nó, đặt cho ta một vấn đề thần học. Đề cho quyền lợi xứng đối với thực tại của hiện tình và với những đòi hỏi của đức công bằng phân phối, thì toàn thể Giáo-Hội phải nhận ra nơi đoàn Hồng Y hình ảnh của các thành phần khác nhau : như thế chúng ta lại gặp hướng nhìn của khoa thần học các Giáo Hội địa phương, vì ta không thể thoát ra ngoài hướng nhìn này.

Nhìn vào hạng tuổi các Hồng Y, — tuổi trung bình của các vị vừa được tiến cử lần rồi là 59 tuổi—sự mất thăng bằng giữa các quốc gia, — 41 vị người Ý trên tổng số 83 vị người Âu, — những sự kiện này đặt ra những vấn đề và cần phải được nghiên cứu lại cách thận trọng, vì đó là một tình trạng phức tạp do quá khứ để lại và không còn thích ứng với ích lợi của Giáo Hội nữa. »

Về vai trò chính trị của các sứ thần và Khâm sứ Tòa thánh, Ngài đã đưa ra những nhận định căn bản này :

« Phải phân biệt hai chức vụ của các Sứ thần Tòa thánh. Một là chức vụ ngoại giao : chức vụ này làm cho quý vị trở thành những vị đại sứ của Nhà Nước Vatican và quý vị được coi là thủ chỉ ngoại giao đoàn nơi mỗi Nước. Hai là chức vụ tôn giáo. Nhưng trong thực tế, quý vị là nhân viên của Triều đình La-mã sai đi các nơi với sứ mệnh kiểm soát tại chỗ xem người ta có tuân giữ giáo luật không và cũng là để kiểm soát các Giám Mục.

Phối hợp hai chức vụ này với nhau, đó là tất cả vấn đề. Riêng về chức vụ Sứ thần, sao lại ủy cho một linh mục, một Giám mục : một Giám mục không có

đoàn chiến, không có công tác mục vụ ? Tốt hơn, sao không ủy cho những giáo dân như các Nghị phụ đã nhiều lần đòi hỏi ? Đẳng khác chức vụ ngoại giao của các Sứ thần Tòa thánh có vẻ ngược đời : nó đặt đối thoại giữa La-mã và các quốc gia trên bình diện những uy quyền chính trị, cho nên tiếng nói của những người nghèo khổ không được nghe tới. Nhiều khi tiếng nói này còn bị bóp nghẹt đi. Đó là một trong những lời than van lớn của châu Mỹ La-tinh. Phải chăng nên đặt thêm những vị Sứ thần thứ hai của Đức Giáo-hoàng bên cạnh những người nghèo và những người dân thường ? Chỉ những vị có trách nhiệm liên lạc với các dân tộc nơi bình diện quần chúng như thế mới có khả năng nhận thức những giá trị của các dân tộc và giúp cho La-mã hiểu được những giá trị đó.

Chức vụ tôn giáo của những Sứ thần còn đặt ra những vấn đề căn bản hơn, nếu ta nhớ lập trường thần học của Công-đồng về bản chất Tập đoàn. Nếu Thượng Hội đồng Giám-mục có quyền ra những thông tri chặt nghĩa và trực tiếp trong lãnh vực này, thì hỏi có còn cần đặt nơi mỗi quốc gia một vị giám sát thường trực bên cạnh hàng Giám-mục chẳng ? Hay chỉ cần đến những vị Sứ giả mỗi khi xảy ra những trường hợp khó xử ? Phải chăng công việc mục vụ nơi mỗi xứ sẽ tiến mạnh hơn, hữu hiệu hơn và thích ứng hơn nếu các Hội-đồng Giám-mục trực tiếp liên lạc với La-mã chứ đừng dùng cái kiểu kiểm soát đôi khi mập mờ như ngày nay ?

Cần thiết mỗi vị Sứ thần Tòa thánh phải thấm nhuần thần học của Công đồng. Thường các vị này nhận xét người ta và nhận xét các tình hình theo quan điểm thần học của Đình thần La-mã mà họ đã học xưa.

Bởi vậy theo lẽ thường những Sứ thần Tòa thánh phải là người bản xứ, thông thạo ngôn ngữ và phong tục của xứ mình : có thế mới tránh được những ngộ nhận. Sau hết, phải liệu cho sứ mệnh chính yếu của các Sứ thần không còn là một thứ công an tiêu cực, nhưng là nhằm bảo trì những mối tương quan giữa Trung ương và ngoại biên cho sống động và thân tín. »

Sau cùng, trả lời câu hỏi tại sao quá nhiều linh mục phản kháng và bỏ chức vụ, Ngài đáp :

Cả khi những lời phản kháng của họ trùng hợp với những phản kháng của những kẻ chống đối Giáo-hội, thì câu truyện cũng khác hẳn. Cũng như những người chống đối, nhưng khác ở chỗ họ đứng trong Giáo-hội đề lên án thuyết duy giáo-luật chứ họ đâu có chống giáo-luật, họ lên án thuyết duy quyền-bính chứ không lên án quyền-bính, họ lên án thuyết duy-luật chứ không lên án pháp-luật, họ lên án chính sách bất động chứ không lên án trật tự, họ lên án chính sách cưỡng bách nhất tề chứ không lên án sự hiệp nhất...

Ước gì chúng ta có thể gỡ cho quyền bính tối cao của một hệ-thống, đề, thì dụ đừng còn xảy ra những truyện như gần đây, là bất Đức Giáo-Hoàng lấy tất cả uy quyền của Ngài đề ấn định những chi tiết rất tỉ mỉ về áo quần, nào là tua, nào là ren, nào là chiếc mũ, vải đeo sau gáy — hoặc ấn định cái danh hiệu mà ủy-ban quản-trị tài-sản nhà thờ thánh Phêrô sẽ mang. Đó là cái di sản nặng nề của

quá khứ : nhiều lúc ta thấy cái di sản này đè nặng trên ta như một chiếc áo choàng bằng chì.

Chúng ta yêu kính uy quyền tối cao của thánh Phêrô, nên không thể chịu đê uy quyền đó bị một thê-chế làm mất tiếng trước mặt thế-giới do cách phục-vụ tồi tàn của họ. "

TRẦN-THÁI-ĐÌNH thuật

Chuyến bay Apollo 10

Vào cuối tháng 5 vừa qua, Apollo 10 đã hoàn-tất một phi-vụ thành công mỹ mãn, mở đường cho phi thuyền Apollo 11 đổ bộ mặt trăng vào ngày 20 tháng 7 sắp tới. Sau chuyến bay lâu đúng 8 ngày 3 phút 25 giây, phi hành đoàn gồm Thomas Stafford, Eugene Cernan và John Young đã an toàn hạ xuống Thái bình-dương. Phi-hành-đoàn đã thử lại một lần cuối tất cả các động tác về máy móc cần cho một cuộc đổ bộ xuống mặt trăng. Về phương diện kỹ-thuật, Apollo 10 đã lập lại tất cả những động tác đã thi hành trong chuyến Apollo 9. Nhưng có điều khác là các động tác của Apollo 9 được thực hiện ngay trên quỹ đạo trái đất, còn Apollo 10 lại thực hiện những động tác đó trên quỹ-đạo mặt trăng, cách xa trái đất 300.000 cây số.

Sau khi vào quỹ - đạo tròn cách mặt trăng 105 cây số Cernan và Stafford đã rời phi thuyền chính, chui qua một ống giao-thông để vào phần đồ bộ gắn ở cầu mũi phi-thuyền chính, chỉ còn có một mình John Young ở lại trong phi-thuyền chính. Sau đó hai phi-thuyền đã tách rời nhau ra. John Young điều-khiển phi-thuyền chính rời khỏi bộ-phận đáp xuống một khoảng cách 1000m, còn Eugene Cernan và Thomas Stafford khai-hỏa bộ-phận đáp xuống của phi-thuyền phụ trong đúng 27 giây để đặt phi-

thuyền vào một quỹ-đạo bầu dục mà điểm gần nhất chỉ cách mặt trăng có 13km500. Sau khi đã bay trên quỹ-đạo hai vòng để thử các bộ phận radar thăm dò cao độ trên phi-thuyền, phi thuyền phụ đã tách rời khỏi phần đồ-bộ, điều chỉnh lại quỹ - đạo cho trùng với quỹ - đạo của phi thuyền chính, hai phi - thuyền đã ráp vào nhau, Cernan và Stafford lại theo lối cũ trở lại phi-thuyền chính, còn phi-thuyền phụ được khai hỏa cho đến khi cháy hết nhiên liệu và bay vào một quỹ-đạo vình viễn vòng quanh mặt trời.

Phi-vụ đã thành công và chính xác đến nỗi tất cả cuộc hành trình đi và về chỉ nhanh hơn thời gian trú liệu có 25 giây và phi thuyền đáp ngay xuống khu vực dự định, chỉ cách chiến hạm Princeton có 4 cây số rưỡi. Từ trên chiến hạm các phóng viên đã được mục kích quang cảnh ngoạn mục của cuộc đáp xuống.

Phần máy móc của phi-thuyền, được tách ra trước khi phi thuyền lao vào bầu khí quyển, đã xệt ngang qua bầu trời Thái-bình-dương như một vì sao lác và một lúc sau phi thuyền, đu đưa dưới ba cánh dù màu cam và trắng như những đài hoa vạn-thọ khổng-lồ, nở trên nền trời bình-minh của đảo Pago-Pago.

Tuy nhiên, cuộc hành-trình cũng có những lúc trắc trở và gây cản trở vấn-đề

nước uống cho tới công việc điều khiển phi thuyền. Vì sơ ý, không cho nước vào bình đựng nước nên phi-hành đoàn đã uống nhầm phải thuốc khử trùng thay vì là uống nước. Sau đó, vấn đề nước đã được điều chỉnh lại nhưng cũng còn một mối bận tâm đáng kể là nước trên phi-thuyền do pin nhiên-liệu điều-chế ra có quá nhiều bọt hýt-rô khiến cho nước giống như nước soda, có quá nhiều hơi, làm dạ dày khó chịu.

Nhưng giây phút hiểm nghèo nhất của cuộc hành trình là lúc Eugene Cernan và Thomas Stafford sửa soạn đem phi-thuyền phụ lên gặp phi-thuyền chính. Sau ba lần bay vòng quanh mặt trăng để quan sát các điểm dự định đáp xuống, phi-thuyền phụ đã tiến hành một cách êm thấm và chính xác. Nhưng ngay khi Cernan vừa vớt bộ phận đáp xuống khỏi phi-thuyền thì phi-thuyền lồng lộn liên như con ngựa bất kham, khiến cho Cernan và Stafford phải một pheo hoảng vía. Sau một phút vật lộn với cần điều khiển bằng tay, phi thuyền mới lấy lại được thăng bằng. Về sau người ta mới biết rằng nguyên-nhân của sự rủi ro bất ngờ đó là một nút điều khiển đã không để đúng vị trí. Mặc dầu phi hành đoàn đã tập dượt rất kỹ càng nhưng sau khi ở trong tình trạng vô trọng-lực khá lâu, khả năng định-hướng bị ảnh hưởng và làm cho họ không nhận định chính xác vị-trí của nút điều khiển đó.

Ngoài giây phút hiểm nghèo ấy, cuộc hành trình đã thành công mỹ mãn ngoài sự mong đợi của các chuyên-viên và kỹ-thuật-gia. Đây là lần đầu tiên hàng triệu khán giả truyền hình tại Mỹ, Âu Châu và Nhật đã được trực tiếp theo dõi cuộc hành-trình bằng vô-tuyến truyền-hình màu. Các phi-hành-gia đã truyền hình về trái đất các hoạt động của họ trong phi-thuyền và những quang cảnh hoang vu khô khan của mặt trăng.

Đặc biệt là qua ống kính truyền hình, cả thế giới lần đầu tiên đã được chứng kiến cảnh đất lên trên mặt trăng. Theo những lời trầm trồ khen ngợi của phi hành đoàn thì quang cảnh này hẳn phải vui tươi huy hoàng gấp mấy lần cảnh trăng lên trên mặt đất. Trái đất nhô lên khỏi chân trời trên mặt trăng như một bong bóng xà-bông đủ màu sắc hiện rõ trên nền trời đen như mực tàu của khoảng không gian thăm thẳm. Một nửa trái đất chìm trong bóng tối còn nửa kia thì toàn một màu xanh lơ của biển. Có điểm những màu nâu, vàng của đất. Một màng mây mỏng bao phủ cả cái khối cầu mong manh cô đơn trong vũ trụ. Theo Cernan thì đó là một quang cảnh vô cùng thơ mộng mà không một khách lữ-hành không-gian nào có thể quên được. Trong chuyến bay, Apollo 10 đã truyền hình về trái đất tất cả 18 lần với số giờ tổng cộng là 5 giờ 46 phút. Ngoài những buổi truyền hình ra

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

phi hành đoàn còn mang về trái đất hàng ngàn hình mẫu về địa-thể mặt trăng và cuộc hành hình. Và đây là những bức hình mẫu đầu tiên do chính con người chụp được gần mặt trăng nhất.

Apollo 10 cũng ghi được hai thành tích đáng kể về phương diện sinh hoạt của phi hành đoàn. Đây là lần đầu tiên phi hành đoàn đã được dùng thực phẩm tươi ngay trên phi thuyền thay vì là ăn thức ăn nghiền nát đựng trong các ống như thuốc đánh răng. Trước đây vào năm 1965, trong chuyến bay Gemini 3, chính John Young đã mang lên một mẫu bánh mì thịt lên phi thuyền và đi bị khiển trách vì các kỹ thuật gia sẽ những mảnh vụn của bánh bay lơ lửng có thể lọt vào và làm nghẹt bộ máy tinh vi của phi-thuyền. Trong chuyến bay này, các bộ máy đã được bọc kín đủ để tránh tai nạn rủi ro đó. Để tránh cho bánh mì khỏi bị khô và vụn ra trong bầu không khí chỉ có dưỡng khí của phi-thuyền, các bánh mì đã được đựng trong những túi chứa Nitrogen để có thể giữ được lâu tới nửa tháng.

Trong các chuyến bay trước các phi hành đoàn đều trở về với bộ râu rìa lớm chớm, nhưng trong chuyến bay này cả bộ ba Cernan, Stafford và Young đã máy râu nhẵn nhụi khi bước xuống chiến hạm Princeton sau khi thi hành xong thí nghiệm cạo râu. Ngay từ khi chương trình không gian bắt đầu, Cơ quan quản trị Hàng không và Không

gian Hoa-kỳ đã bỏ ra một triệu đồng để hoàn tất một loại dao cạo điện, có máy hút để giữ cho các cọng râu khỏi bay tán loạn trên phi-thuyền, nhưng vẫn không thành công. Phi hành đoàn bèn nghĩ ra phương pháp dẫn dụ hơn là dùng dao cạo và xà bông thường, cạo tới đâu lau tới đó. Và thí nghiệm đã thành công, không tốn kém quá vài trăm đồng bạc.

Tai mắt Apollo

Trong chuyến bay Apollo 10, phi-hành đoàn của phi thuyền Apollo 10 không phải là những người lữ-hành cô độc như ta tưởng. Trái lại cả một hệ-thống thông tin khổng lồ và tinh vi nhất, dùng tới 4000 người điều khiển đã theo dõi họ từng phút từng giây. Hệ-thống truyền-tin này gồm những lực-lượng hùng hậu như sau :

— 11 đài theo dõi phụ đặt vòng quanh thế-giới từ Úc tới Hạ-uy-di, từ Trung-Mỹ sang tới Ấn-độ-dương.

— 3 đài theo dõi chính đặt tại Canberra (Úc-đại-lợi), Goldstone (Californie) và Madrid (Bồ-đào-nha). Tại mỗi nơi này lại còn có thêm một đài dự phòng nữa.

— 1 đài theo dõi lưu động có thể biệt phái tới bất cứ nơi nào trên trái đất.

— 5 tàu thủy đặt rải rác trên khắp các vùng quỹ-đạo phi-thuyền sẽ đi qua.

— 8 máy bay chở dụng-cụ điện-tử và máy chụp hình được túc trực tại mũi Kennedy và tại Úc để bay tới các điểm then chốt.

— Và khoảng 30 vệ-tinh từ vệ tinh

REGAST

— Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.

— Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

khí-tượng Nimbus, Essa và Tires đến các vệ-tinh viễn-thông như các vệ-tinh Intelsat tại Thái-bình-dương và Đại-tây dương đến vệ-tinh Luna Explorer 35 bay vòng quanh mặt trăng để dò xét những

điều-kiện khí-tượng, phóng xạ, v.v... xung quanh mặt trăng.

Tất cả hệ-thống tại mặt đó tốn khoảng 500 triệu Mỹ-kim (60 tỷ bạc Việt-nam).

TRẦN LƯƠNG NGỌC

Dục-tính trong Nghệ thuật mới

Buổi trình diễn văn nghệ diễn ra giữa những tiếng reo hò, la hét của đám khán giả tuổi từ 12 đến 14. Một anh ca-si đứng trên sân khấu ca những bản kích-động nhạc đầy những âm thanh man rợ vô nghĩa. Rồi anh ta kéo luôn « của quý » ra làm những hành động thủ-dâm ngay trên sân-khấu theo nhịp điệu dâm dật của ban nhạc. Trong khi đó bầy khán giả choai choai vỗ tay hoan hô hết mình. Mục trình diễn « văn-nghệ » đó đã diễn ra ngay tại Miami (Mỹ) trước đây không lâu và đã là đề-tài cho cuộc tranh-luận sôi nổi trong giới nghệ-thuật Âu-Mỹ từ mấy tháng qua.

Điều đáng đề ý là đó không phải là một sự-kiện độc nhất được coi là quái tượng của khuynh hướng mới về nghệ thuật. Trái lại, nó tượng trưng cho một khuynh-hướng văn-nghệ ngày càng bành trướng đang lan trên từ Mỹ sang Âu và thể hiện trong hầu hết mọi lãnh-vực nghệ thuật từ điện-ảnh, kịch-trường cho tới sách vở, quảng cáo và thời trang nữa. Tại Nữu-ước, một vở kịch tựa đề là « Ché ! » diễn tả lại những giờ phút cuối cùng của Ernesto Ché Guevara, anh hùng cách mạng của Cuba, cũng vừa được khai diễn. Nhưng thay vì nói về chính-trị thì toàn bộ vở kịch chỉ là những cảnh giao-hoan tưởng tượng, những bộ điệu khêu gợi dục tính do các diễn-viên lỏa thể biểu diễn. Một cảnh điện-hình diễn

ra trong đó vị anh hùng cách mạng Ché, mặc mỗi cái khố nhỏ xíu, đứng tồ-hồ trên sân khấu, tay chỉ vào hạ bộ, trong khi đó các tín-đồ, mình cũng không mang mảnh vải nào trên người, lết tới cổ giò tay với lấy hạ bộ của thần-tượng Ché.

Ngay tại Luân-đôn, kinh-đô của bảo-thủ, hai diễn-viên nam nữ của một vở kịch, cũng bỏ phăng quần áo, thông dong dạo phố phường, trên mình chỉ độc có một cái lá nho (chứ không phải lá đa) to bằng cái quạt mo. Ngành điện-ảnh Thụy-điển năm ngoái cũng lại cho ra cuốn phim *I am curious (Yellow)* (1) trong đó có những cảnh giao hoan táo bạo đến nỗi, tại nhiều nước, cuốn phim này đã bị liệt vào hạng phim « con heo ».

Trong lãnh-vực văn chương cũng vậy. Cuốn sách bán chạy nhất tại Mỹ hiện nay (330.000 cuốn trong một tháng với giá khá cao: 850đ VN một cuốn) là cuốn *Portnoy's Complaint* của Philip Roth, một cuốn tiểu-thuyết hài hước nói về mọi vấn đề tình dục mà xưa nay chưa ai dám viết.

Cái khuynh-hướng đem dục-tính vào nghệ-thuật đó không phải chỉ giới hạn trong một nhóm văn-nghệ-sĩ cấp tiến hay một nhóm hippie, yippie lập dị. Nó lan tràn qua khắp hạng người, ở mọi

(1) Xin xem « Vài chuyện hướng của điện ảnh Tây phương hiện nay » của Nguyễn Trọng Văn trên B.K. số 269-70 (15-3-1968)

giai-tầng xã-hội. Tại Nữu-ước, mỗi ngày từ 10 giờ sáng đã có hàng mấy trăm người trẻ có, già có, đạo mạo có, nhâng nháo có, nôi đuôi nhau đợi lấy vé vào xem phim I am Curious (Yellow). Chỉ có trong một tuần đầu tiên mà số tiền thu đã tới 80 ngàn đô-la, phá tất cả mọi kỷ lục về khán-giả đối với một phim nghệ-thuật. Ngay tại Luân-đôn, ngay cả công chúa Ann, con gái Nữ-hoàng Elizabeth, cũng xuất-hiện tại buổi trình diễn nhạc kịch "Hair" (Lông hay Tóc?) trong đó các diễn viên ăn mặc gần như lỏa thê. Và đến màn cuối cùng thì cả khán-giả lẫn diễn-viên đều nhảy lên sân khấu ôm nhau nhảy múa, uốn éo như điên.

Khác với nghệ thuật kêu gọi cổ hữu, chẳng hạn như thoát-y-vũ hoặc các phim ảnh kêu gọi, nghệ thuật ngày nay không phải chỉ muốn trình bày tính dục mà lại còn mời gọi cả khán giả tham dự nữa. Tại Nữu-ước một vở nhạc kịch tựa là "Kịch nghệ Sống" đã được trình diễn hàng mấy tuần. Các diễn-viên phần lớn lỏa thê hoặc gần như lỏa-thê. Trong khi trình diễn, các khán-giả được khuyến khích lên sân khấu và thoát y cùng với các diễn-viên. Mới đầu khán-giả còn rụt rè e lệ, nhưng sau nổi hứng lên, các khán-giả lại còn thoát y dữ hơn cả diễn-viên nữa!

Cái khuynh-hướng giải-trí tự-do đó lại còn lan tràn cả đến giới hộp đêm. Tại Manhattan, có một hộp đêm độc đáo, không rượu, không thuốc lá, không trình diễn ảo-thuật hoặc vũ sexy. Tất cả là một bầu không khí hư-ảo, màu sắc ảo diệu và âm nhạc huyền bí như trong một thế-giới thoát tục. Các thân-chủ đều khoác lên người một tấm vải trắng mỏng như những tu sĩ Ấn Độ và được mời cởi bỏ kỳ hết áo quần làm đủ

mọi chuyện như nhảy múa, ca hát, đánh cờ và dự các trò chơi thanh nhã khác.

Những sắc thái của nghệ thuật trần truồng đó đang đặt ra những vấn đề nan giải cho giới cầm quyền cũng như cho các nhà phê-bình nghệ thuật và các nhà đạo đức. Từ khuynh-hướng thuần-túy và kín đáo, nghệ-thuật càng ngày càng có một thái độ cởi mở và phóng túng hơn khi bước vào lãnh vực tình dục, tức là lãnh vực thâm kín nhất của cuộc sống con người. Đường ranh giới giữa nghệ-thuật thuần-túy và nghệ-thuật đồi trụy càng ngày càng khó phân biệt. Những tác-phẩm trước đây được coi vào hạng dâm thư thì bây giờ lại được liệt vào hàng nghệ-thuật. Và nhiều khi người ta không biết đến đâu thì nghệ-thuật chấm dứt và từ đâu thì dâm ô khởi đầu. Những đạo luật đưa ra để loại trừ văn hóa đồi trụy càng ngày càng trở nên lạc-hậu và hầu như trở thành bất lực. Những tác phẩm như *Lady Chatterley's Lovers* của D.H. Lawrence và những tác phẩm như *Tropics of Cancer*, *Nexus*, *Plexus* và *Sexus* của Henry Miller trước đây đã từng bị cấm lưu hành và xuất bản thì ngày nay lại được liệt vào hàng tác-phẩm văn-nghệ và bán đầy rẫy khắp các tiệm sách. Những cuốn sách y-học về tình dục như cuốn *Human Sexual Response* của bác sĩ Masters và bà Johnson lại là sách bán chạy nhất. Rồi trong những mục giải đáp thắc mắc trên các báo hàng ngày và hàng tuần, các câu hỏi thâm kín nhất về tình dục cũng được trả lời và bình luận kỹ càng hơn cả một biển cổ chính trị.

Phản ứng đầu tiên của quần chúng là phản đối kịch liệt. Các nhà chức trách bắt giữ các diễn viên, tịch thu sách vở các đoàn thể đạo đức biểu tình đã

đảo, các bậc phụ huynh hoang mang không biết nên cho con cháu đọc loại sách nào cho hoàn toàn lành mạnh. Nhưng rồi cái khuynh hướng tự do trong nghệ thuật vẫn cứ phát triển. Nhiều người bi quan đã so sánh cái khuynh hướng ấy với những ngày tàn của đế quốc La-mã và cho đó là những dấu hiệu đầu tiên báo hiệu sự suy tàn của văn minh Tây phương. Nhưng giới cấp tiến lại cho rằng khuynh hướng đó đang khơi nguồn cho một trào lưu cách mạng lớn lao trong lịch sử nghệ thuật. Theo họ, nghệ thuật thuần túy là phải phá bỏ, mọi thành kiến kìm hãm để tiến tới mức độ hoàn toàn giải thoát. Đã bao năm qua, nghệ-thuật đã lần lần phá vỡ mọi thành kiến cố hữu của con người, từ thơ có vần có tiết điệu tới thơ tự do, thơ lập-thể. Từ tiểu thuyết chủ đề đến tiểu thuyết vô nghĩa, không bố cục,

không nhân vật. Từ những đường nét chau chuốt của điêu khắc đến những khối xù xì hỗn độn. Tất cả khởi đầu đều đã bị phản đối, chỉ trích-mạt sát, nhưng rồi sau tất cả cũng lại được chấp nhận, cổ vũ và tôn thờ nữa. Theo các nhà cấp tiến thì cuộc cách-mạng tính dục ngày nay là một cuộc tổng công kích vào thành trì khả kính cuối cùng của con người. Người ta tin rằng rồi có ngày quần áo sẽ chỉ có tác dụng như một đồ trang sức và các hoạt động tình dục cũng chỉ có tính cách thông thường như ăn và ngủ. Cái chủ nghĩa mới này, hiện nay các nhà lãnh đạo tư tưởng và dư luận Tây phương vẫn chưa tìm được danh từ thích đáng để đặt tên cho nó. Nhưng tại Đông-phương phải chăng người ta đã có danh-từ đó từ lâu : đó là chủ-nghĩa tứ khoái !

NG. TRANG

Thời sự văn-nghệ

Cuộc thách đố *Le défi* duyệt trở nên khắt khe. Văn nghệ phản ứng.

Cuốn sách nổi tiếng của J.J. Servan Schreiber, cuốn *Le défi américain*, ra đời cách đây một năm rưỡi, bây giờ nhà Hachette đã cho in vào loại sách bỏ túi.

Đây là một trường hợp ngoại lệ. Thường thường, phải chờ tới ba năm sau khi ra đời trong loại thường, người ta mới đưa tác phẩm vào loại bỏ túi.

Trường hợp ngoại lệ này lời theo trường hợp ngoại lệ khác. Cuốn *Le défi américain* bỏ túi in ra 150.000 cuốn, chỉ bán có ba ngày là hết sạch !

Tách cà-phê trên báo Listy

Alexandre Dubcek bị hất chân, Gustave Husak lên thay thế ở Tiệp thì hành mệnh lệnh của Nga-sô. Chế độ kiểm

Một trong những phản ứng lý thú và bất ngờ nhất có lẽ đã xuất hiện trên tờ *Listy*, một tờ tuần báo mỗi kỳ in 250.000 số.

Trọn trang nhất của tờ *Listy* ấy đăng một bài của nhà văn Milan Kundera. Đọc giả càng đọc càng ngạc nhiên, rồi bức mình : tác giả chẳng nói gì quan trọng, chỉ tả đi tả lại, tần mần tỉ mỉ một tách cà-phê. Chỉ có thế, mà nói hoài !

Phải chăng tác giả muốn bảo : Kiểm duyệt chặn họng hết rồi, biết nói gì. Chỉ còn mô tả tình vật vô tri.

Tiểu thuyết xã hội... học

La Vida của Oscar Lewis là pho sách dày cộm (820 trang) nghiên cứu về nếp sống của một giới hạ lưu Porto Rico ; nhưng Jean François Revel đã so sánh *La Vida* với tiểu thuyết của Balzac.

Oscar Lewis tìm hiểu xã hội bằng cách đi sâu vào cuộc đời cá nhân. Mang theo chiếc máy ghi âm, tác giả lắng nghe Fernanda, một gái giang hồ 40 tuổi « độc thoại » về cuộc đời mình, cuộc đời đã trải qua sáu người chồng, và người chồng cuối cùng hiện chưa đầy 20 tuổi. Nghe xong Fernanda, tác giả lại mang máy ghi âm đi tiếp xúc với từng người chồng cũ của nàng, đến từng đứa con gái của nàng, đến những bà con thân thuộc của nàng v.v... Mỗi người nói về họ và nói về nàng một cách khác nhau. Như thế các nhân vật trong phim *Địa ngục môn* có một cách tường thuật về vụ án mạng.

Tất cả những cuộc đời kể lại ấy trình bày một thực tại xã hội phong phú, phức tạp, mà hấp dẫn.

Hội chợ văn hóa

Tại Nogent sur Marne, ngày 4-5-1969, đã có một Hội chợ gọi là Hội chợ Sách Bỏ Túi.

Sách Bỏ Túi bây giờ là một hiện tượng văn hóa quan trọng của thời đại, là phương tiện để đưa văn hóa đi vào đại chúng. Chữ «Hội chợ» nói lên cái ý nghĩa quần chúng đông đảo.

Đây không phải là lần đầu tiên Sách Bỏ Túi nhóm hội-chợ, Mà là lần thứ hai. Như vậy chứng tỏ hình thức hoạt động này đã được thử thách, đã thành công một lần rồi.

Cơ quan văn hóa nhà nước xứ ta — ngoài công việc phối hợp nghệ thuật —

hãy thử « phát minh » ra một vài hình thức hoạt động cho mới mới chút, được chăng ?

Mối ngờ của Raymond Aron

Trong cuốn *D'une sainte famille à l'autre* (Gallimard xuất bản) Raymond Aron nhận xét về hai nhà tư tưởng tự nhận là mác xít : Jean Paul Sartre và Louis Althusser.

Sartre là một trong những cột trụ của phái hiện-sinh, Althusser là một trong những cột trụ của phái cơ-cấu-luận. Cả hai đều nói vanh vách về chủ nghĩa mác-xít. Các-Mác ai cũng biết, tác phẩm chủ yếu của ông là cuốn *Tư-bản-luận*. Raymond Aron bèn nghi ngờ rằng Sartre có lẽ chưa hề bao giờ đọc qua cuốn *Tư-bản luận*, còn Althusser có lẽ chẳng hiểu mô tê gì trong cuốn ấy.

Lại đến lượt Claude Jannoud nhận xét về cuốn sách của Raymond Aron, nhận xét được phản ánh trong những lời nói : « tác phẩm dử dội », « một phân tích phũ phàng », « nghiên nát các mốt triết-lý » v.v..

Giải - thưởng văn - chương ở Monaco.

Eugène Ionesco vừa được cấp một giải thưởng văn chương về toàn thể tác phẩm của ông. Giải thưởng này do tổ-chức Fondation Prince-Pierre-de - Monaco, và trị giá 20.000 quan.

Cùng với giải văn-chương, tổ chức này cũng cấp cho Alain Kremski-Petitgirard một giải thưởng về sáng tác âm nhạc.

Cười người hôm trước

Nhà báo lâu nay chỉ chực nghe ở đâu

có chuyện rắc rối là nhào vô : dò hỏi, lục soát tìm tòi v.v., rồi phơi bày toét ra cho cả nước cùng biết. Ngoại tình, án mạng, ghen tương, giặc giã, cướp bóc, nổi loạn, cách mạng..., ở đâu có những cái ấy là có mặt nhà báo.

Phen này, thầy trò trên hai trăm kẻ của báo *Le Figaro* bị làm mục-tiêu cho dư luận cả nước Pháp đàm tiếu.

Le Figaro thọ đã 103 năm. Trong suốt thời gian hơn ba vạn sáu ngàn ngày ấy, chỉ có hai ngày, tờ *Figaro* bị đình bắt tử. Một ngày vào tháng 10 năm ngoái, một ngày nữa vào tháng 5 năm nay. Lý do là cuộc tranh chấp giữa phe chủ báo (Jean Prouvost) và phe các ký giả ở tòa soạn. Hai cuộc đình công rồi, vẫn chưa giải quyết xong tranh chấp.

Cuộc tranh chấp, lần này thật ngoạn mục. Năm giờ sáng ngày đình công, có 45 tay tình nguyện phóng xe đi các sạp báo tung truyền đơn. Trong các tay tình nguyện có nhà văn Claude Mauriac, con trai của văn hào François Mauriac. Trong ngày đình công, tại công trường Champs, Elysées, phe tranh đấu treo hình cổ chủ nhiệm Pierre Brisson, rồi mở một cuốn sổ đề đón nhận ý kiến tứ phương. Thiên hạ đủ các giới, đủ hạng kéo tới. Có những sinh viên ghi vào sổ : « Can đảm lên ! »

Lần này đến lượt sinh viên cổ xúy cho nhà báo khởi loạn, đề đáp lại thái độ nồng nhiệt của nhà báo trong các vụ khởi loạn của sinh viên.

Di nhiên, các ký giả, nhiếp ảnh gia, phóng viên, hoạt họa viên v.v... đều không bỏ lỡ cơ hội khai thác.

Hành động và suy tư

Moshé Dayan, chắc chắn ai cũng chịu

ông là một người biết làm việc, làm việc có hiệu quả.

Đối với quần chúng, cuộc đời của ông tướng độc nhãn lưng lầy khắp thế-giới vẫn còn là một bí hiểm. Thỉnh thoảng nghe qua một vài hoạt động : mỗi lần ông hoạt động quân sự là mỗi lần quân lực của trăm triệu dân Á Rập bị tiêu diệt chớp nhoáng trong vòng năm, sáu ngày. Vì vậy, Moshé Dayan không được phép hoạt động quân sự quá nhiều.

Quần chúng lại nghe ông dùng thì giờ đi học canh nông, học khảo cổ, đi khai quật cổ tích v.v...

Mới đây, trong một cuộc chuyện trò với phái viên *L'Express* Moshé Dayan lại tiết lộ thêm chút ít về đời sống hàng ngày của mình. Mỗi ngày, ít nhất ông đọc ba cuốn sách. Ông không nói mức đọc nhiều nhất là bao nhiêu.

Chút ít mặt trời...

Cuốn tiểu thuyết mới nhất của Françoise Sagan, do nhà Flammarion ấn hành, dày 256 trang, nhan đề là *Un peu de soleil dans l'eau froide*.

Nghe nói Sagan vẫn giống Sagan.

Còn tác phẩm mới nhất của J.M.G. Le Clézio, do Gallimard ấn hành, 290 trang thì mang nhan đề *Le livre de fuites*. Giới phê bình khen, nhưng chưa ăn khách mấy.

Thêm một Teilhard de Chardin.

Nhà xuất bản Planète cho ra liên tiếp một số tác phẩm của Paul Tillich, *L'être nouveau*, *Théologie de la culture*, *L'éternel maintenant*.

Paul Tillich, một tên tuổi nữa đang được chú ý trong giới tư-tưởng Âu Mỹ. Có những người cho rằng đó là một Teilhard de Chardin mới.

TRẦN THIÊN

V-1966

Một kì... thơ

Vì là một tập thơ kì cục, kì quái, kì lạ nhất nước Việt, mà cả thế... giới cũng nên. Và sẽ do nhà xuất bản có cái tên viết khá lí kì này xuất bản : « Ki-Gob-Jó-Ch... »

Kì ở chỗ nó chỉ có 33 bài thơ thôi, mà toàn là thơ của những người đã điên, đang điên hay sắp điên (có thể nói chỉ trừ một người, còn hầu hết là thân chủ Dưỡng trí viện Biên-Hòa, trong đó có hai nhà thơ quen thuộc của «Bách-Khoa» là Bùi-Giáng và Nguyễn-Ngu-Í)

Cái tên (đúng hơn những chữ ở bla) cũng kì :

THƠ ĐIÊN THỨ THIẾT

tập số Z

(Già rồi, nhưng thật ra nó vốn là vô giá)

Người có sáng kiến này là bác sĩ Nguyễn-Tuấn-Anh, giám đốc Dưỡng trí viện bác sĩ Nguyễn-Văn-Hoài, phụ họa nó hết mình là bạn Nguyễn-Ngu-Í, rồi đến nhà thơ Bùi-Giáng.

Đặc biệt là cái tựa sẽ do bác sĩ điều trị (cũng ở Dưỡng-trí-viện) Tô-Dương-Hiệp đề, mà bác sĩ này vốn là trưởng nam nhà văn Bình-Nguyên-Lộc.

Đặc biệt nữa là mỗi tác giả đều có lời giới thiệu sơ về thân thế và... bệnh tình và mỗi bài thơ có lời chú giải của bác sĩ giám đốc, cắt nghĩa những triệu chứng của một hình thức nào đó của cái gọi là bệnh ĐIÊN.

Đặc biệt nữa... nữa là phía bên trái, in với chữ quốc ngữ bình thường, còn bên gọi là... phải, in với chữ của «Thái-bình-diên-quốc».

Hương vị đầu mùa mà nhà xuất bản

đặc biệt dành cho Bách-Khoa là bài thơ «Sinh lễ» đăng trong kỳ này, và bài thơ mở đầu là một bài thơ nhại bài thơ «Đại khôn» của Tú-Xương, một công trình hợp soạn của hai bệnh như Huỳnh-văn-Phước, Nguyễn-Ngu-Í và bác sĩ giám đốc Nguyễn-Tuấn-Anh, lấy tên chung là Huỳnh-Tuấn-Ngu. Mời các bạn thưởng thức.

Bài thơ Tỉnh Điên

Thiên hạ đua nhau chữ Tỉnh, Điên,
Biết thằng nào tỉnh, ông nào điên ?
Điên mà nhường nhịn là điên tỉnh,
Tỉnh cứ tranh giành ấy tỉnh điên.
Nhưng kẻ đương điên rồi sẽ tỉnh,
Lắm đồ tưởng tỉnh coi chừng điên !
Cho hay Điên, Tỉnh, ôi là khó,
Ai biết trần ai ai Tỉnh, Điên ?

Xin các bạn đừng hỏi ngày tháng chắc chắn «nó» chào đời, vì đây là cuộc hợp tác giữa kẻ tỉnh với người điên ! Có điều chúng tôi có thể tiết lộ là nó sẽ ra mắt đồng bào trước khi hòa đàm Ba-Lê... kết thúc !

Tạp-chí bất định kỳ

Đó là tạp chí sáng tác văn nghệ « Mặt Đất » mà dưới tên báo có ghi : « Đấu trường của bọn trẻ tự động và ý thức nhất. Chủ trương biên tập Nguyễn Đức Sơn, vô gia cư, vô nghề nghiệp, vô địa táng. Tòa soạn lưu động tất hữu và trường kỳ. Hiện tại không có địa chỉ liên lạc ».

Nguyễn Đức Sơn là nhà văn, nhà thơ trẻ, tác giả nhiều tập thơ đã xuất bản : Bọt nước, Hoa cô độc, Lời ru, Đêm nguyệt động, và tập truyện Cát bụi mặt trời ..

Mặt Đất số 1 phát hành từ tháng 11-1965, 4 trang khổ 30 x 43 và mãi tới

tháng trước đây mới ra được số 2, nhưng số 3 sẽ tiếp tục ra vào hạ tuần tháng 6 với số trang gấp đôi và số bài vở phong phú hơn.

Cũng nhân dịp phát hành « Mặt Đất » số 2, Nguyễn Đức Sơn đã viết một thư ngỏ sau đây để gửi các thân hữu :

« Thư ngỏ gửi các thân hữu xa gần
« của tạp-chí xuất-bản MẶT ĐẤT
« Cùng các bạn,

« Sau bao nhiêu năm dài dằng dặc suy tính nát nước đề dựng lên ngay một nền văn nghệ rực rỡ phải có ở miền Nam chỉ tạo ra được ngoài tầm những thể lực xuất bản đang hoạt động chúng tôi không thể trông chờ một phép lạ hiền linh nào ngoài giải pháp chót rất không anh hùng chút nào : ngửa tay mượn tiền của các bạn. Nếu các bạn tin tưởng một trăm phần trăm khí lực làm việc sôi sục hăng hăng trong chúng tôi xin các bạn nhắm mắt bấm bụng gửi bưu phiếu có thể có được của các bạn về sớm cho chúng tôi

(để tên Công Tăng Tôn Nữ Phù g Thăng, nhờ chuyển lại ở ngoài bì). Chắc hẳn chúng tôi sẽ hoàn lại các bạn một cách tròn trĩnh và hậu hĩnh dù muốn dù không và trong thời hạn ngắn nhất có thể. Xin các bạn yên tâm không sợ mất vốn : Chúng tôi cam chịu nhiều tổn phí để những tác phẩm dịch thuật cũng như sáng tác độc sáng của chúng ta có kỹ thuật ít ra phải bằng An Tiêm và nghệ thuật trình bày phải thuật tiến bộ. Không thể dè dặt dè dặt đợi thời thế thêm chút nào nữa, chúng tôi đánh bạo viết mấy dòng đau đớn ít nhiều trên cho các bạn dù các bạn không thể hưởng ứng chút nào trong thời kỳ quá khó khăn này. Hãy tưởng tượng nếu phụ lòng các bạn chút xíu nào thôi, chúng tôi còn biết làm gì khác hơn ngoài việc độn thổ ?

Trân trọng và tha thiết,

NGUYỄN ĐỨC SƠN

Chủ trương tạp chí xuất bản MẶT ĐẤT

Thời sự chính trị

Pháp Pompidou thắng vòng đầu

Cuộc bầu cử Tổng Thống Pháp vừa chấm dứt. Ứng cử viên Georges Pompidou đã dẫn đầu với tỷ số phiếu 44% tiếp theo là Alain Poher, Tổng Thống lâm thời từ khi De Gaulle thoái vị, với tỷ số 23% Đứng thứ ba là ứng cử viên của đảng Cộng sản Pháp Jacques Duclos với tỷ số phiếu 22% suýt soát tỷ số của Alain Poher. Kết quả cuộc bầu cử đã không khác gì mấy với những kết quả tiên đoán của các cuộc thăm dò ý kiến trước khi bầu cử. Tuy nhiên, có điều ngạc nhiên là ứng cử viên Jacques Duclos đã chiếm được

nhiều phiếu hơn dự đoán, trong khi đó Alain Poher, một đối thủ đáng ngại của Pompidou trong các cuộc thăm dò ý kiến lại kém Pompidou những 20% tổng số phiếu. Và cũng đúng như dự đoán, trong vòng đầu không một ứng cử viên nào đã đủ quá bán số phiếu. Vì vậy vào ngày 15 tháng 6 năm 1969, một cuộc bầu cử chung kết sẽ được diễn ra để dân Pháp lựa chọn giữa Pompidou và Poher, hai người có nhiều phiếu nhất trong vòng đầu.

Cứ theo đà này thì Pompidou có nhiều triển vọng thắng phiếu vòng nhì trừ phi Poher vận động để đảng Cộng sản dồn hết phiếu cho mình. Nhưng đây là một điều

khó có thể có được vì làm như vậy Poher sẽ mất sự ủng hộ của phái khuynh hữu và phái trung lập. Nhưng đó chỉ là một giả thuyết, hiện nay người ta chưa biết rõ là đảng Cộng-sản Pháp sẽ dồn phiếu cho ứng cử viên nào và sẽ đặt những điều kiện gì để đổi lại sự ủng hộ đó.

Trong những ngày cuối cùng, cuộc tranh cử đã trở nên sôi nổi và hào hứng chẳng khác gì một cuộc tranh cử Tổng Thống tại Mỹ. Cả hai ứng cử viên Georges Pompidou và Alain Poher, đều giờ hết tất cả những thủ đoạn tranh cử đã áp dụng tại Mỹ. Pompidou dùng đủ mọi phương tiện, từ máy bay phản lực đến trực thăng và xe hơi, đi khắp cả 42 tỉnh của nước Pháp. Lại còn sửa cả lông mày để khi lên màn ảnh truyền hình trông ăn ảnh hơn. Alain Poher thì mới đầu cũng chỉ vận động như một ứng cử viên miễn cưỡng, nhưng sau thấy số phiếu có chiều suy giảm, đã vội vàng đưa ra một chương trình hoạt động gồm 12 điểm trong đó ông hứa sẽ điều chỉnh lại những lỗi lầm của chính sách De Gaulle : giảm bớt các hoạt động có tính cách phô trương của De Gaulle bằng cách giảm ngoại viện, giảm lực lượng *force de frappe* và nối lại liên lạc với các quốc gia trong khối Bắc Đại Tây dương. Trong khi Pompidou tía lông mày để cho ăn ảnh thì Poher cũng thay kính gọng thép bằng kính gọng nhựa để khán giả truyền hình khỏi bị chói mắt vì ánh sáng phản chiếu từ gọng kính làm cho khó coi.

[Nga-Hội-nghị Thượng đỉnh của Cộng sản thế giới

Trung Cộng vừa chấm dứt Đại hội Cộng đảng nội bộ thì Nga cũng chuẩn bị một cuộc Đại hội Cộng sản thế giới. Đây là đại hội quan trọng nhất trong

thế giới Cộng sản từ năm 1960. Trong mười năm qua, Nga đã nhiều lần cố gắng triệu tập một cuộc hội như vậy nhưng đều phải hoãn lại vì các lung củng nội bộ và vì vụ Nga chiếm đóng Tiệp-khắc. Nga phải nỗ lực vận động mới được 70 đảng Cộng-sản nhận lời. So với năm 1960, lần này số phái đoàn tham dự kém đi 10 phái đoàn, do hậu quả của cuộc tranh chấp Nga-Hoa. Đảng Cộng-sản Trung-hoa cũng được giấy mời nhưng không trả lời. Các đảng Cộng sản theo Trung hoa như đảng Cộng-sản Albanie, Tân-tây-lan, Miến điện, Thái Lan cũng không đến dự. Đảng Cộng sản Bắc Việt và Bắc Cao, vì muốn giữ vai trò trung lập trong cuộc tranh chấp cũng không đến.

Mục đích của Nga khi triệu tập cuộc đại hội này là để xác định lại một lần nữa vai trò lãnh đạo của mình trong phong trào cộng sản thế giới. Nếu được như ý muốn Nga sẽ vận động để Đại hội khai trừ đảng Cộng sản Trung Hoa ra khỏi phong trào Cộng sản thế giới, ủng hộ Nga trong vụ chiếm đóng Tiệp-khắc và công nhận vai trò lãnh đạo của Nga trong phong trào Cộng-sản thế giới. Tuy nhiên, chắc chắn là Nga sẽ không được thỏa mãn tất cả những mục-tiêu đó. Ngay trong các cuộc họp chuẩn bị, các tài liệu nghiên cứu do Nga đưa ra cũng đã bị các đảng Cộng sản khác không đồng ý và sửa đổi lại. Nếu những bất đồng ý kiến đó không được giải quyết êm thấm trong bóng tối, người ta tin rằng, sẽ có những cuộc đấu khẩu giao hữu khá gay go trong các phiên khoáng đại.

Hoa-kỳ : Giông tố trên núi Ấp-Bia

Trận Ấp-Bia trong cuộc hành quân qui mô tại thung lũng A-Shau kết liễu

đã được ba tuần. Sau 8 ngày từ 12 tháng 5 đến 20 tháng 5, sư đoàn không vận 101 của Mỹ đã chiếm được ngọn đồi sau nhiều cuộc tấn công. Theo báo cáo quân sự có 622 lính chính quy Bắc Việt bị hạ, phía Mỹ có 84 tử thương và 480 bị thương. Sau khi thanh toán mục tiêu, quân đội Mỹ đã bỏ ngọn đồi để tiến chiếm mục tiêu khác.

Trận đánh đã gây một tiếng vang chính trị tại Thượng-viện Mỹ và trong dư luận quần chúng. Người ta đã không ca tụng chiến thắng vẻ vang đó và những gương can đảm kỷ luật của quân đội Mỹ. Trái lại Thượng nghị sĩ Mỹ Edward Kennedy đã lên án chiến công-Ấp Bia là « vô nghĩa lý và vô trách nhiệm » vì đã tổn phí nhân mạng một cách vô ích. Dư luận báo chí Mỹ cũng hùa theo và chỉ trích giới chỉ huy quân sự Mỹ tại Việt-nam. Những lời chỉ trích đó chứng tỏ ngay cả trong chính giới Mỹ cũng còn có những người chưa hiểu tí gì về quan niệm « vừa đánh vừa đàm » của Cộng sản. Bởi vậy họ đã chủ trương một chính sách quân sự hòa hoãn, với mục đích tiết kiệm sinh mạng, trong khi các cuộc hòa đàm đang được diễn ra. Kinh nghiệm ở Cao-ly cho hay rằng một phần lớn các thương vong của Mỹ đã xảy ra trong khi hòa đàm vì Cộng - sản gia tăng hoạt động quân sự. Theo giới quân sự Mỹ ở Saigon thì từ khi hòa đàm bắt đầu, họ vẫn chưa nhận được chỉ-thị của Hoa-Thịnh-Đốn giảm áp lực trên chiến trường. Các cuộc hành quân cấp tiểu đoàn trở lên tuy có ít đi, nhưng các cuộc hành quân nhỏ hơn lại thường xuyên hơn. Cũng theo giới quân sự thì chiến thuật này khiến cho có thể giữ số thương vong của lực lượng bạn tới mức tối thiểu, trong khi đó áp

lực quân sự vào địch vẫn giữ được ở mức tối đa. Trận Ấp Bia không phải là một cuộc hành quân tiến chiếm một ngọn đồi vô nghĩa như một số dư luận Mỹ tưởng, mà chính là một cuộc hành quân đi tiêu diệt cơ sở tiếp vận của địch và giảm tiềm năng gia tăng áp lực quân sự của địch.

Hội nghị Midway

Tháng 5 vừa qua dư luận quốc tế lại hết sức chú trọng đến Việt-Nam vì các kế hoạch vẫn hồi hòa bình tại đất nước này được liên tiếp công bố. Sau 6 điểm của TT Nguyễn văn Thiệu (7-4-69) là 10 điểm của Trần Bửu Kiếm (8-5-69) rồi lại đến 8 điểm của TT Nixon (14-6-69). Ngưng bắn, rút quân, tuyên cử... đó là những điểm trọng yếu mà lập trường của các phe đều còn cách nhau quá xa.

Cộng sản đòi Mỹ đơn phương rút quân, đòi lập Chính-phủ liên-hiệp tại Miền Nam V.N. để tổ chức tuyên cử và những đòi hỏi này trước khi được đặt vào giải pháp toàn bộ của họ, đã được lập đi lập lại trong mỗi phiên họp của hòa hội Ba-lê một cách dai dẳng, kiên nhẫn như trước kia họ đã đòi Mỹ ngưng oanh tạc toàn diện miền Bắc. Nếu những điểm trên đây mà Cộng sản được thỏa mãn thì từ hoàn cảnh ăn núp trên rừng núi, lén lút tại nông thôn, họ đã nghiêm nhiên công khai được đặt chân vào thành phố, nắm lấy chính quyền trước khi cướp lấy trọn vẹn về mình. Bởi vậy vấn-đề « Chính-phủ liên hiệp » là chuyện sinh tử của chính-thể cộng-hòa hiện hữu của Miền Nam mà dư luận trong nước rất xôn xao, nhất là khi 8 điểm của T. T. Nixon đưa ra lại có những điều mà người ta cho là không rõ rệt. Báo chí, chính khách, dân biểu, nghị sĩ Việt-Nam tỏ ý thắc mắc rất nhiều, mặc dầu

chính phủ VN đã lên tiếng là lập trường của T. T. Nixon và T. T. Thiệu không có gì khác biệt.

Tuy nhiên sau bài diễn-văn ngày 14-5-69 của T. T. Nixon, trong dịp Ngoại trưởng Hoa-kỳ W. Rogers tới Saigon, người ta được tin là T. T. Nguyễn-văn-Thiệu sẽ hội kiến với T. T. Nixon. Ngày và nơi hội nghị sau đó được ấn định là 8/6 tại đảo Midway, giữa đường từ Saigon tới Hoa-Thịnh-Đốn.

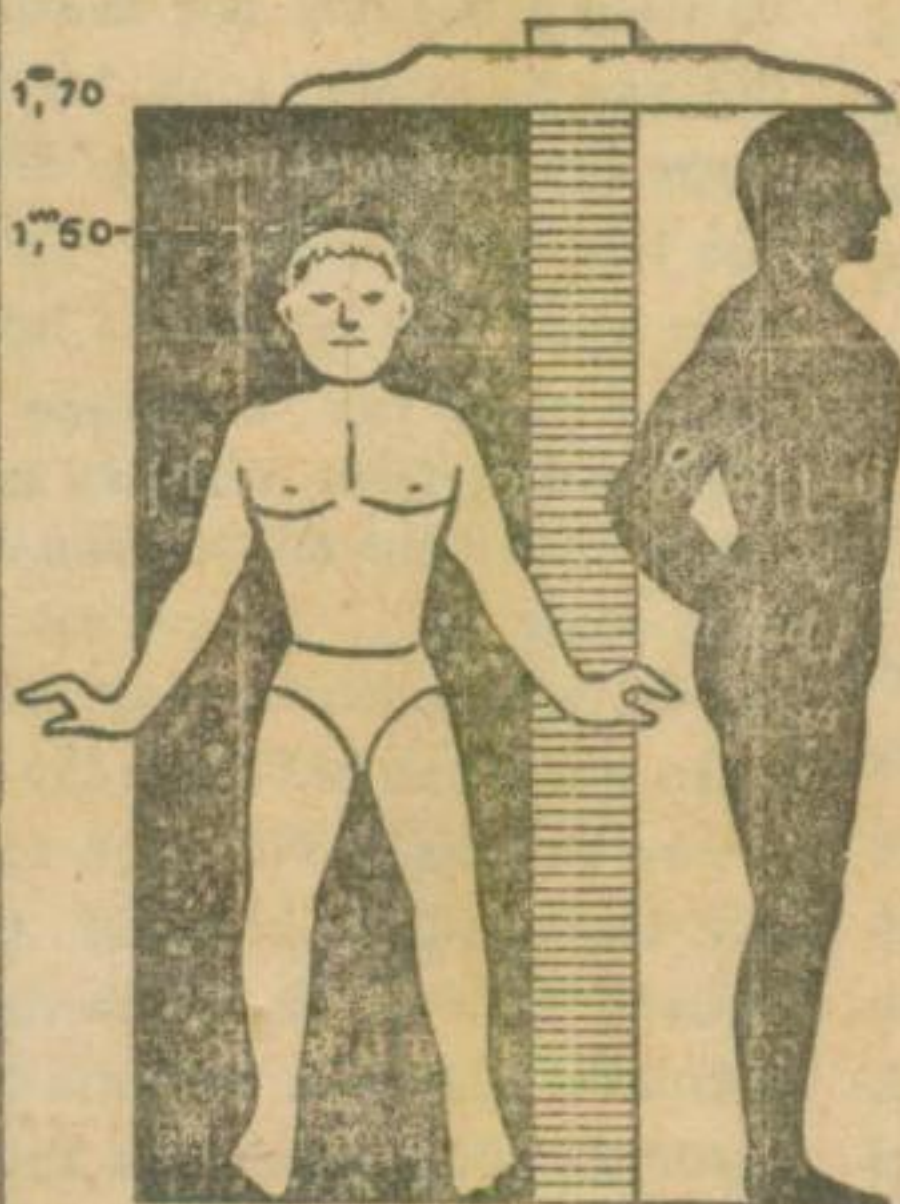
Trước khi gặp T.T. Nixon, T.T. Nguyễn văn Thiệu đã viếng thăm Đại-hàn ngày 27/5 và Trung Hoa Quốc Gia ngày 30/5. Hai quốc gia nạn nhân của Cộng sản này đã đón tiếp Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa rất trọng thể và trong những bản thông cáo chung đều có điểm cương quyết bác bỏ giải pháp « Chánh phủ Liên hiệp ».

Gần tới ngày hội nghị Midway, những tuyên ngôn của Thượng-viện, Hạ-viện Việt-Nam càng bộc lộ niềm lo ngại của nhân dân V.N. về vấn đề chánh phủ liên hiệp. Nhưng sau hội-nghị «chớp nhoáng » Midway, T.T. Nguyễn văn Thiệu trở về đã đánh tan mối lo ngại trên đây : Không có chánh-phủ liên-hiệp; nội trong tháng 8/69, 25.000 quân Mỹ sẽ rời Việt Nam và sẽ được thay thế bằng quân đội V.N; từ nay đến cuối năm phải kiểm soát được 100 o/o dân chúng vv...

Có lẽ thất bại về yếu-sách chính phủ liên hiệp trên đây, nên Cộng-sản lại vừa tạo ra một cái « Chánh-phủ cách mạng Cộng hòa miền Nam » với. Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

- CON NỮ MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

S6 KN 78 MBYT/QCDP

để chào đón bình minh một thời đại văn hoá va chạm rực rỡ bao la
chắc chắn sắp đến, để nhìn tận mặt bề nổi và chiều sâu của một thời đại
đặc thù sắp đi qua, để an ủi và thăng hoa đời sống thật nhất của mình
cho đến ngày tắt hơi, các bạn nên tìm đọc

MƯỜI LĂM NĂM THI CA MIỀN NAM 1955 - 1969

Bùi Giáng, Viên Linh, Minh Ngọc, Trần Thanh Hiệp, Võ văn Ái,
Nguyễn Nho Sa Mạc, Hồ Minh Dũng, Đoàn Thêm, Trần Xuân Kiêm,
Phùng Khánh, Tô Thùy Yên, Trần Dạ Từ, Đoàn Ngọc Quỳnh, Trần Lê
Nguyễn, Lê Bá Lăng, Hoàng Ngọc Châu, Nhã Ca, Thanh Tâm Tuyền,
Thạch Trung Giã, Thùy Dương Tử, Phạm Công Thiện, Phan Duy Nhân,
Thạch Chương, Du Tử Lê, Nguyễn Văn Trung, Thái Ngọc San, Lê Văn
Ngăn, Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng, Kiêm Minh, Hà Nguyên Thạch,
Hoàng Bảo Việt, Hoài Khanh, Trần Tuấn Kiệt, Trữ Vũ, Tú Kếu, Ngự
Nhân, Vương Tân, Nguyễn Văn Tụng, Mai Trung Tĩnh, Kiêm Thêm, Đỗ
Quý Toàn, Lan, Nhất Hạnh, Quách Thoại, Nguyễn Đức Sơn...

được viết với tâm địa rộng rãi, từ bi và bác ái hết cỡ bằng những nhận xét
chân tình không ai có. Tha thiết xin các bạn nào đã âm thầm sống chết với
thơ trong khoảng thời gian trên mà không chịu xuất hiện, gửi về cho tôi một
ít bài thơ thích nhất của các bạn cho công trình của tôi thêm công bình — ý
hướng lớn nhất của tôi khi khởi viết. Tôi cũng xin đội ơn ai sẽ gửi về cho tôi
mấy bài thơ của một người ký tên LAN đăng trong nhật báo Chuông-Mai
cách đây khoảng mười năm trong đó có một bài có những câu sau :

tôi đang mơ giấc mộng dài
đừng lay tôi nhé cuộc đời chung quanh
tôi đang nhìn thấy màu xanh
ở trên cây cỏ rất lành rất thơm...

thư về Công Tăng Tôn Nữ Phùng-Thắng, giáo sư Nông-Lâm-Súc Blasio,
nhờ chuyển cho N.Đ.S.

sách sẽ do AN-TIÊM xuất bản, hạ bán niên 1969

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— Ngày đó chúng mình yêu nhau, Tập tuyển 14 bài hát Tình yêu của Phạm Duy do An-Tiêm xuất bản, in lần thứ 2, và gửi tặng. Sách in mỹ thuật, phụ bản của Duy Thanh, bìa do Đinh Cường trình bày. Giá 100đ.

— Trả lại tuổi trẻ tuyển tập của nhóm bạn trẻ Đà Nẵng (5-69, khổ 10 x 26 dày 96 trang gồm những bài tiểu-luận, đoản văn, truyện, thơ của những cây bút trẻ: Nguyệt cầm, Tâm Thanh, Chu Tân, Lam Hồ, Luân Hoán v.v. . Thư từ liên lạc : Đơn Huyền HT 24 Đà Nẵng. Bản đặc biệt.

Chơi giữa mùa trăng đoản văn của Hàn Mặc Tử do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 84 trang gồm 11 bài, trong có 1 bài viết bằng Pháp ngữ, ấn loát rất đẹp. Bản đặc biệt

— Mã lộ Truyện dài của Viên Linh do Văn-Uiễn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 196 trang. Bản đặc biệt. Giá bản thường : 50đ.

HỢP THƯ

— Tạp chí Bách-Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây:

Thế Vũ — Nguyễn Tường Văn — Nguyễn Hà — Phạm đăng Kỳ — Vũ Phong — Đinh Thanh Tùng — Lê Văn Ngăn — Tô nhược Châu — Tô đình Sự — Sâm Thương — Nguyễn nguy Đạt — Như Mây — Phạm thanh Chương — Đu hui — Phạm nhật Tâm — Nguyễn thảo Nương — Hồ Tấn Lộc — Yên Thức — Thái ngọc Sơn — Quảng Thị — Lộ

Khanh — Trần dạ Lữ — Khánh Linh — Hoài Nhã Liên Văn — Triều Nguyên Thủy — Uyên Hà — Trần ngọc Anh — Nguyễn kim Nhượng — Huỳnh thoại Sơn — Kỳ Lê Văn — Trần tử Sinh — Ngy Hữu — Lương văn Sỹ — Nguyễn văn Khương — Nguyễn Chính Kinh — Yến Nguyên Thanh — Lê xuân Liêm — Đông Hòa — Nguyễn Tam Phù Sa — Chu Trầm Nguyên Minh — Trương đình Quynh — Đoàn Hồng Thủy — Nguyễn Hữu Hạnh Vũ — Nguyễn Cường — Huỳnh thoại Sơn — Lê vi Ngọc — Nguyễn Hoàng Anh Vũ — Trần — Vương Phong Lan — Đỗ Quảng — Lữ Quỳnh — Nguyễn kim Phụng.

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Những bài nào đăng được, chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp-thư này trên 2 số báo tới đây.

— Ô. Nguyễn-văn-Khương : Cuốn sách ông phê bình xuất bản đã quá lâu rồi... và chẳng tạp chí Bách Khoa lâu nay không còn mục « Điểm-sách » nữa, mong ông thông cảm cho.

— Các anh Thế-Viên, Thế-Phong, Trần-Huyền-Ân, Cung-Lích-Biến : Khi nào tiện đường các anh ghé tòa soạn B.K. nhận tập... Qê hương ... A Chúc các anh mạnh. — NGU-Í,

Ô. Rahman Ayounathay : Rất hoan nghênh sự góp ý của ông, nhưng giá ông viết cho thành một bài thì hay quá. Xin ông cho chúng tôi biết địa chỉ để tiện liên lạc.

Một độc-giả ở Qui-nhơn : Báo Bách Khoa ra 13 năm nay, không thể đổi khổ được vì các độc giả cũ đã đóng Ngăn thành tập và được 38 tập rồi, mong ông hiểu cho.

Ô. Đặng tấn Tới. (Saigon) : Sẽ đăng « Thanh Xuân ».

Ô. Hạ đình Thao, Uyên-Hà : Sẽ đăng « Khóc N.N.N » « Hoàng hôn của một người ».